

Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang San Jose

Sách Giáo Khoa Việt Ngữ Cấp 4

Ấn bản 8.7 1983-2016

Họ và tên học sinh _____

Lớp _____ **Khóa** _____

Thầy/Cô phụ trách _____

Số phòng học _____

***Cây có cội,
nước có nguồn.***



Sách Cấp 4, ấn bản 8.7 1983-2016.
Tài liệu giáo khoa
Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang - San Jose xuất bản.
Tháng Chín, 2016.

Liên lạc, thư từ và ý kiến xin gởi về:

Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang San Jose
P.O. Box 32563
San Jose, CA 95152

Điện thoại: (408) 647-5147
E-mail: admin@vanlangsj.org
Web site: <http://www.vanlangsj.org>

MỤC LỤC

- Nội Quy.....	iv
- Lời Mở Đầu.....	v
- Định Nghĩa.....	vi
- Những Nguyên Tắc Căn Bản.....	vii
- Chữ Cái và Cách Phát Âm.....	xi

Bài học.

- Tiêu Chuẩn cho học sinh Cấp 4.....	1
- Bài Ôn Cấp 3.....	2
- Bài 1: anh, ach.....	5
- Bài 2: ênh, êch.....	9
- Bài 3: inh, ich.....	13
- Bài 4: học ôn vắn anh, ach, ênh, êch, inh, ich.....	17
- Bài 5: ang, eng.....	21
- Bài 6: ăng, âng.....	25
- Bài 7: ong, ông, ung, ưng.....	29
- Bài 8: học ôn vắn ang, eng, ăng, âng, ong, ung, ông, ưng.....	33
- Bài 9: iêc, iêp.....	37
- Bài 10: iên, yên.....	41
- Bài 11: iêm, yêm.....	45
- Bài 12: học ôn vắn iêc, iêp, iên, yên, iêm, yêm.....	49
- Bài Thi Mẫu Kỳ Thi Giữa Khóa.....	53
- Bài 13: iêu, yêu.....	57
- Bài 14: iêt, yêt.....	61
- Bài 15: iêng, yêng.....	65
- Bài 16: học ôn vắn iêu, yêu, iêt, yêt, iêng, yêng.....	69
- Bài 17: oai, oan.....	76
- Bài 18: oac, oat.....	80
- Bài 19: oăn, oăt.....	84
- Bài 20: học ôn vắn oai, oan, oac, oat, oăn, oăt.....	88
- Bài 21: oanh, oach.....	92
- Bài 22: oang, oăng.....	96
- Bài 23: uân, uât.....	100
- Bài 24: học ôn vắn oanh, oach, oang, oăng, uân, uât.....	104
- Bài Thi Mẫu Kỳ Thi Cuối Khóa.....	108

Bài làm ở nhà.

- Bài làm ở nhà 1	111
- Bài làm ở nhà 2	115
- Bài làm ở nhà 3	119
- Bài làm ở nhà 4	123
- Bài làm ở nhà 5	127
- Bài làm ở nhà 6	131
- Bài làm ở nhà 7	135
- Bài làm ở nhà 8	139
- Bài làm ở nhà 9	143
- Bài làm ở nhà 10	147
- Bài làm ở nhà 11	151
- Bài làm ở nhà 12	155
- Bài làm ở nhà 13	159
- Bài làm ở nhà 14	163
- Bài làm ở nhà 15	167
- Bài làm ở nhà 16	171
- Bài làm ở nhà 17	175
- Bài làm ở nhà 18	179
- Bài làm ở nhà 19	183
- Bài làm ở nhà 20	187
- Bài làm ở nhà 21	191
- Bài làm ở nhà 22	195
- Bài làm ở nhà 23	199
- Bài làm ở nhà 24	203
- Bản đồ Việt Nam	207
- Ngữ vựng đã học	208
- Giải nghĩa tục ngữ	216
- Việt Sử đọc thêm	218
- Tài liệu tham khảo	222
- Quốc Ca Việt Nam	223
- Văn Lang Hành Khúc	224
- Ngôi Trường Văn Lang	225
- Việt Nam Việt Nam	226
- Việt Nam Quê Hương Ngạo Nghễ	227

Nội Quy dành cho học sinh và phụ huynh thuộc TRUNG TÂM VIỆT NGỮ VĂN LANG SAN JOSE

- 1- **Học sinh phải đi học đúng giờ và liên tục**, học sinh đến lớp trễ quá 15 phút, phải có phụ huynh đích thân dẫn tới văn phòng gặp Ban trật tự để nhận giấy phép vào lớp.
- 2- **Học sinh nghỉ học**, phụ huynh phải xin phép trước với Thầy, Cô giáo, gọi vào điện thoại Trung Tâm hoặc đến gặp Ban trật tự trình bày lí do nghỉ học vừa qua. Học sinh nghỉ liên tiếp 3 lần mà không có lí do chính đáng, không xin phép cũng như không có phụ huynh đích thân dẫn tới gặp Ban trật tự thì coi như tự ý thôi học.
- 3- **Học sinh bắt buộc phải mặc đồng phục** (áo trắng có phù hiệu Văn Lang). Học sinh không được về sớm quá 5 lần trong một khoá học. Ban trật tự sẽ không giải quyết cho học sinh xin về sớm nếu người xin phép không phải là người đứng tên trong đơn xin nhập học hay sau 11 giờ trưa (trừ trường hợp khẩn cấp)
- 4- **Học sinh phải giữ kỉ luật trong lớp**, lễ phép với Thầy, Cô, tuyệt đối tuân theo sự hướng dẫn của Thầy, Cô và hòa nhã với bè bạn. Học sinh vi phạm kỉ luật và tỏ ra thiếu lễ độ sẽ bị cảnh cáo, nếu còn tái phạm sẽ không được tiếp tục theo học tại Trung Tâm.
- 5- **Học sinh phải tham dự đầy đủ các kì thi trong khóa học** (nếu không tham dự đầy đủ các kì thi sẽ đương nhiên ở lại lớp. Các trường hợp xin thi trước hoặc sau đều không được chấp nhận). Học sinh phải hoàn tất những bài tập do Thầy, Cô đã cho và nộp lại đúng kì hạn. Học sinh vắng mặt 5 lần dù có lí do chính đáng cũng không được lên lớp trong khóa tới.
- 6- **Học sinh phải giữ vệ sinh chung của trường và lớp học**, tuyệt đối không được ăn uống trong lớp học, di chuyển, lấy cắp đồ đạc, sách vở cũng như trợ huân cụ của lớp học. Mọi sự thất thoát có bằng chứng phụ huynh phải chịu trách nhiệm hoàn trả theo trị giá của từng món và học sinh sẽ không được tiếp tục theo học.
- 7- **Học sinh không được mang giấy có bánh xe** trong khuôn viên nhà trường và **các loại đồ chơi vào lớp học** bao gồm: đồ chơi bằng hình (game cards), máy chơi điện tử (Ds Lite, Dsi v.v..), máy hát (ipod, Mp3...) nếu bị bắt gặp chơi trong giờ học lần đầu sẽ bị cảnh cáo và thông báo đến cha mẹ. Nếu tiếp tục học sinh sẽ được cho thôi học. Những trường hợp mất mát nhà trường không chịu trách nhiệm.
- 8- **Cấm Mang Vũ khí**, học sinh tuyệt đối không được mang vào lớp học hay khuôn viên nhà trường gây gộc, các vật dụng bén nhọn, chất nổ, ma túy cũng như vũ khí. Ban điều hành có trách nhiệm báo cáo với sở cảnh sát mà không cần thông báo cho phụ huynh.
- 9- **Đưa Đón Học sinh**, để an toàn tuyệt đối cho chính con em mình, phụ huynh phải đón con em đúng giờ và chỉ đưa đón con em mình trong khuôn viên nhà trường. Tuyệt đối tuân theo sự hướng dẫn của Ban trật tự về vấn đề giao thông lúc đưa cũng như lúc đón, xin hoà nhã với người hướng dẫn. Mọi ý kiến, xin liên lạc cùng Ban điều hành để được giải quyết.
- 10- **Phụ huynh không được theo con em vào lớp học** nếu không có sự đồng ý của Ban điều hành. Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang San Jose có mọi thẩm quyền xử dụng hình ảnh và video được thu trong tất cả các sinh hoạt của Trung Tâm.
- 11- **Học phí** của học sinh sẽ không được hoàn trả sau 2 tuần nhập học (với bất cứ lí do gì)

Lưu ý: Nếu vi phạm các điều trên, Trung tâm sẽ áp dụng các biện pháp kỉ luật cho học sinh bao gồm: chép phạt, không cho ra chơi, mời phụ huynh đến trường hoặc bị đuổi học vĩnh viễn

Phụ Huynh kí tên:

LỜI MỞ ĐẦU

Hiện nay con em chúng ta rộn rã đến trường vào mỗi cuối tuần để tìm về nguồn cội Việt Nam. Vì vậy, Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang San Jose cố gắng biên soạn bộ sách giáo khoa tiếng Việt "Chúng Em Cùng Học" gồm 10 tập.

Mục tiêu nhằm khuyến khích các em biết đọc, biết viết tiếng Mẹ thân thương và thấm nhuần phong tục tập quán cùng lịch sử của tổ tiên. Sách được soạn từ dễ đến khó: từ cấp lớp 1 đến cấp lớp 10. Mỗi tập gồm có bài học trong lớp và bài làm ở nhà. Ngoài ra còn có hai kì thi giữa khóa và cuối khóa để kiểm nhận trình độ học vấn của các em.

Thời gian để hướng dẫn sửa bài làm ở nhà và học bài mới tại lớp là 2 giờ 30 phút, không kể 30 phút ra chơi trong một buổi học.

Về cách phát âm chữ cái và ráp vần, chúng tôi áp dụng theo cuốn "Cẩm Nang Sư Phạm" do công trình biên soạn chung của nhiều nhà giáo khả kính và giàu kinh nghiệm trong ban đại diện các Trung Tâm Việt Ngữ miền Nam California. Tập sách này đã được tái bản tháng 7 năm 1996.

Về cách viết tiếng có I (ngắn) hay Y (dài), chúng tôi căn cứ vào cuốn "Tự Điển Việt Nam" của hội Khai Trí Tiến Đức do nhà xuất bản Trung Bắc Tân Văn ấn hành tại Hà Nội năm 1931, trong khi chờ đợi một chuẩn mực chính tả chung trong tương lai.

Nhân dịp này, kính mong quý văn, thi sĩ cũng như quý giáo chức rộng lòng cho phép chúng tôi được dùng những bài văn, thơ của quý vị để làm tài liệu giảng dạy. Và mặc dù đã cố gắng nhiều, chúng tôi ước mong quý vị có nhiệt tâm với tiếng Việt chỉ giáo những thiếu sót để cho bộ sách "Chúng Em Cùng Học" ngày được hoàn hảo hơn.

Xin quý vị nhận nơi đây lời tri ân chân thành của chúng tôi.

Trân trọng,

Ban Tu Thư
Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang San Jose,
California, U . S . A.

ĐỊNH NGHĨA

- I - CHỮ** Chữ là dấu hiệu viết ra, chấp lại với nhau để biểu thị tiếng nói.
Tiếng Việt có 23 chữ cái:
a, b, c, d, đ, e, g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s, t, u, v, x, y.
- II - ÂM** Âm là giọng. Âm có âm trầm (tức là giọng thấp) và âm bổng (tức là giọng cao).
Để ghi âm tiếng Việt, chúng ta có nguyên âm, phụ âm đơn và phụ âm ghép:
- 12 nguyên âm: ***a, ă, â, e, ê, i, o, ô, ơ, u, ư, y.***
- 17 phụ âm đơn: ***b, c, d, đ, g, h, k, l, m, n, p, q, r, s, t, v, x.***
- 11 phụ âm ghép: ***ch, gh, gi, kh, ng, ngh, nh, ph, qu, th, tr.***
- III - VẦN** Vần, do một nguyên âm đứng một mình, hay ghép với một hoặc nhiều âm khác mà thành. Vần có thể là một tiếng hay một phần của tiếng. Vần đôi khi không có nghĩa.
Thí dụ: ***a, o, ui, iết, ong, iêng, ươm*** v. v. . .
- IV - TIẾNG** Tiếng do một nguyên âm đứng riêng hay do nhiều âm ráp lại mà thành. Tiếng đôi khi không có nghĩa.
Thí dụ: ***A! bông hoa đẹp quá.***
Câu này có năm tiếng.
- V - TỪ** Từ do một hay nhiều tiếng ghép lại. Từ có từ đơn và từ ghép. Từ luôn luôn có ý nghĩa.
Thí dụ:
- ***A, ba, nhà*** là ba từ đơn.
- ***Học sinh, thầy giáo, cô giáo, máy bay trực thăng*** là bốn từ ghép.

NHỮNG NGUYÊN TẮC VIẾT CHÍNH TẢ

(Thầy cô tùy nghi áp dụng về các dấu trong khi giảng dạy)

A- Vị trí chung cho các dấu giọng.

1) Những từ chỉ có một nguyên âm mang dấu mũ hay không có dấu mũ --- **a, ă, â, e, ê, i, o, ô, ơ, u, ư** ---, thì dấu giọng được viết ở nguyên âm ấy như :

- Ăn **quả** nhớ kẻ trồng cây.
- **Gần** mực thì đen, **gần** đèn thì rạng.

2a) Nếu từ có hai nguyên âm đứng sau phụ âm thì dấu giọng phải được viết ở nguyên âm đầu như :

- Chị **Thùy** bỏ **kẹo** vào **túi** áo.
- **Cái** răng **cái** tóc là vóc con người.

Trường hợp phụ âm ghép “qu” thì dấu giọng phải được viết ở nguyên âm sau như :

- Chị đói **quá** nên ăn hết đồ ăn của em.
- Ăn **quả** xanh dễ bị đau bụng.
- **Quý** vị làm ơn cúi đầu khi làm lễ.

2b) Nếu từ có hai nguyên âm, một mang dấu mũ và một không có dấu mũ, thì dấu giọng phải được viết ở nguyên âm có dấu mũ như :

- Anh đừng có **quở** cháu **tội** nghiệp.
- Bấy **giờ** đã quá sáu **giờ** chiều.
- Cúng **giỗ** ở bên này phải **lựa** ngày **bảy** trẻ không đi làm.
- **Quế** đóng **thuế** trễ nên bị phạt

3) Nếu từ có hai nguyên âm ở giữa hay đằng trước phụ âm thì dấu giọng phải được viết ở nguyên âm sau như :

- Cụ **Toàn** thích ăn **oản**.
- **Nước Việt** Nam có ba **miền** : Bắc, Trung, Nam.

4) Nếu từ có ba nguyên âm thì dấu giọng ở vào vị trí nguyên âm giữa như :

- Hãy yêu thương **người** đồng **loại**.
- Ông bà **ngoại** em có lòng **đoái** thương **người** **thiếu** ăn, **thiếu** mặc.

5) Nếu từ có ba nguyên âm ở giữa phụ âm thì dấu giọng phải được viết ở nguyên âm cuối như :

- Em nghĩ **chuyện** **huyền** thoại là **truyền** **thuyết** không có thật.
- **Quyển** sách đó nói về các vua nhà **Nguyễn**.

B- Quy tắc về dấu hỏi (?) hay dấu ngã (~) trên các từ láy.

Đặc biệt áp dụng cho các từ láy thì dấu hỏi (?) hay dấu ngã (~) được đánh dấu theo quy tắc sau đây:

1) Dấu hỏi (?).

Một trong hai tiếng của từ láy không có dấu () hoặc có dấu sắc (´) thì tiếng còn lại phải được đánh dấu hỏi (?) như :

- Thoai thoải, chăm chỉ, mát mẻ, rải rác

2) Dấu ngã (~).

Một trong hai tiếng của từ láy có dấu huyền (`) hoặc có dấu nặng (•) thì tiếng kia phải được đánh dấu ngã (~) như :

- Bì bõm (lội), dễ dàng, rộn rã, nghĩ ngợi

* Áp dụng quy tắc này qua câu thơ:

***“Em Huyền (`) mang Nặng (•) Ngã (~) đau
Anh Không () Sắc (´) thuốc Hỏi (?) đau chỗ nào”.***

Tuy nhiên cũng có một số ít từ láy thuộc vào trường hợp ngoại lệ và cũng có một số từ ghép Hán Việt không theo quy tắc trên như :

- Ngoan ngoãn, Sửa soạn, Đầy đủ, Bồi bổ, Hỏa hoạn, Thỏ thần

C- Viết chính tả với chữ i và y

Vào năm 1931, hội Khai Trí Tiến Đức cho xuất bản bộ "Việt Nam Tự Điển" tại Hà Nội. Kể từ đó đến nay chúng ta được biết nhiều nhà văn, nhà giáo đã góp ý kiến hoặc viết sách báo theo chuẩn mực chính tả đề cập trong bộ tự điển này.

Gần đây một nhà văn bày tỏ thêm ý kiến như sau:

"Việt Nam Tự Điển" của hội Khai Trí Tiến Đức, do nhà xuất bản Trung Bắc Tân Văn ấn hành tại Hà Nội năm 1931 phân biệt khá rõ rệt trường hợp nào viết với chữ I và trường hợp nào viết với chữ Y.

Những hội nghị về chữ quốc ngữ, điển hình là "Hội Nghị Thống Nhất Ngôn Ngữ" (1956) hay những ủy ban chuyên môn nghiên cứu về chữ quốc ngữ để nêu ra nguyên tắc chính tả, như "Ủy Ban Điển chế Văn tự" (1973) đều nhấn mạnh cần sử dụng bộ "Việt Nam Tự Điển" của hội Khai Trí Tiến Đức làm tiêu chuẩn. Tiếc là không mấy ai chú ý đến những lời khuyến cáo này. Để rồi vẫn viết sai nhiều chữ mà tưởng là mình viết đúng. Trong đó có trường hợp lẫn lộn giữa chữ I và chữ Y. Lâu dần, sự sai lầm đó trở nên phổ quát hầu như không thể nào sửa lại được nữa cho những người quen dùng.

Nay chúng tôi biên soạn bộ sách giáo khoa "Chúng Em Cùng Học". Ban Tu Thư của trường Việt Ngữ Văn Lang San Jose dựa theo nguyên tắc chính tả trong bộ tự điển của hội Khai Trí Tiến Đức để giúp các em bớt khó khăn khi ráp vần và viết chính tả với chữ I và chữ Y.

Xin nêu ra đây những nhận định tiêu biểu :

I. Về chữ i.

Chỉ viết chữ **i** khi **i** ngắn là nguyên âm duy nhất trong một tiếng hay một từ như :

Trước kia viết:

Nay sẽ viết:

lý do
địa lý
đi tỵ nạn
một tỷ đồng
v. v. . .

lí do
địa lí
đi tị nạn
một tỉ đồng

II. Về chữ **y**.

Chỉ viết chữ **y** dài trong những trường hợp sau đây :

1. Tự nó (chữ **y**) là một tiếng có đủ nghĩa như :

chú y	ngồi y
y kiên	y phục
y lại	v. v. . .

2. Tuy **y** và **i** đồng âm nhưng khác nghĩa khi ráp vần. Cho nên vần mà có nguyên âm **y** dài phải được sử dụng chính xác, không thể viết lẫn lộn với nguyên âm **i** ngắn được như :

● Từ có vần:

nước **chảy** (ay)
ngày **nay** (ay)
say **túy lúy** (uy)
cô **Thúy** (uy)
v. v. . .

không thể viết
không thể viết
không thể viết
không thể viết

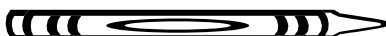
● Từ có vần:

nước **chải** (ai)
ngày **nai** (ai)
say **túi lúi** (ui)
cô **Thúi** (ui)

3. Với **y** dài hay **i** ngắn của danh từ riêng về người, về địa danh v. v. . . trước sau không thay đổi như :

Nguyễn Ngu Í	(tên nhà văn)
Lý Thường Kiệt	(tên một danh tướng)
Mỹ Tho	(tên một tỉnh)
Mỹ Quốc	(tên một nước)
v. v. . .	

Chúng tôi hi vọng con em chúng ta sẽ không còn bối rối khi nào viết **i** ngắn và khi nào viết **y** dài.



23 CHỮ CÁI TIẾNG VIỆT

A a	B b	C c	D D	Đ đ	E e	G g	H h
I i	K k	L l	M M	N n	O o	P p	Q q
R r	S s	T t	U u	V v	X x	Y y	

THÊM DẤU

* Dấu mũ:  * Dấu á:  * Dấu móc: 

CÁCH PHÁT ÂM CHỮ CÁI CÓ THÊM DẤU

A a	Ă á	Â ớ	B Bờ	C cờ	D dờ	Đ đờ	E e
Ê ê	G gờ	H hờ	I I	K ca	L lờ	M mờ	N nờ
O o	Ô ô	Ơ ơ	P Pờ	Q quờ	R rờ	S sờ	T tờ
U u	Ư ư		V vờ	X xờ	Y i-cờ-rét		

Chú ý: - Chữ **k** chỉ ghép với ba nguyên âm: **i, e, ê** (ki, ke, kê)

- Chữ **c** ghép với các nguyên âm còn lại: **a, o, ô, ơ, u, u** (ca, co, cô, cơ, cu, cừ)

12 nguyên âm đơn

A	Ă	Â	E	Ê	I
<i>a</i>	<i>á</i>	<i>ớ</i>	<i>e</i>	<i>ê</i>	<i>i</i>
O	Ô	Ơ	U	Ư	Y
<i>o</i>	<i>ô</i>	<i>ơ</i>	<i>u</i>	<i>ư</i>	i-cờ-rét

11 phụ âm ghép

CH	GH	GI	KH
<i>chờ</i>	<i>gờ-hát</i>	<i>giờ</i>	<i>khờ</i>

NG	NGH
<i>ngờ</i>	<i>ngờ-hát</i>

NH	PH	QU	TH	TR
<i>nhờ</i>	<i>phờ</i>	<i>quờ</i>	<i>thờ</i>	<i>trờ</i>

Chú ý: - Phụ âm ghép **gh** chỉ ráp được với các nguyên âm **e, ê, i**.

- Phụ âm đơn **g** ráp được với các nguyên âm **a, i, o, ô, ơ, u, ư**.

Tiêu Chuẩn cho học sinh cấp 4

- Đọc và viết thông thạo: nguyên âm và phụ âm kép của tiếng Việt Nam (anh, ach, ênh, êch, inh, ích, ang, eng, ăng, âng, ong, ông, ung, ung, iêc, iêp, iên, iêm, yêm, iêu, yêu, iêt, yêt, iêng, yêng, oai, oan, oac, oat, oăn, oăt, oanh, oach, oang, oăng, uân, uât)
- Đặt câu
- Học thuộc lòng
- Chính tả, tập đọc đoạn văn ngắn 4-5 dòng
- Điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa
- Giải nghĩa
- Học các tháng, năm
- Việt sử (Phù Đổng Thiên Vương, Sự Tích Quả Dưa Hấu, Sơn Tinh Thủy Tinh, Lý Ông Trọng, Nguyễn Bình Khiêm, Sự Tích Nỏ Thần, My Châu và Trọng Thủy)
- Địa lý (núi non, đồng bằng, sông ngòi Việt Nam, khí hậu, dân cư)
- Làm bài và nộp bài đầy đủ và đúng kì hạn do thầy cô yêu cầu
- Hoàn tất 2 kì thi : học kì 1 và học kì 2.

BÀI ÔN CẤP 3

- **Vần.**

at ăt ât em êm im en ên in
ep êp ip et êt it eo êu iu
ec oc ôc ia oa oe oi ôi ơi
om ôm ơm on ôn ơn op ôp ơp
ot ôt ơt ua ưa uc ưc ui ưi
uy um un uê up ut ưt

- **Tập đọc có vần:**

at → hạt sen	ăt → bắt cá	ât → giạt câu
em → thềm ăn	êm → nằm nệm	im → tổ chim
en → hoa sen	ên → tên em	in → xin tiền
ep → ngõ hẹp	êp → đèn xếp	ip → rộn rịp
et → nghệt mũi	êt → sơn phết	it → trái mít
eo → leo trèo	êu → áo thêu	iu → nhỏ xíu
ec → con kéc	oc → bé khóc	ôc → gốc cây
ia → đỏ tía	oa → hoa huệ	oe → tròn xoe
oi → con voi	ôi → ông nội	ơi → lá rơi
om → om sòm	ôm → bé ốm	ơm → nôi cơm
on → trẻ con	ôn → bộn rộn	ơn → to lớn
op → tập hợp	ôp → hộp thư	ơp → lớp học
ot → bánh ngọt	ôt → bạn tốt	ót → ớt cay

ư	→	ngủ trưa	uc	→	cây trúc	ưc	→	nóng bức
ui	→	gặp xui	uri	→	mũi người	uy	→	bị quỳ
um	→	lùm cây	un	→	ăn bún	uê	→	về quê
up	→	túp lều	ut	→	lũ lụt	urt	→	đứt tay

* Thầy cô có thể thêm vào những từ khác liên kết với những vần trên để các em tập đọc

•

• Bài Tập.

Tìm và gạch dưới những từ ở trên có vần

ăt, êp, it, êu, ôc, ư, ôp, uri, uê, ôn, ơm, ot

• Đặt từ với những vần dưới đây:

eo: _____	ui: _____	oa: _____
ôi: _____	om: _____	ot: _____
uy: _____	uê: _____	ut: _____

• Tập đọc.

Mưa lớn

Hôm nay trời oi ả khác lạ. Báo hiệu sắp có cơn mưa lớn. Mây kéo về đen nghịt. Cả bầu trời tối om như ban đêm. Mưa bắt đầu rơi lác đác rồi ào ào như thác đổ. Sấm nổ rền, chớp chói lòa làm trẻ con sợ hãi. Sau cơn mưa, cây cối như được tắm gội sạch sẽ. Khí trời mát mẻ trở lại.

• Chính tả.

Thầy cô đọc chính tả cho các em viết.

• Bài tập.

- Tìm và gạch dưới từ đơn có vần **oi, ôi, ơi**.
- Tìm và gạch dưới từ đơn có vần **om, on, ơn**.
- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm, đúng như trong bài:

- **Viết sử.**

Bánh Chung Bánh Dầy

Bánh vuông hình đất,
Vua gọi bánh chưng.
Bánh tròn hình trời,
Vua gọi bánh dầy.
Bày tỏ lòng ngay.
Công ơn tiên tổ,
Ví như đất trời.

**Thầy cô đặt một vài câu hỏi liên quan đến sự tích "Bánh Chưng bánh dầy" cho các học sinh nhớ lại bài học*

- **Địa lí.**

Khí Hậu Việt Nam

Nước Việt Nam ở vùng nhiệt đới nên có **khí hậu** nóng và ẩm thấp. Nhờ hai phía giáp biển nên mùa nóng không nóng quá, mùa lạnh không lạnh quá.

- **Giải nghĩa.**

- **Lác đác:** Thưa thớt, ít ỏi. - **Khí hậu:** Tình hình chung về thời tiết của một vùng.

**Thầy cô đặt một vài câu hỏi liên quan đến "khí hậu Việt Nam" cho các học sinh nhớ lại bài học*

BÀI MỘT

- **Vần:** **anh** **ach**
 Phát âm: a-nhờ-anh a-chờ-ach

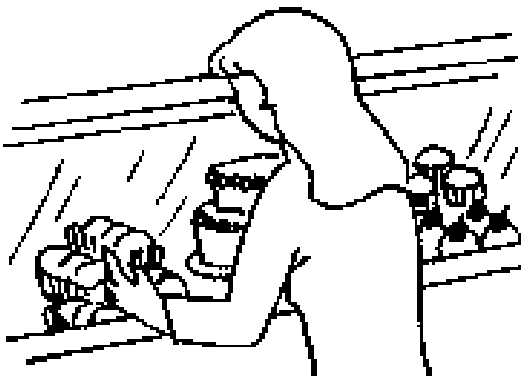
Nguyên âm Phụ âm = Vần	Em học từ Phụ âm / Vần
a + nh = anh	Tranh ảnh (trờ-anh-tranh a-nhờ-anh-hỏi-ảnh) Bánh ngọt (bờ-anh-banh-sắc-bánh ngờ-ot-ngot-nặng-ngọt)
a + ch = ach	Sạch sẽ (sờ-ach-sach-nặng-sạch sờ-e-se-ngã-sẽ) Xách giỏ (xờ-ach-xach-sắc-xách giờ-o-gio-hỏi-giỏ)

• Bài tập.

- Em hãy chọn từ dưới đây để viết vào chỗ trống mỗi câu cho thích hợp với hình vẽ:

sạch sẽ - bánh ngọt

- Sau khi điền xong, em gạch dưới mỗi từ trong câu có vần đúng với vần ở góc trái ô hình.

anh ánh  Chị Thanh mua _____	ách ạch  Em giữ sách vở _____
---	---

• **Ráp vần.**

b + anh		banh <i>(bờ-anh-banh)</i>	bánh <i>(bờ-anh-banh-sắc-bánh)</i>
c		canh chua	cảnh sát
nh		nhanh nhẹn	nhánh cây
th		thanh thản	thành thật

h + ach		hách <i>(hờ-ach-hach-sắc-hách)</i>	hạch <i>(hờ-ach-hach-nặng-hạch)</i>
r		rách nát	con rạch
th		thách thức	thạch chè
tr		trách móc	thỏ trạch

• **Bài tập.**

Đọc câu đặt sẵn:	Dùng từ bên dưới đặt câu và viết lên giấy:
Bánh mì đã hết sạch. Thanh ì ạch đẩy xe. Pháo nổ nghe tạch tạch. Ở sạch thì mạnh khỏe. Hạnh ghé lại thăm bà. Gà có cánh như chim.	. . . bánh ngọt trái chanh xách giỏ sách vở cánh cửa cành cây . . .

• Tập đọc.

Lời Mẹ Dặn

Năm nay Thạch lên tám. Em trông lớn và nhanh nhẹn hơn các bạn.

Mẹ dặn Thạch:

Cố **tranh đua** học hành, chăm chỉ đọc sách và làm bài cho kịp các bạn.

Thành thật yêu mến, giúp đỡ bạn bè.

Chớ cậy khỏe mạnh mà **phách lối**, bạn bè sẽ lánh xa.

• Giải nghĩa.

- **Tranh đua**: *Trố tài độ sức với nhau.* - **Thành thật**: *Không gian trá, dối gạt.*

- **Phách lối**: *Ra oai, lên mặt với người khác.*

• Bài tập.

- Tìm và gạch dưới từ trong bài trên có vần **anh, ach**.

- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm đúng như trong bài:

- Tập đọc các từ ghép đã viết ở trên.

- Chọn những từ ở trên để điền vào chỗ trống cho thích hợp:

Thạch đã lên tám và _____ nhẹn, khỏe mạnh hơn các bạn. Mẹ dặn Thạch:

Chăm chỉ đọc _____, làm bài cho kịp bạn.

_____ thật yêu mến và giúp đỡ các bạn.

Chớ cậy khỏe mà _____ lối, bạn bè sẽ _____ xa.

Câu có từ viết sai	Viết lại cho đúng
Em chanh đua học hành. Bá đọc sách trăm chỉ. Bầu trời trong sanh . Anh chớ có phát lỗi. Tành thật yêu mến. Em hãy đọc nhiều xách .	

• **Chính tả.**

- Viết chính tả theo bài tập đọc “ Lời Mẹ Dặn”.

• **Học thuộc lòng:**

Em Học Tiếng Việt

Sáng Chủ nhật **trời thanh**,
Em theo chị và anh,
Đến lớp vui học hành.
Em đọc bài **vanh vách**:
" Lá lành đùm lá rách .
Nên lành dữ, làm lành”.

• **Giải nghĩa.**

- **Trời thanh:** Trời trong và xanh. - **Vanh vách:** Tiếng đọc to, trôi chảy, rõ ràng.

Lá lành đùm lá rách

• **Ráp vần.**

b + ênh		bênh <i>(bờ-ênh-bênh)</i>	bệnh <i>(bờ-ênh-bênh-nặng-bệnh)</i>
l		lênh đênh	sắc lệnh
ch		chênh lệnh	chẻnh mảnh
kh		khênh (khiênh)	khẻnh khảnh

l + êch		lếch <i>(lờ-êch-lếch-sắc-lếch)</i>	lệch <i>(lờ-êch-lếch-nặng-lệch)</i>
x		mắt xếch	mếu xệch
ch		chếch lếch	chệch
ph		bạc phếch	

• **Bài tập.**

Đọc câu đặt sẵn:	Dùng từ bên dưới đặt câu và viết lên giấy:
Ánh trăng thu chênh chéch. Con lộ quá gập ghềnh. Anh Ba cao lênh khênh. Đầu anh đội mũ lệnh. Quần anh xóc xếch. Áo anh bạc phếch.	... chênh chéch gập ghềnh lênh khênh lệnh lạc xóc xếch bạc phếch ...

• Tập đọc.

Buổi Sáng Trên Bể

Mặt trời đỏ ối vừa nhô lên khỏi mặt bể **mênh mông**. Ánh sáng **chênh chếch** qua đám mây màu cam. Bầu trời còn **lác đác** vài ngôi sao. Về phía tây có vài đám mây bạc.

Ngồi trong con tàu **lênh đênh** trên mặt bể, ta thấy tâm hồn **thênh thang** rộng mở, mên yêu tất cả.

• Giải nghĩa.

- **Mênh mông**: Rộng lớn không có giới hạn. - **Chênh chếch**: Hơi xiên, lệch. - **Lác đác**: Thưa thớt, ít ỏi. **Lênh đênh**: Trôi bập bềnh trên mặt nước.
- **Thênh thang**: Rộng rãi, thoáng.

• Bài tập.

- Tìm và gạch dưới từ trong bài trên có vần **ênh, êch**.

- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm đúng như trong bài:

- Tập đọc các từ ghép đã viết ở trên.

- Chọn những từ ở trên để điền vào chỗ trống cho thích hợp:

Mặt trời vừa nhô lên khỏi mặt bể _____ mông. Ánh sáng _____ qua đám mây màu cam. Về phía tây có vài đám mây bạc.

Ngồi trong con tàu _____ trên mặt bể, ta thấy tâm hồn _____ thang rộng mở, mên yêu tất cả.

Câu có từ viết sai	Viết lại cho đúng
Tâm hồn thên than .	
Cái áo đã bạc phết .	
Con tàu lên đênh.	
Con đường gập gên .	
Mặt biển mên mông.	
Ánh trăng chên chết .	

• **Chính tả.**

- Viết chính tả theo bài tập đọc “ Buổi Sáng Trên Bể”.

• **Học thuộc lòng.**

Sông Nước Mênh Mông

Mưa lớn, nước đầy sông,
 Bèo theo nước **bềnh bồng**.
Bập bềnh trên sóng nước,
 Con đò **tếch** về đông.
 Vượt qua bao ghềnh thác,
 Rồi thênh thang xuôi dòng.

• **Giải nghĩa.**

- **Bềnh bồng:** Nổi trôi nhẹ nhàng trên mặt nước. - **Bập bềnh:** Trôi nổi nhấp nhô. - **Tếch:** Đi về một nơi nào.

***Uống nước sông,
 nhớ ngọn nguồn.***

BÀI BA

- **Vần:** **inh** **ich**
 Phát âm: i-nhờ-inh i-chờ-ich

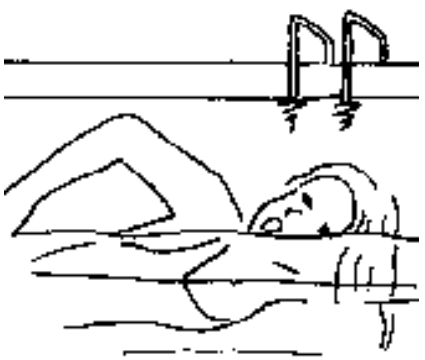
Nguyên âm Phụ âm = Vần	Em học từ Phụ âm / Vần
i + nh = inh	Xinh xinh (xờ-inh-xinh xờ-inh-xinh) Bình minh (bờ-inh-bình-huyền-bình mờ-inh-minh)
i + ch = ich	Xích đu (xờ-ich-xích-sắc-xích đờ-u-đu) Thích bơi (thờ-ich-thích-sắc-thích bờ-oi-bơi)

• **Bài tập.**

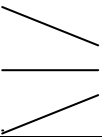
- Em hãy chọn từ dưới đây để viết vào chỗ trống mỗi câu cho thích hợp với hình vẽ:

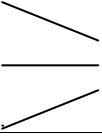
xinh xinh - thích bơi

- Sau khi điền xong, em gạch dưới mỗi từ trong câu có vần đúng với vần ở góc trái ô hình.

ích ời  Mai _____ lội.	úp inh  Búp bê _____ .
---	--

• Ráp vần.

b + inh		binh lính (bờ-inh-binh)	bịnh (bờ-inh-binh-nặng-bịnh)
t		tinh tú	cảm tình
ch		chinh phu	chính phủ
th		thinh	thịnh nộ

t + ich		tích (tờ-ich-tich-sắc-tích)	tịch (tờ-ich-tich-nặng-tịch)
x		xích đạo	xình xịch
ph		phích	phịch
th		thích thú	thình thịch

- Chú thích: Thầy cô vui lòng tìm định nghĩa của những từ này trong từ điển để giải thích cho học sinh hiểu.

- **phích**: bình thủy tinh có hai lớp vỏ để giữ nhiệt, phiếu ghi tên sách ở thư viện, đầu cắm điện

• Bài tập.

Đọc câu đặt sẵn:	Dùng từ bên dưới đặt câu và viết lên giấy:
Bà dậy lúc bình minh. Bà đi lễ cầu kinh. Em mặc áo trắng tinh. Em đi học một mình. Bố mẹ khen em xinh. Ít khi em tinh nghịch.	... bình minh cửa kính làm thính chính tả xinh đẹp cuốn lịch ...

• **Tập đọc.**

Nhà Máy Làm Đỉnh

Hôm qua cả lớp Vinh,
Đi xem nhà máy đỉnh.
Máy chạy nghe **inh ịch**,
Búa đập nghe inh tai.
Xe ra vào **xình xịch**.
Vinh vui thấy nhiều đỉnh,
Sẽ xây đẹp quê mình.

• **Giải nghĩa.**

- **inh ịch**: Tiếng ồn do máy chạy. - **Xình xịch**: Tiếng động do xe chạy gây ra.

• **Bài tập.**

- Tìm và gạch dưới từ trong bài trên có vần **inh, ịch**.

- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm đúng như trong bài:

- Tập đọc các từ ghép đã viết ở trên.

- Chọn những từ ở trên để điền vào chỗ trống cho thích hợp:

Hôm qua cả lớp của _____ đã đi thăm nhà máy làm
_____. Đến nơi, các em học sinh nghe máy chạy _____,
xen với tiếng búa đập nghe _____. Vinh và các bạn rất vui
vì được thấy nhiều _____.

- **Việt sử.**

Phù Đồng Thiên Vương

Cậu bé lên ba,
Ở làng Phù Đồng.

Đáp lời vua gọi.

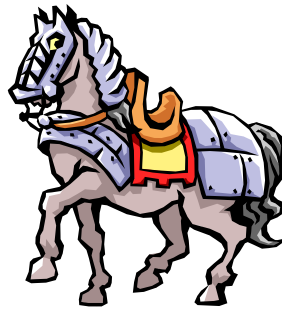
Chống giặc *xâm lăng*.

Vươn vai lớn dậy,
Nhảy lên ngựa sắt.

Đuổi giặc về Tàu.

Ngàn sau ghi nhớ.

Chú thích: Thầy cô kể chuyện thêm về Phù Đồng Thiên Vương.



- **Giải nghĩa.**

- *Xâm lăng*: Đem quân đi đánh để chiếm lấy đất đai.

- **Bài hát.**

Ơn Nghĩa Sinh Thành

Uống nước nhớ nguồn,

Làm con phải hiếu.

Công cha như núi Thái Sơn,

Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.

Dương Thiệu Tước

***Thà chết vinh,
hơn sống nhục.***

BÀI BỐN

Ôn bài một.

- Tập đọc câu có vần: anh**

Hôm nay trời trong xanh,
Chim **lú lo** trên cành.
Kìa! Mặt trời lên nhanh,
Em chăm chỉ học hành.

ach

Đói cho sạch, rách cho thơm.
Nhà sạch thì mát, bát sạch ngon cơm.

(Tục ngữ)

- Giải nghĩa.**

- **Lú lo:** Âm thanh cao, liên tiếp và xen lẫn nhau.

- Bài tập.**

- Ghép phụ âm với vần thành từ đơn rồi tìm từ ghép có từ đơn ấy.

Phụ âm	Vần	Từ đơn	Viết hai từ ghép
c, x	anh	Xanh	tô canh, trời xanh
h, nh	anh		
r, s	ach		

- Đặt câu có từ ghép đã viết ở trên:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Ôn bài hai.

• Tập đọc câu có vần: ênh và êch

Hề đội mũ lệch,
Áo quần *xốc xếch*.
Vách núi *chênh vênh*,
Lối đi *gập ghềnh*.

• Giải nghĩa.

- *Xốc xếch*: Lôi thôi, không gọn gàng. - *Chênh vênh*: Cao và không có chỗ tựa vững chắc. - *Gập ghềnh*: Gồ ghề, lồi lõm, không bằng phẳng.

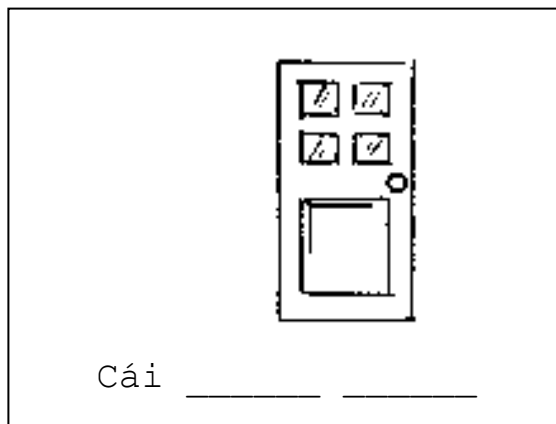
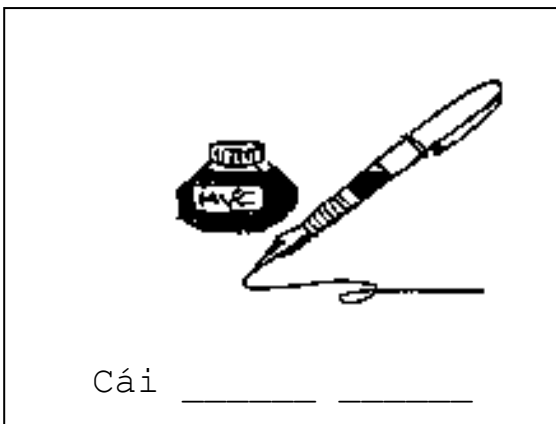
• Bài tập.

- Tìm và gạch dưới từ trong bài trên có vần **ênh, êch**.
- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm đúng như trong bài:

• Câu đố.

Mỗi lần cúi xuống,
Hết uống lại đi, vừa đi vừa vẽ.
Đó là cái gì?

Có cánh mà chẳng biết bay,
Hễ người qua lại thò tay vặn mình.
Đó là cái gì?



Ôn bài ba.

• Tập đọc câu có vần: **inh** và **ich**

Dậy sớm một mình,
Lặng ngắm **bình minh**,
Đồi núi xinh xinh,
Lòng em vui thích.

• Giải nghĩa.

- **Bình minh:** Buổi sáng, lúc mặt trời mới mọc.

• Bài tập.

- Tìm và gạch dưới từ trong bài trên có vần **inh, ich**.

- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm đúng như trong bài:

.....

.....

.....

- Ghép phụ âm với vần thành từ đơn rồi tìm từ ghép có từ đơn ấy.

Phụ âm	Vần	Từ đơn	Viết hai từ ghép
m, v	ênh		
m, x	inh		
l, th	ich		

- Đặt câu có từ ghép đã viết ở trên:

.....

.....

.....

.....

.....

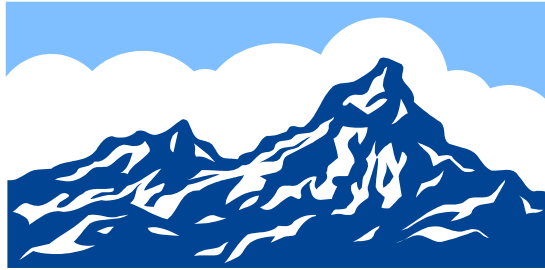
- **Tập đọc - Chính tả.**

Ngày Vui Mới

Khi còn bé, em vui chơi thỏa thích với các anh chị. Chúng em tha hồ đùa nghịch, la hét inh ỏi.

Một hôm, mẹ mua sách vở và dẫn em đi học. Thế là bắt đầu những ngày vui mới. Vào lớp, em tập tô màu con voi, con ếch. Có nhiều hình vẽ làm em thích thú. Cảnh đồi núi xinh xinh với ánh bình minh rực rỡ trên rừng cây xanh thẫm . . .

Tan học ra về, em vui thích đi bên mẹ. Mặt trời đã chênh chếch trên đỉnh đầu.



- **Địa lí.**

Núi ở Việt Nam*

Việt Nam có nhiều núi ở miền Bắc và miền Trung. Miền Bắc có ngọn Hoàng Liên Sơn là cao nhất. Miền Trung có dãy Trường Sơn chạy dài từ bắc xuống nam. Miền Nam ít núi, chỉ có núi Bà Đen là cao nhất.

** Xem bản đồ trang 208.*

Học thầy chẳng tày học bạn.

BÀI NĂM

- **Vần:** **ang** **eng**
 Phát âm: a-ngờ-ang e-ngờ-eng

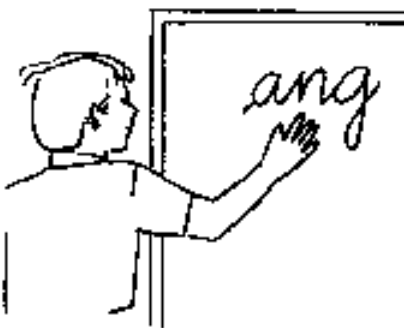
Nguyên âm Phụ âm = Vần	Em học từ Phụ âm / Vần
a + ng = ang	Ráng học (rờ-ang-rang-sắc-ráng hờ-oc-hoc-nặng-học) Ngày tháng (ngờ-ay-ngay-huyền-ngày thờ-ang-thang-sắc-tháng)
e + ng = eng	Leng keng (lờ-eng-leng ca-eng-keng) Cái xẻng (cờ-ai-cai-sắc-cái xờ-eng-xeng-hỏi-xẻng)

• Bài tập.

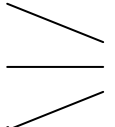
- Em hãy chọn từ dưới đây để viết vào chỗ trống mỗi câu cho thích hợp với hình vẽ:

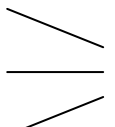
Cái xẻng - đang học

- Sau khi điền xong, em gạch dưới mỗi từ trong câu có vần đúng với vần ở góc trái ô hình.

ần ang  Em _____ vần ang.	eng úc  _____ để xúc đất.
--	---

• Ráp vần.

b + ang		báng <i>(bờ-ang-bang-sắc-báng)</i>	bàng <i>(bờ-ang-bang-huyền-bàng)</i>
s		sang trọng	sáng sửa
nh		đốt nhang	nhẹ nhàng
th		cái thang	tháng

k + eng		keng <i>(ca-eng-keng)</i>	kẻng <i>(ca-eng-keng-hỏi-kẻng)</i>
r		chuông reng	
x		cái xẻng	tùng xẻng
ph		phèn la	lẻng phẻng

- **Lẻng phẻng:** Hay chàng màng. Thí dụ: Chẳng chịu học hành gì tới nào cũng lẻng phẻng ngoài phố.

• Bài tập.

Đọc câu đặt sẵn:	Dùng từ bên dưới đặt câu và viết lên giấy:
Trời nắng chang chang. Em sắp hàng vào lớp. Cô giáo đi vội vàng. Thầy mang theo xà beng. Trò mang theo cái xẻng. Reng! Reng! Giờ học đến.	... vang vang ngay hàng màu vàng leng keng cái xẻng reng reng ...

- **Tập đọc.**

Đi Cắm Trại

Reng! Reng! Reng! Đồng hồ báo thức kêu inh ỏi. Em vội vàng thức dậy, rửa mặt, ăn sáng rồi sửa soạn đi cắm trại. Đến trường, em đã thấy các bạn đang lần lượt đi vào. Kẻ mang lều, gậy. Kẻ mang rìu, xẻng, **xà beng** để dựng trại, nấu ăn. Cô giáo bảo các em sắp hàng và **điểm danh**. Chúng em lần lượt lên xe buýt. Một ngày cắm trại đầy thích thú đang bắt đầu.

- **Giải nghĩa.**

- **Xà beng:** Đồ dùng để đào, cạy. - **Điểm danh:** Gọi tên để kiểm soát.

- **Bài tập.**

- Tìm và gạch dưới từ trong bài trên có vần **ang, eng**.

- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm đúng như trong bài:

.....

.....

.....

.....

- Tập đọc các từ ghép đã viết ở trên.

- Chọn những từ ở trên để điền vào chỗ trống cho thích hợp:

Đồng hồ báo thức kêu _____. Em vội vàng thức dậy, rửa mặt và ăn _____. Đến trường, đã thấy các bạn _____ lần lượt đi vào. Kẻ _____ rìu, _____. Kẻ mang xà _____ để dựng trại.

Một ngày vui thích thú _____ bắt đầu.

Câu có từ viết sai	Viết lại cho đúng
Chuông kêu ceng ceng .	
Con của có hai kàng .	
Cái sẻng để xúc đất.	
Em đan học lớp năm.	
Cô dảng bài trong lớp.	
Em vội vàn đi học.	

- **Chính tả.**

- Viết chính tả theo bài tập đọc “Đi Cắm Trại”.

- **Học thuộc lòng.**

Giờ Ra Chơi

Cô vừa xong bài giảng,
Reng! Reng! Chuông reo vang.
Được phép em vội vàng,
Ra sân chơi thênh thang.
Chạy nhảy cùng đùa nghịch,
Tiếng nói cười vang vang.

***Nhập gia tùy tục,
Đáo giang tùy khúc.***

BÀI SÁU

• Vần: ăng âng

Phát âm:

á-ngờ-ăng

ớ-ngờ-âng

Nguyên âm Phụ âm = Vần	Em học từ Phụ âm / Vần
ă + ng = ăng	Bằng phẳng (bờ-ăng-bằng-huyền-bằng phờ-ăng-phăng-hỏi-phăng) Trăng thu (trờ-ăng-trăng thờ-u-thu)
â + ng = âng	Nâng lên (nờ-âng-nâng lơ-ê-lên) Vâng lời (vờ-âng-vâng lơ-oi-lời-huyền-lời)

• Bài tập.

- Em hãy chọn từ dưới đây để viết vào chỗ trống mỗi câu cho thích hợp với hình vẽ:

Trăng tròn - vâng lời

- Sau khi điền xong, em gạch dưới mỗi từ trong câu có vần đúng với vần ở góc trái ô hình.

âng ăng  Em _____ chị Hằng.	ăng ang  _____ đang lên cao.
---	---

• Ráp vần.

b + ăng		bằng (bờ-ăng-bằng)	bằng (bờ-ăng-bằng-huyền-bằng)
c		căng dây	chân căng
ch		phải chẳng	chẳng may
tr		mặt trắng	màu trắng

v + âng		vâng (vờ-âng-vâng)	vàng (vờ-âng-vâng-huyền-vàng)
d		dâng lên	
n		nâng lên	vàng trắng
t		tâng bốc	tâng lớp

• Bài tập.

Đọc câu đặt sẵn:	Dùng từ bên dưới đặt câu và viết lên giấy:
Em bé chạy lăng xăng. Mẹ nâng tằm em bé. Áo đẹp bé bằng lòng. Bé như vàng trắng sáng. Bé vâng lời mẹ cha. Cả nhà nâng niu bé.	... lăng xăng căng dây bằng phẳng trắng thu vâng lời nâng niu ...

- **Tập đọc.**

Trăng Trung Thu

Đêm **rằm** tháng tám âm lịch, trăng sáng nhất trong năm. Mặt trăng tròn, to và đẹp nhô ra khỏi vầng mây, ánh vàng tỏa khắp đồi cây, rặng núi. Cảnh vật đẹp biết bao!

Dưới trăng, trẻ con **nhộn nhịp** rước đèn, xem múa lân. Người lớn ăn bánh Trung Thu, uống trà và nói cười vui vẻ.

- **Giải nghĩa.**

- **Rằm:** Ngày 15 của tháng Âm Lịch. - **Nhộn nhịp:** Ôn ào và vui vẻ.

- **Bài tập.**

- Tìm và gạch dưới từ trong bài trên có vần **ăng, âng**.

- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm đúng như trong bài:

.....

.....

.....

.....

- Tập đọc các từ ghép đã viết ở trên.

- Chọn những từ ở trên để điền vào chỗ trống cho thích hợp:

Đêm rằm tháng tám _____ sáng nhất trong năm. Mặt trăng to và đẹp nhô ra khỏi _____ mây bạc.

Trẻ con nhộn _____ rước đèn. Người lớn họp nhau dưới ánh _____ ăn bánh Trung Thu, uống trà và nói cười vui vẻ.

Câu có từ viết sai	Viết lại cho đúng
Trung Thu trăng <i>xáng</i> . Em <i>dâng</i> lời cha mẹ. Bé chạy lăng <i>xăn</i> . Em nói <i>năn</i> có lẽ phép. Lôi đi bằng <i>phăng</i> . Nhà cao có nhiều <i>tâng</i> .	

- **Chính tả.**

- Viết chính tả theo bài tập đọc “Trăng Trung Thu”.

- **Học thuộc lòng.**

Tết Trung Thu

Trung thu, vàng trăng sáng,
 Em thấy chú cuội già,
 Ngồi cạnh gốc cây đa.
 Cuội ơi! Em vui quá.
 Hãy xin phép chị Hằng,
 Xuống đây cùng ăn bánh,
 Xem múa lân rước đèn.

*Một nụ cười bằng
 mười thang thuốc bổ.*

BÀI BẢY

- **Vần:** **ong - ông ung - ưng**
 Phát âm: o-ngờ-ong ô-ngờ-ông u-ngờ-ung ư-ngờ-ưng

Nguyên âm Phụ âm = Vần	Em học từ Phụ âm / Vần
o + ng = ong ô + ng = ông	Bong bóng (bờ-ong-bong bờ-ong-bong-sắc-bóng) Ông bà (ô-ngờ-ông bờ-a-ba-huyền-bà)
u + ng = ung ư + ng = ưng	Anh hùng (a-nhờ-anh hờ-ung-hung-huyền-hùng) Lung còng (lờ-ung-lung cờ-ong-cong-huyền-còng)

• **Bài tập.**

- Em hãy chọn từ dưới đây để viết vào chỗ trống mỗi câu cho thích hợp với hình vẽ:

lung còng - giỏ trứng

- Sau khi điền xong, em gạch dưới mỗi từ trong câu có vần đúng với vần ở góc trái ô hình.

ứng ách  Bé xách _____.	ung òng  Ông già _____.
--	---

• Ráp vần.

c + ong		cong (cờ-ong-cong)	công (cờ-ông-công-nặng-cộng)
b		bong bóng	bông hồng
ph		phong cảnh	phỏng da
ng		ngông nghênh	ngóng chờ

s + ưng		sưng (sờ-ưng-sung)	sùng (sờ-ưng-sung-huyền-sùng)
c		cưng bé	cứng cáp
ch		chưng bày	chùng mực
tr		trưng dụng	trúng gà

• Bài tập.

Đọc câu đặt sẵn:	Dùng từ bên dưới đặt câu và viết lên giấy:
Mừng sinh nhật vui vẻ. Em hôn hờ trong lòng. Ông cho em bong bóng. Bà cho em hoa hồng. Bạn bè cùng đến dự tiệc. Mẹ cưng em hết lòng.	... vui mừng trong nhà mong nhớ lòng chim cùng học cưng chiều ...

• **Tập đọc.**

Trẻ Thơ

Trẻ thơ hồn trong trắng,
Nhu sương sớm **long lanh**.
Nụ hồng vừa chớm nở,
Rung rinh trong gió lành.
Chúng em chăm chỉ học,

Nội gót chị cùng anh.
Gắng nên người **hữu dụng**,
Yêu thích làm việc lành.
Một mai em khôn lớn,
Theo gương lành cha anh.

• **Giải nghĩa.**

- **Long lanh:** Trong suốt, phản chiếu ánh sáng tạo nên vẻ linh động.
- **Hữu dụng:** Có ích lợi cho mình và mọi người.

• **Bài tập.**

- Tìm và gạch dưới từ trong bài trên có vần **ong, ông, ung, ưng**.
- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm đúng như trong bài:

- Tập đọc các từ ghép đã viết ở trên.
- Chọn những từ ở trên để điền vào chỗ trống cho thích hợp:

Tâm hồn trẻ thơ rất _____ trắng. Giống như những giọt sương sớm _____ lạnh vào buổi sáng. Giống như nụ hoa _____ vừa chớm nở, đang _____ rinh trong gió nhẹ. _____ em sẽ chăm chỉ học hành, bước theo gót anh chị để trở nên người hữu _____.

- **Việt Sử.**

Sự Tích Quả Dưa Hấu

Vua Hùng thứ mười,
Đày người con nuôi,
Tên là An Tiêm,
Ra miền **hoang đảo**.
An Tiêm vui sống,
Trông giống dưa to.

Ngoài vỏ xanh mướt,
Trong ruột thắm tươi,
Ngọt ngào mát rượi.
Gởi về dân vua,
Gọi là dưa hấu.

Chú thích: Thầy cô kể chuyện thêm về Sự tích quả dưa hấu.

- **Giải nghĩa.**

- **Đày:** *Đem giam ở nơi xa.* - **Hoang đảo:** *Hòn đảo không có người ở.*



- **Bài hát.**

Tết Trung Thu

Tết Trung Thu rước đèn đi chơi
Em rước đèn đi khắp phố phường.
Lòng vui sướng với đèn trong tay
Em múa ca dưới ánh trăng rằm.

Vân Thanh

Nói có sách, mách có chứng.

BÀI TÁM

Ôn bài năm.

- Tập đọc câu có vần: **ang** và **eng**

Reng! Reng! Chuông vang.

Lòng em **rộn ràng**.

Mai vàng chớm nở.

Chờ đón xuân sang.

- Giải nghĩa.

- **Rộn ràng**: Tràn đầy cảm xúc.

- Bài tập.

- Tìm và gạch dưới từ trong bài trên có vần **ang, eng**.

- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm đúng như trong bài:

.....

.....

.....

.....

- Ghép phụ âm với vần thành từ đơn rồi tìm từ ghép có từ đơn ấy.

Phụ âm	Vần	Từ đơn	Viết hai từ ghép
s, th	ang		
k, r	eng		
r, v	ang		

- Đặt câu có từ ghép đã viết ở trên:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Ôn bài sáu.

• Tập đọc câu có vần: ăng và âng

Trung Thu, vàng trăng sáng,
Vàng vặc tỏa ánh vàng,
Trên đồi xa, rặng núi,
Trên đồng vắng, xóm làng.

• Giải nghĩa.

- **Vàng vặc**: Rất sáng và trong trẻo.

• Bài tập.

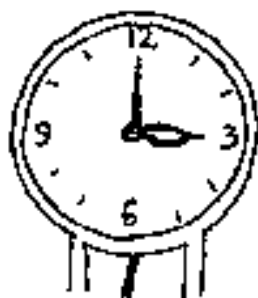
- Tìm và gạch dưới từ trong bài trên có vần **ăng, âng**.

- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm đúng như trong bài:

• Câu đố.

Cây kim giúp mẹ vá may,
Kim gì nhanh chậm, ngắn dài
đều quay. Đó là cây kim gì?

Chum trắng đựng nước mắm vàng,
Đến khi lờ làng, thì mở ra ăn.
Đó là quả gì?



Cây kim _____



Quả _____

Ôn bài bảy.

- Tập đọc câu có vần: **ong** và **ung**
ông và **ưng**

Ông em tuổi đã già.
Lòng nhớ nước *thiết tha*.
Chung tay cùng lớp trẻ,
Xây dựng lại quê nhà.

- Giải nghĩa.

- *Thiết tha*: Tình cảm gắn bó sâu sắc, luôn luôn nghĩ đến.

- Bài tập.

- Tìm và gạch dưới từ trong bài trên có vần **ong, ông, ung, ưng**.

- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm đúng như trong bài:

.....

.....

.....

- Ghép phụ âm với vần thành từ đơn rồi tìm từ ghép có từ đơn ấy.

Phụ âm	Vần	Từ đơn	Viết hai từ ghép
s, l	ông		
c, ch	ung		
m, tr	ưng		

- Đặt câu có từ ghép đã viết ở trên:

.....

.....

.....

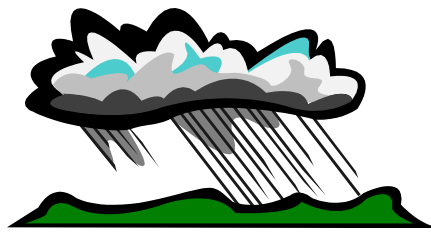
.....

.....

- **Tập đọc - Chính tả.**

Trong Lớp Học

Reng! Reng! Tới giờ học, các em xếp hàng vào lớp.
Ai nấy ngồi yên lặng. Cô thông thả giảng bài. Các em lắng tai nghe.
Lời cô dịu dàng thân mến. Cả lớp chăm chú nhìn vắn mới trên bảng.
Thầy vui vẻ đi lại từng bàn để chỉ bảo các em.
Thầy cô dạy thật khó nhọc. Chúng em hứa sẽ chăm chỉ học hành.



- **Địa lí.**

Đồng Bằng Việt Nam

Việt Nam có hai **đồng bằng** chính là đồng bằng miền Bắc và đồng bằng miền Nam. Đồng bằng miền Nam lớn và rộng hơn đồng bằng miền Bắc. Đất đai của hai đồng bằng này rất tốt. Đồng bằng miền Trung nhỏ hẹp và đất đai khô cằn.

- **Giải nghĩa.**

- **Đồng bằng:** Vùng đất thấp, bằng phẳng, tiện cho việc trồng trọt, cây cấy.

***Con nhà tông,
không giống lông cũng giống cánh.***

BÀI CHÍN

• **Vần:**

Phát âm:

iêc

i-ê-cờ-iêc

iêp

i-ê-pờ-iêp

Nguyên âm Phụ âm = Vần	Em học từ Phụ âm / Vần
iê + c = iêc	Xanh biếc (xờ-anh-xanh bờ-iêc-biêc-sắc-biếc) Chiếc đũa (chờ-iêc-chiêc-sắc-chiếc đờ-ua-đũa-ngã-đũa)
iê + p = iêp	Thiệp mời (thờ-iêp-thiệp-nặng-thiệp mờ-ơ-i-mời-huyền-mời) Tiếp khách (tờ-iêp-tiếp-sắc-tiếp khờ-ach-khách-sắc-khách)

• **Bài tập.**

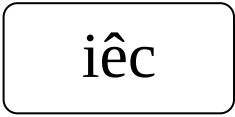
- Em hãy chọn từ dưới đây để viết vào chỗ trống mỗi câu cho thích hợp với hình vẽ:

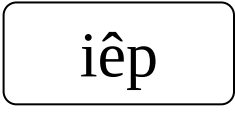
tiếp khách - dự tiệc

- Sau khi điền xong, em gạch dưới mỗi từ trong câu có vần đúng với vần ở góc trái ô hình.

iêc ưới  Cả nhà _____ cưới.	ách iêp  Cha mẹ _____.
---	---

• Ráp vần.

d + iêc		diéc <i>(dờ-iêc-diêc-sắc-diéc)</i>	diệc <i>(dờ-iêc-diêc-nặng-diệc)</i>
t		tiéc tiên	bữa tiệc
x		gánh xiếc	đoàn xiệc
ch		chiếc xe	

t + iêp		tiếp <i>(tờ-iêp-tiếp-sắc-tiếp)</i>	tiệp <i>(tờ-iêp-tiếp-nặng-tiệp)</i>
h		hiếp đáp	hiệp định
th		tắm thiếp	thiệp mời
ng		nghe nghiệp	

• Bài tập.

Đọc câu đặt sẵn:	Dùng từ bên dưới đặt câu và viết lên giấy:
Nước ao thu xanh biếc. Con cá diếc đang bơi. Vài chiếc lá vàng rơi. Bà thích ăn rau diếp. Cây điệp nhiều bóng mát. Bố đang ngồi tiếp khách.	... xanh biếc cá diếc chiếc lá rau diếp cây điệp tiếp khách ...

- **Tập đọc.**

Bé Đi Xem Xiếc

Hôm qua là thứ Bảy, ba đưa bé và chị Mai đi coi xiếc. Mới vào, bé thấy con khỉ mặc áo xanh biếc đang đu dây. Mọi người vỗ tay reo hò liên tiếp. Kế đến là con sư tử nhe **nanh** làm bé khiếp sợ. Chú hề giả bộ làm người câm điếc. Chú đạp chiếc xe đạp và vẫy tay chào mọi người.



- **Giải nghĩa.**

- **Nanh:** Răng sắc và nhọn nằm ở giữa răng cửa và răng hàm.

- **Bài tập.**

- Tìm và gạch dưới các từ trong bài trên có vần **iêc, iêp**.

- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm đúng như trong bài:

.....

.....

.....

.....

- Tập đọc các từ ghép đã viết ở trên.

- Chọn những từ ở trên để điền vào chỗ trống cho thích hợp:

Ngày thứ bảy, bé và chị Mai đi coi _____ với ba. Có con khỉ mặc áo xanh _____ đang đu dây. Mọi người liên _____ vỗ tay reo hò. Bé _____ sợ vì con sư tử nhe nanh.

Câu có từ viết sai	Viết lại cho đúng
Ba đang thiếp khách. Hồ nước xanh biết . Chi chưa đi làm việt . Bé khíp sợ con sư tử. Bà đi dự tiệt cưới. Chú hề chào mọi ngươi .	

- **Chính tả.**

- Viết chính tả theo bài tập đọc “Bé Đi Xem Xiếc”.

- **Học thuộc lòng.**

Đi Câu

Hồ thu nước xanh biếc.
 Từng chiếc lá vàng rơi,
 Nơi xa vài con **diệc**.
 Dưới bóng mát cây điệp,
 Ba im lặng thả câu.
 Cá cắn câu liên tiếp.

- **Giải nghĩa.**

- **Diệc:** Chim có chân cao, cổ và mỏ dài.

**Chung nhau thì giàu,
 chia nhau thì khó.**

BÀI MƯỜI

• Vần:

Phát âm:

iên

i-ê-nờ-iên

yên

i-cờ-rét-ê-nờ-yên

Nguyên âm Phụ âm = Vần	Em học từ Phụ âm / Vần
iê + n = iên	Hiên lành (hờ-iên-hiên-huyền-hiễn lờ-anh-lanh-huyền-lành) Con kiến (cờ-on-con ca-iên-kiên-sắc-kiến)
yê + n = yên	Yên vui (i-cờ-rét-ê-nờ-yên vờ-ui-vui) Chim yến (chờ-im-chim i-cờ-rét-ê-nờ-yên-sắc-yến)

• Bài tập.

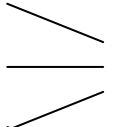
- Em hãy chọn từ dưới đây để viết vào chỗ trống mỗi câu cho thích hợp với hình vẽ:

Chim yến - hiên lành

- Sau khi điền xong, em gạch dưới mỗi từ trong câu có vần đúng với vần ở góc trái ô hình.

iên ành  Con nai _____.	yên àm  _____ làm tổ.
---	--

• Ráp vần.

t + iên		tiên (tờ-iên-tiên)	tiền (tờ-iên-tiên-huyền-tiền)
m		ba miền	miền gà
ch		chiên cá	chiến tranh
th		ngôi thiên	thiện cảm

y + ên		yên (i-cờ-rét-ê-nờ-yên)	yến (i-cờ-rét-ê-nờ-yên-sắc-yến)
---------------	--	-----------------------------------	---



• Bài tập.

Đọc câu đặt sẵn:	Dùng từ bên dưới đặt câu và viết lên giấy:
Người Việt Nam hiền lành. Không ai thích chiến tranh. Họ thích sống yên lành. Ai cũng kiên nhẫn làm việc. Họ không yến tiệc liên miên. Họ vui sống ít ưu phiền.	... hiền lành chiến tranh yên lành kiên nhẫn liên miên thần tiên ...

• Tập đọc.

Phải Kiên Nhẫn

Con kiến nhỏ, tổ kiến to, thế mà kiến tha mồi lâu ngày cũng đầy tổ. Lúc mới vào học, em chưa biết đọc, biết viết. Nhờ cố gắng học tập, chỉ sau vài khóa học liên tiếp, em đã biết đọc và viết được tiếng Việt. Vậy, làm gì cũng cần có **kiên nhẫn** mới nên việc.



• Giải nghĩa.

- **Kiên nhẫn:** Bền bỉ theo đuổi công việc.

• Bài tập.

- Tìm và gạch dưới từ trong bài trên có vần **iên**.

- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm đúng như trong bài:

- Tập đọc các từ ghép đã viết ở trên.

- Chọn những từ ở trên để điền vào chỗ trống cho thích hợp:

Con _____ nhỏ mà tha mồi lâu ngày cũng đầy tổ.

Nhờ _____ học tập, chỉ sau vài khóa học _____ bé đã đọc và viết được tiếng Việt.

Làm việc gì cũng cần có _____.

Câu có từ viết sai	Viết lại cho đúng
Má nấu miếng gà.	
Bé Tí hiềng lành.	
Tí kiêng nhẩn học.	
Em đẹp như nàng tiêng .	
Bà đang triên khoai.	
Hãy làm việc thiệng .	

• **Chính tả.**

- Viết chính tả theo bài tập đọc “ Phải Kiên Nhẫn” .

• **Học thuộc lòng.**

Giấc Mơ Bình Yên

Bao năm dài **bình lửa**,
 Người dân lành **ưu phiền**.
 Ba em đi **chinh chiến**,
 Không một ngày nghỉ yên.
 Mẹ đêm ngày cầu nguyện,
 Cho non nước bình yên.

• **Giải nghĩa.**

- **Bình lửa:** Nói về chiến tranh. - **Ưu phiền:** Lo âu và buồn rầu.
 - **Chinh chiến:** Chiến tranh.

Đồng tiền liền khúc ruột.

BÀI MƯỜI MỘT

• **Vần:**

Phát âm:

iêm

i-ê-mờ-iêm

yêm

i-cờ-rét-ê-mờ-yêm

Nguyên âm Phụ âm = Vần	Em học từ Phụ âm / Vần
iê + m = iêm	Điểm danh (đờ-iêm-điêm-hỏi-điểm dờ-anh-danh) Tiệm sách (tờ-iêm-tiêm-nặng-tiêm sờ-ach-sach-sắc-sách)
yê + m = yêm	Yêm dãi (i-cờ-rét-ê-mờ-yêm-sắc-yêm dờ-ai-dai-ngã-dãi) Yêm trợ (i-cờ-rét-ê-mờ-yêm-hỏi-yêm trờ-ơ-trơ-nặng-trợ)

• **Bài tập.**

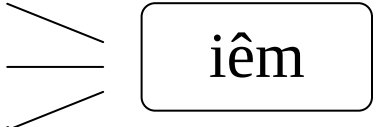
- Em hãy chọn từ dưới đây để viết vào chỗ trống mỗi câu cho thích hợp với hình vẽ:

yêm dãi - điểm danh

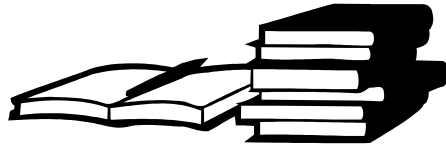
- Sau khi điền xong, em gạch dưới mỗi từ trong câu có vần đúng với vần ở góc trái ô hình.

iêm anh  Cô giáo _____.	eo yêm  Em bé đeo _____.
---	---

• Ráp vần.

l + iêm		liêm <i>(lờ-iêm-liêm)</i>	liêm <i>(lờ-iêm-liêm-huyền-liêm)</i>
n		niêm phong	niêm tin
t		tiêm thuốc	tiêm ăn
ch		chiêm bao	chiêm đóng

y + êm	yêm <i>(i-cờ-rét-ê-mờ-yêm)</i>	yêm <i>(i-cờ-rét-ê-mờ-yêm-sắc-yêm)</i>
---------------	--	--



• Bài tập.

Đọc câu đặt sẵn:	Dùng từ bên dưới đặt câu và viết lên giấy:
Cô điểm danh học sinh. Anh Ba rất nghiêm trang. Em đi tiệm mua sách. Sách hay thì rất hiếm. Bé Năm đeo yếm dải. Yếm trợ là giúp đỡ.	. . . điểm danh nghiêm nghị tiệm sách hiếm có yếm dải yếm trợ . . .

• Tập đọc.

Thím Ba

Hôm qua, thím Ba dắt bé Diễm đi chợ. Thím Ba hay tìm những chợ có các món hàng giá hạ để **tiết kiệm** tiền giúp người nghèo khó. Tuy hết lòng **yểm trợ** các hội **từ thiện**, nhưng thím rất kín đáo. Ít người biết đến việc thím làm. Thím cũng hay dắt bé đi tiệm mua sách cho bé đọc.

• Giải nghĩa.

- **Tiết kiệm:** Giảm bớt sự chi tiêu không cần thiết. - **Yểm trợ:** Bảo vệ và giúp đỡ
- **Từ thiện:** Có lòng thương và giúp đỡ người nghèo khó.

• Bài tập.

- Tìm và gạch dưới từ trong bài trên có vần **iêm, yêm**.

- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm đúng như trong bài:

.....

- Tập đọc các từ ghép đã viết ở trên.

- Chọn những từ ở trên để điền vào chỗ trống cho thích hợp:

Thím Ba dắt bé _____ đi chợ. Thím Ba tiết _____ tiền để giúp người nghèo khó. Ít người biết đến việc thím Ba _____ trợ cho hội từ thiện. Thím Ba thường dắt bé đi _____ mua sách cho bé đọc.

- **Việt Sử.**

Sơn Tinh - Thủy Tinh

Vua Hùng Mười Tám,
Có một Công Chúa,
Xinh đẹp *tuyệt trần*,
Tên là Mỹ Nương.
Sơn Tinh, Thủy Tinh,
Cầu hôn cùng lúc.
Đức vua phán bảo:
Ai trao lễ trước,
Sẽ được nhận lời.
Sơn Tinh đến sớm,

Cưới được Mỹ Nương,
Đưa nàng về núi.
Thủy Tinh tức tối,
Làm gió mưa to,
Cho nước dâng cao,
Mong cướp Mỹ Nương.
Sơn Tinh biến hóa,
Cho núi thêm cao.
Thủy Tinh đành thua,
Phải rút nước về.

Chú thích: Thầy cô kể chuyện thêm về Sơn Tinh Thủy Tinh.

- **Giải nghĩa.**

- *Tuyệt trần*: Nhất trên đời, không ai sánh bằng. - *Cầu hôn*: Đến xin cưới.

Bài hát.

Xuân Đã Về

Xuân đã về, xuân đã về,
Ngàn hoa hé môi cười tươi đón gió mới.
Xuân đã về, xuân đã về,
Ta hát vang lên câu ca mừng chào xuân.

Y Vân

Buôn có bạn, bán có phường.

BÀI MƯỜI HAI

Ôn bài chín.

• Tập đọc câu có vần: **iêc** và **iêp**

Chú hề làm xiệc,
Đội chiếc nón thiếc,
Cỡi chiếc xe đạp,
Màu sơn xanh biếc

Anh Ba gởi thiệp,
Mời dự tiệc cưới.
Chú rể ra tiếp,
Cô dâu Ngọc Diệp.

• Bài tập.

- Tìm và gạch dưới từ trong bài trên có vần **iêc**, **iêp**.

- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm đúng như trong bài:

.....

.....

.....

.....

- Ghép phụ âm với vần thành từ đơn rồi tìm từ ghép có từ đơn ấy.

Phụ âm	Vần	Từ đơn	Viết hai từ ghép
x, ch	iêc		
t, th	iêp		
b, h	iên		

- Đặt câu có từ ghép đã viết ở trên:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Ôn bài mười.

• Tập đọc câu có vần: **iên** và **yên**

Chim yến làm tổ,
Ở nơi bình yên.
Hốc núi giữa biển,
Giữa cảnh **thiên nhiên**.

Thương cho đàn kiến,
Sống chẳng bình yên.
Người vật đè lên,
Kiến liền tan xác.

• Giải nghĩa.

- **Thiên nhiên:** Cảnh vật chung quanh không phải do con người làm ra.

• Bài tập.

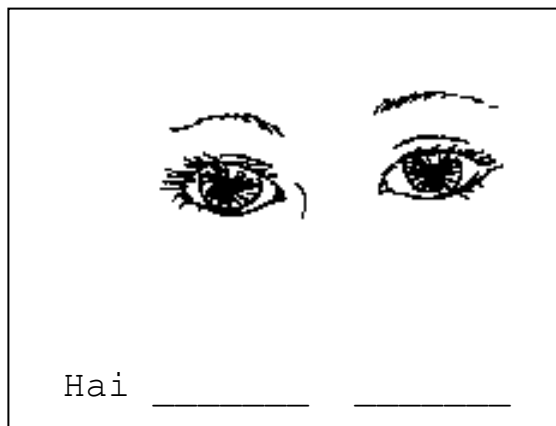
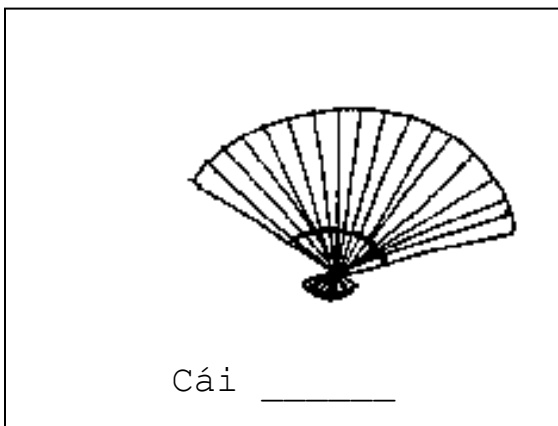
- Tìm và gạch dưới từ trong bài trên có vần **iên, yên**.

- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm đúng như trong bài:

• Câu đố.

Thân ta vốn ở bụi tre.
Mùa đông khép lại,
Mùa hè mở ra.
Đố là cái gì?

Hai con nằm ở hai phòng,
Ngày thì mở cửa ra trông,
Đêm đêm đóng cửa từ trong ra ngoài.
Đố là hai con gì?



Ôn bài mười một.

• Tập đọc câu có vần: **iêm** và **yêm**

Ông Nguyễn Bình Khiêm,
Tài cao học rộng.
Sống đời **thanh liêm**,
Ông không **yếm thế**.

Em làm bài kiểm,
Ở lớp cô Diễm.
Em được điểm "A",
Em khoe ông bà.

• Giải nghĩa.

- **Thanh liêm**: Trong sạch, không tham lam. - **Yếm thế**: Có ý tưởng chán đời.

• Bài tập.

- Tìm và gạch dưới từ trong bài trên có vần **iêm, yêm**.

- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm đúng như trong bài:

.....

.....

.....

- Ghép phụ âm với vần thành từ đơn rồi tìm từ ghép có từ đơn ấy.

Phụ âm	Vần	Từ đơn	Viết hai từ ghép
m, ch	iên		
đ, k	iêm		
	yên		

- Đặt câu có từ ghép đã viết ở trên:

.....

.....

.....

.....

.....

- **Tập đọc - Chính tả.**

Ông Nguyễn Bình Khiêm

Xưa kia, nước Việt Nam có ông Nguyễn Bình Khiêm là một ông quan hiền từ, ăn ở có **đức độ**. Ông lại rất thanh liêm, không tham lam nhận tiền của ai. Ông được mọi người rất kính trọng.

Ông nổi tiếng là người học rộng, biết nhiều. Vua chúa nước ta hay tìm đến ông để hỏi **ý kiến**, lo việc yên vui cho dân chúng.

- **Giải nghĩa.**

- **Đức độ:** Có tính tốt và lòng thương người. - **Ý kiến:** Sự suy nghĩ, nhận xét.



- **Địa lí.**

Sông ở Việt Nam

Việt Nam có rất nhiều sông. Miền Bắc có hai sông lớn là sông Hồng và sông Thái Bình. Miền Trung có nhiều sông ngắn không tiện lợi cho việc đi lại. Miền Nam có hai sông lớn là sông Cửu Long và sông Đồng Nai.

Chơi dao có ngày đứt tay.

Kì thi giữa khóa

Bài thi mẫu cấp 4

Thầy cô dùng bài thi mẫu này để soạn đề thi mà các em đã học trong những tuần lễ vừa qua.

I- Chính tả (40 điểm).

Viết một trong hai bài "Tập đọc" hoặc "Tập đọc - Chính tả" do thầy cô chỉ định trước cho các em ôn thi.

- Câu hỏi:

- Tìm và gạch dưới từ có vần trong bài chính tả.
(Chọn bài có từ 5 đến 6 vần như: anh, êch, ang, ung ..)

- Chép lại những từ vừa tìm có vần đúng như trong bài:

.....
.....

II- Viết lại cho đúng chính tả (12 điểm).

Viết lại cho đúng chính tả 12 câu có từ viết sai.
(Tìm những câu có từ viết sai từ bài 1 đến bài 8)

Thí dụ:

Tâm đọc sách trăm chỉ.

1. Tâm đọc sách chăm chỉ

2.

3.

4.

.....

13.

III- Điền vào chỗ trống (10 điểm).

Chọn 4 hay 6 từ để điền vào chỗ trống theo bài "Tập đọc" hoặc "Tập đọc - Chính tả".

Thí dụ: Thạch, nhanh nhẹn, phách, thành thật, sách.

Lời Mẹ Dặn

Thạch đã lên tám và khoẻ mạnh, hơn các bạn. Mẹ dặn : Con hãy chăm chỉ đọc, làm bài cho kịp bạn. Phải , yêu mến và giúp đỡ mọi người. Chớ cậy khoẻ mà lười, bạn bè sẽ xa lánh .

IV- Học thuộc lòng (20 điểm).

Chép lại một trong hai bài học thuộc lòng đã được thầy cô chỉ định trước.

Đề bài 1:

Đề bài 2:

V- Tìm từ và đặt câu (18 điểm).

Ráp phụ âm với vần thành từ đơn, rồi tìm từ ghép có từ đơn ấy.

Thí dụ:

Phụ âm	Vần	Từ đơn	Tìm hai từ ghép
c, x	anh	canh	cành cây, lá xanh
1.,			 ,
2.,			 ,
3.,			 ,
4.,			 ,

- Hãy đặt 3 câu với 3 từ ghép vừa tìm ở trên.

Thí dụ:

cành cây.

Trên **cành cây** có nhiều lá xanh.

1.

.....

2.

.....

3.

.....

VI- Địa lí. (4 điểm).

Chọn một bài hay một đoạn địa lí để các em tìm hiểu, sau đó sẽ trả lời 2 hoặc 4 câu hỏi.

Thí dụ:

Việt Nam

Nước Việt Nam hình cong như chữ S, có ba thành phố lớn là: Hà Nội, Huế và Sài Gòn.

- Câu hỏi:

1. Kể tên những thành phố lớn của nước Việt Nam ?

2. ?

3. ?

VII- Việt sử (4 điểm).

Chọn một bài hay một đoạn Việt sử để các em tìm hiểu, sau đó sẽ trả lời 2 hoặc 4 câu hỏi.

Thí dụ:

Con Rồng Cháu Tiên

. Sinh ra trăm trứng.
Ơn trời cho nở,
Trăm con sờn sờ.
Năm mươi con thơ,
Theo mẹ lên non

- Câu hỏi:

1. Mẹ Âu Cơ sinh ra bao nhiêu con ?
2. ?
3. ?

BÀI MƯỜI BA

• Vần:

Phát âm:

iêu

i-ê-u-iêu

yêu

i-cờ-rét-ê-u-yêu

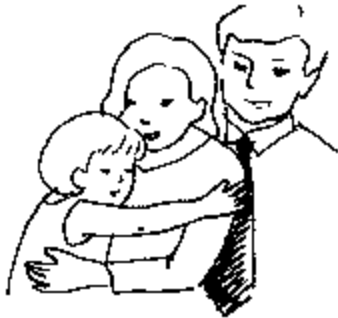
Nguyên âm Nguyên âm = Vần	Em học từ Nguyên âm / Vần
iê + u = iêu	Hạt tiêu (hờ-at-hat-nặng-hạt tờ-iêu-tiêu) Nhiều áo (nhờ-iêu-nhiều-huyền-nhiều a-o-ao-sắc-áo)
yê + u = yêu	Yêu mến (i-cờ-rét-ê-u-yêu mờ-ên-mên-sắc-mến) Yêu điệu (i-cờ-rét-ê-u-yêu-hỏi-yêu đờ-iêu-điều-nặng-điệu)

• Bài tập.

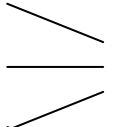
- Em hãy chọn từ dưới đây để viết vào chỗ trống mỗi câu cho thích hợp với hình vẽ:

yêu mến - nhiều áo

- Sau khi điền xong, em gạch dưới mỗi từ trong câu có vần đúng với vần ở góc trái ô hình.

iêu áo  Mặc _____ thì ấm .	yêu ến  Em _____ mẹ cha.
---	--

• Ráp vần.

l + iêu		liêu <i>(lờ-iêu-liêu-huyền-liêu)</i>	liệu <i>(lờ-iêu-liêu-nặng-liệu)</i>
k		kiêu căng	kiệu hoa
th		thiêu hủy	thiếu thốn
kh		khiêu vũ	khiếu nại

y + êu	yêu <i>(i-cờ-rét-ê-u-yêu)</i>	yếu <i>(i-cờ-rét-ê-u-yêu-sắc-yếu)</i>
---------------	---	---



• Bài tập.

Đọc câu đặt sẵn:	Dùng từ bên dưới đặt câu và viết lên giấy:
Buổi chiều gió thổi mạnh. Em thích đi thả diều. Em có nhiều bạn học Em rất yêu mến bạn. Bạn yếu, em che chở. Bạn thiếu, em giúp đỡ.	... hạt tiêu con diều phiêu diễm yêu thích ôm yếu thiếu thốn ...

• Tập đọc.

Yêu Mến Mẹ Cha

Buổi chiều, khi tan học về em lo làm bài. Sau đó em phụ mẹ rửa chén, lau chùi nồi niêu. . .

Sau bữa cơm chiều, cha dạy em những điều khó hiểu trong bài học. Cha còn dạy em tiêu tiền phải cẩn thận. Cha mẹ đi làm vất vả mới có tiền nuôi chúng em ăn học.

Em rất yêu mến mẹ cha.



• Bài tập.

- Tìm và gạch dưới từ trong bài trên có vần ***iêu, yêu.***

- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm đúng như trong bài:

.....

.....

.....

.....

- Tập đọc các từ ghép đã viết ở trên.

- Chọn những từ ở trên để điền vào chỗ trống cho thích hợp:

Em làm bài ở nhà vào mỗi buổi _____. Em phụ mẹ rửa chén và lau chùi nồi _____. Ba thường chỉ dạy em những _____ khó _____ trong bài học. Em luôn _____ tiền cẩn thận. Em rất _____ mến cha mẹ.

Câu có từ viết sai	Viết lại cho đúng
Em iêu mến ông bà.	
Em dâng lời mẹ cha.	
Bà Ba mặt nhiều áo.	
Em thít đi thả diều.	
Kẻ mạnh bắt nạt kẻ iếu .	
Người mẩu đi yếu địu .	

- **Chính tả.**

- Viết chính tả theo bài tập đọc “Yêu Mến Mẹ Cha”.

- **Học thuộc lòng.**

Người Con Có Hiếu

Là người con có hiếu,
Em kính yêu ông bà,
Và thương mến mẹ cha.
Gắng học hành cho giỏi,
Em sẽ là con ngoan.

Chọn đá thử vàng.

BÀI MƯỜI BỐN

• **Vần:**

Phát âm:

iêt

i-ê-tờ-iêt

yêt

i-cờ-rét-ê-tờ-yêt

Nguyên âm Phụ âm = Vần	Em học từ Phụ âm / Vần
iê + t = iêt	Biết viết (bờ-iêt-biết-sắc-biết vờ-iêt-viết-sắc-viết) Rên xiết (rờ-ên-rên xờ-iêt-xiết-sắc-xiết)
yê + t = yêt	Yết hầu (i-cờ-rét-ê-tờ-yêt-sắc-yêt hờ-âu-hầu-huyền-hầu) Yết kiến (i-cờ-rét-ê-tờ-yêt-sắc-yêt ca-iên-kiên-sắc-kiến)

• **Bài tập.**

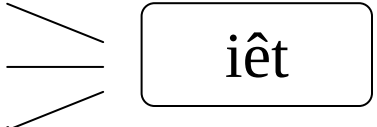
- Em hãy chọn từ dưới đây để viết vào chỗ trống mỗi câu cho thích hợp với hình vẽ:

yết kiến - biết viết

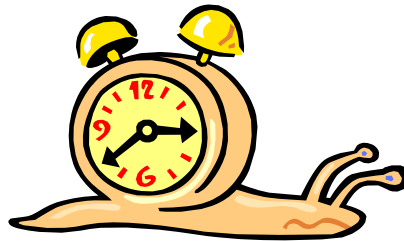
- Sau khi điền xong, em gạch dưới mỗi từ trong câu có vần đúng với vần ở góc trái ô hình.

iêt iêt  Em _____ chữ Việt .	yêt iên  Các quan _____ vua.
---	--

• Ráp vần.

b + iê		biết (bờ-iêt-biết-sắc-biết)	biệt (bờ-iêt-biệt-nặng-biệt)
t		tiết kiệm	tiệt trùng
th		thiết kế	thiệt thòi
tr		triết lý	triệt hạ

y + ê	yết (i-cờ-rét-ê-tờ-yết-sắc-yết)
--------------	---



Bài tập.

Đọc câu đặt sẵn:	Dùng từ bên dưới đặt câu và viết lên giấy:
Em là người Việt Nam. Em phải biết tiếng Việt. Em chăm đọc và viết Nhớ ơn anh hùng liệt nữ. Tha thiết với nước nhà. Ba đang xem yết thị.	... Việt Nam tiếng Việt đọc và viết hào kiệt hiểu biết yết thị ...

• Giải nghĩa.

- **Yết thị:** Thông tin, nêu lên cho mọi người cùng biết.

• Tập đọc.

Em Học Tiếng Việt

Chúng em rất **tha thiết** học tiếng Việt.

Mỗi sáng Chủ Nhật, chúng em đến trường tập đọc, tập viết. Thầy cô tận tình dạy chúng em những điều cần thiết. Chúng em thích thú được học lịch sử nước nhà.

Những tấm gương **anh hùng** như Lê Lợi, Trần Hưng Đạo, Yết Kiêu và **liệt nữ** như Hai Bà Trưng, Bà Triệu khiến chúng em rất hãnh diện.

• Giải nghĩa.

- **Tha thiết**: Có tình cảm gắn bó, luôn luôn nghĩ đến. - **Anh hùng**: Người có tài đặc biệt. - **Liệt nữ**: Người con gái có chí khí mạnh mẽ.

• Bài tập.

- Tìm và gạch dưới từ trong bài trên có vần **iêt, yêt**.

- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm đúng như trong bài:

.....

.....

- Tập đọc các từ ghép đã viết ở trên.

- Chọn những từ ở trên để điền vào chỗ trống cho thích hợp:

Chúng em tha _____ học tiếng _____. Ở trường chúng em tập đọc và tập _____. Thầy cô dạy chúng em những điều cần _____. Các vị anh hùng _____ nữ thời xưa khiến chúng em rất hãnh diện.

Câu có từ viết sai	Viết lại cho đúng
Em học <i>tiến</i> Việt. <i>Triếc</i> nón bài thơ. Ông ta đi mải <i>miếc</i> . Thợ sửa xe <i>xiếc</i> ốc. Bố đang xem <i>iết</i> thị. Thầy có <i>kông</i> dạy dỗ.	

• **Chính tả:**

- Viết chính tả theo bài tập đọc “Em học tiếng Việt”.

• **Học thuộc lòng:**

Quê Hương

Chúng em là dân Việt,
Tha thiết mến quê hương,
Dù xa cách đại dương.
Nhưng chúng em đều biết,
Quê hương rất thân thương,
Trong lời cha mẹ nói,
Và trong làn khói hương.

Chùa rách, Phật vàng.

BÀI MƯỜI LĂM

• **Vần:**

Phát âm:

iêng

i-ê-ngờ-iêng

yêng

i-cờ-rét-ê-ngờ-yêng

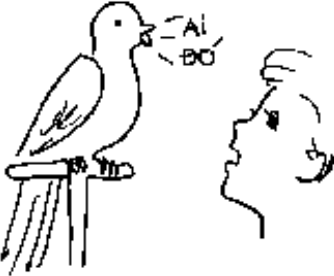
Nguyên âm Phụ âm = Vần	Em học từ Phụ âm / Vần
iê + ng = iêng	Cái miệng (cờ-ai-cai-sắc-cái mờ-iêng-miêng-nặng-miệng) Làm biếng (lờ-am-lam-huyền-làm bờ-iêng-biêng-sắc-biếng)
yê + ng = yêng	Chim yêng (chờ-im-chim i-cờ-rét-ê-ngờ-yêng-hỏi-yểng) Yêng hùng (i-cờ-rét-ê-ngờ-yêng hờ-ung-hung-huyền-hùng)

• **Bài tập.**

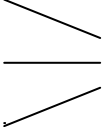
- Em hãy chọn từ dưới đây để viết vào chỗ trống mỗi câu cho thích hợp với hình vẽ:

Chim yêng - Miệng bé

- Sau khi điền xong, em gạch dưới mỗi từ trong câu có vần đúng với vần ở góc trái ô hình.

iêng ười  _____ cười tươi.	yêng iết  _____ biết nói.
---	---

• Ráp vần.

b + iêng		biêng <i>(bờ-iêng-biêng-sắc-biêng)</i>	
m		miêng ăn	cái miêng
k		kiêng nề	cây kiêng
kh		khiêng vác	khiêng chân

y + êng	yêng <i>(i-cờ-rét-ê-ngờ-yêng)</i>	yểng <i>(i-cờ-rét-ê-ngờ-yêng-hỏi-yểng)</i>
----------------	---	--



• Bài tập.

Đọc câu đặt sẵn:	Dùng từ bên dưới đặt câu và viết lên giấy:
Mẹ dặn chó lười biêng. Em gắng học siêng năng. Chị ra giếng xách nước. Bà đeo kiêng đọc sách. Yêng hùng là anh hùng. Chim yểng có lông đen.	... lười biêng siêng năng cái giếng đeo kiêng yêng hùng chim yểng ...

• Tập đọc.

Bà Em

Hôm nay là ngày rằm tháng Bảy nhằm ngày lễ Vu Lan. Bà dắt em đi lễ chùa. Em nghe tiếng chiêng vang lên hòa nhịp với tiếng mõ. Người đi lễ rất đông dù ngoài trời đang **mưa lâm râm**. Mùi hương bay **ngào ngạt**.

Bà em đeo kiếng để cùng đọc kinh với mọi người. Sau buổi lễ, bà bảo chúng em chớ lười biếng đi lễ chùa.

• Giải nghĩa.

- **Mưa lâm râm:** Mưa nhỏ nhỏ - **Ngào ngạt:** Mùi thơm bốc lên và lan tỏa rộng ra xa.

• Bài tập.

- Tìm và gạch dưới từ trong bài trên có vần **iêng, yêng**.

- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm đúng như trong bài:

.....

.....

.....

.....

- Tập đọc các từ ghép đã viết ở trên.

- Chọn những từ ở trên để điền vào chỗ trống cho thích hợp:

Hôm nay là ngày rằm tháng _____. Ở chùa em nghe tiếng _____ hòa nhịp với _____ mõ. Người đi lễ rất đông, dù ngoài trời đang _____ lâm râm. Bà em đeo _____ để đọc kinh. Bà dặn chớ nên lười _____ đi lễ chùa.

- **Việt Sử.**

Lý Ông Trọng

Cuối đời Hùng Vương.
Có tướng Lý Thân,
Hình dung cao lớn,
Sức mạnh hơn người,
Hiệu là Ông Trọng.
Quân Tàu **xâm lấn**.

Vua cử Lý Thân,
Giữ an hòa bình.
Tránh họa cho dân,
Để nước nhà Nam ,
Bình an một cõi.

Chú thích: Thầy cô kể chuyện thêm về Lý Ông Trọng.

- **Giải nghĩa.**

- **Hiệu:** Tên gọi riêng của một người. - **Xâm lấn:** Dem quân đi đánh chiếm.



Bài hát.

Thiếu Nhi Việt Nam

Chúng em là thiếu nhi Việt Nam, Việt Nam
Chúng em cùng nắm tay ca khúc Việt Nam
Mong quê hương yên vui, tự do, thanh bình
Chúng em cùng trở về Việt Nam, Việt Nam.

Trần Thụy Minh

Chớ khôn chớ cẩn cần.

BÀI MƯỜI SÁU

Ôn bài mười ba.

• Tập đọc câu có vần: **iêu** và **yêu**

Mặc nhiều áo thì ấm.

Buổi chiều gió thổi mạnh.

Em thích đi thả diều.

Em có nhiều bạn học.

Em yêu mến mẹ cha.

Em che chở bạn yếu.

Người mẫu đi yêu điệu.

Em kính yêu ông bà.

• Bài tập.

- Tìm và gạch dưới từ trong bài trên có vần **iêu**, **yêu**

- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm đúng như trong bài:

- Ghép phụ âm với vần thành từ đơn rồi tìm từ ghép có từ đơn ấy.

Phụ âm	Vần	Từ đơn	Viết hai từ ghép
x, ch	iêu		
t, th	iêu		
x, ch	yêu		

- Đặt câu có từ ghép đã viết ở trên:

Ôn bài mười bốn

• Tập đọc câu có vần: **iêt** và **yêt**

Tha thiết với nước nhà.

Em chăm đọc và viết.

Em là người Việt Nam.

Nhớ ơn anh hùng liệt nữ.

Ba đang xem yết thị.

Các quan yết kiến nhà vua.

Anh hùng Yết Kiêu.

Yết hầu ở đâu trên thân thể?

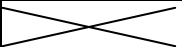
• Bài tập.

- Tìm và gạch dưới từ trong bài trên có vần **iêt, yêt**.

- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm đúng như trong bài:

.....
.....
.....
.....
.....

- Ghép phụ âm với vần thành từ đơn rồi tìm từ ghép có từ đơn ấy.

Phụ âm	Vần	Từ đơn	Viết hai từ ghép
x, ch	iêt		
t, th	iêt		
	yêt		

- Đặt câu có từ ghép đã viết ở trên:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Ôn bài mười lăm.

• Tập đọc câu có vần: **iêng** và **yêng**

Mẹ dặn chớ lười biếng.
Em gắng học siêng năng.
Bà đeo kiếng đọc sách.

Yêng hùng là anh hùng.
Chim yêng biết nói.
Chim yêng có lông đen.

• Bài tập.

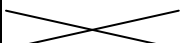
- Tìm và gạch dưới từ trong bài trên có vần **iêng, yêng**.

- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm đúng như trong bài:

.....

.....

- Ghép phụ âm với vần thành từ đơn rồi tìm từ ghép có từ đơn ấy.

Phụ âm	Vần	Từ đơn	Viết hai từ ghép
m, ch	iêng		
k, kh	iêng		
	yêng		

- Đặt câu có từ ghép đã viết ở trên:

.....

.....

.....

.....

.....

• Tập đọc.

Bản Đồ Nước Việt Nam

Mai chỉ Tâm bản đồ Việt Nam.

Nước Việt Nam hình cong như chữ S, chia ra làm ba miền. Miền Bắc và miền Nam phình lớn là hai vựa lúa. Miền Trung đất hẹp, nhiều núi. Ngày nay dân số Việt Nam độ chừng trên bảy chục triệu.

Người dân Việt nhanh nhẹn, siêng năng.

Chị em Mai là học sinh Việt Nam, đang theo học tiếng Việt ở trường Văn Lang.



• Trả lời câu hỏi.

1- Nước Việt Nam có hình dáng như thế nào?

.....

2- Kể tên ba miền của nước Việt Nam?

.....

3- Dân số Việt Nam độ chừng bao nhiêu?

.....

4- Người dân Việt siêng năng hay lười biếng?

.....

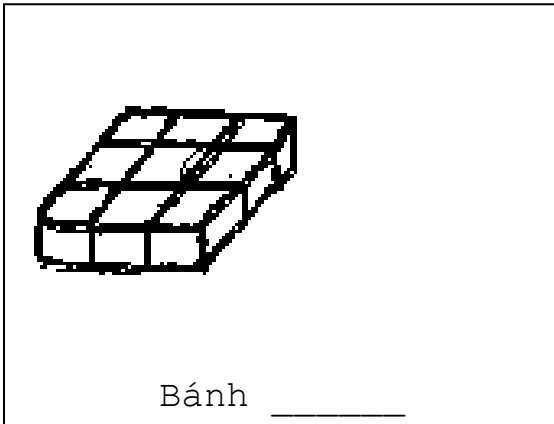
5- Chị em Mai là người nước nào?

.....

• **Câu đố.**

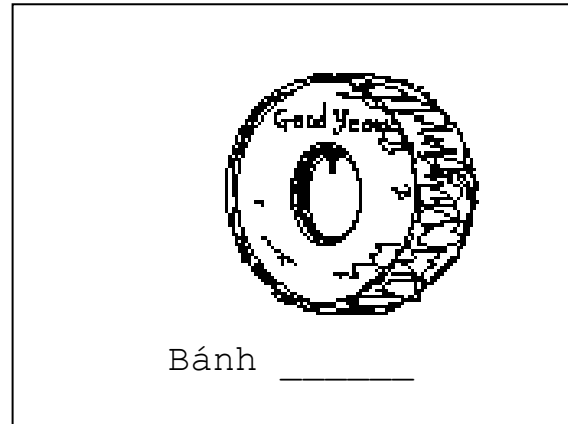
Bánh gì trong trắng ngoài xanh,
Nhân heo ở giữa,
đỗ, hành để ăn.

Đố là bánh gì?



Bánh gì bụng chứa toàn hơi.
Bên ngoài thì cứng,
suốt đời chỉ lặn.

Đố là bánh gì?



Câu có từ viết sai	Viết lại cho đúng
Tiếng Việc còn, nước Việc còn.	
Đói cho xạch , rác cho thơm.	
Em chanh đưa đọc xách .	
Mừng xinh nhất dui dễ .	
Học chò dăng lời thầy cô.	
Chái tranh rất chua.	

- Chọn câu đúng nhất theo bài tập đọc “ Bản Đồ Việt Nam”:

1. Nước Việt Nam có hình

.....

 - ☐ giống như cái thuyền.
 - ☐ cong như chữ S.
 - ☐ tròn như quả bưởi.

.....
2. Chị em Mai là người

.....

 - ☐ Mỹ ở Việt Nam.
 - ☐ đi học ở Việt Nam.
 - ☐ Việt Nam ở Mỹ.

.....
3. Nước Việt Nam có ba miền là

.....

 - ☐ đồi núi, sông ngòi và biển cả.
 - ☐ Hà Nội, Huế và Sài Gòn.
 - ☐ miền Bắc, Trung và Nam.

.....
4. Chị em Mai học tiếng Việt

 - ☐ ở Việt Nam.
 - ☐ ở trường Văn Lang.
 - ☐ ở trường Mỹ.

- **Các ngày trong tuần:**

	Chủ Nhật	
Thứ Hai		Thứ Năm
Thứ Ba		Thứ Sáu
Thứ Tư		Thứ Bảy

- **Các tháng trong năm:**

Tháng Giêng (Tháng Một)
Tháng Hai
Tháng Ba
Tháng Tư
Tháng Năm
Tháng Sáu
Tháng Bảy
Tháng Tám
Tháng Chín
Tháng Mười
Tháng Mười Một
Tháng Mười Hai (Tháng Chạp)

BÀI MƯỜI BẢY

Vần: oai oan

- **Ráp vần và đánh vần: oai**
Phát âm: (o-a-i-oai)

l + oai		loài (lờ-oai-loai-huyền-loài)	loại (lờ-oai-loai-nặng-loại)
x	oai	xoai	trái xoài, <i>xoải cánh</i>
kh		khoai	khoai lang, <i>khoái chí</i>
th		thoai	<i>thoai thoải, thoải mái</i>

Chọn từ dưới đây và điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ:

điện thoại - xoải cánh

 Chim bay _____.	 Ông ngoại nói _____.
---	---

Bài tập:

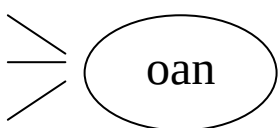
Đọc tiếng có vần **oai**, sau đó viết một từ ghép cũng có vần **oai**.

Ví dụ:	<i>xoai</i>	<i>trái xoài, xoải cánh</i>	<i>xoài ngọt</i>
---------------	-------------	-----------------------------	------------------

loai	loài người, loại bỏ	_____
khoai	củ khoai, khoái chí	_____
thoai	thoải lui, thoải mái	_____

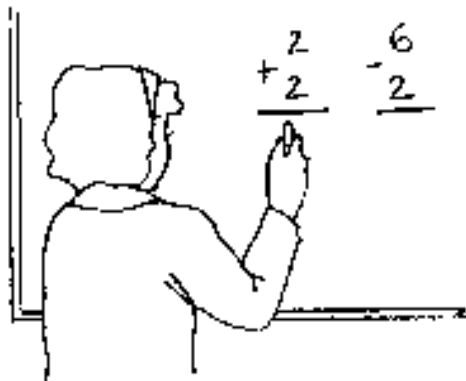
- *Xoải cánh*: Dạng rộng hai cánh ra. - *Khoái chí*: Thích thú khi ta đạt được như ý muốn. - *Thoai thoải*: Hơi dốc xuống. - *Thoải mái*: Dễ chịu, khoan khoái.

- **Ráp vần và đánh vần:** **oan**
 Phát âm: (o-a-nờ-oan)

đ + oan		đoán (đờ-oan-đoan-sắc-đoán)	đoàn (đờ-oan-đoan-huyền-đoàn)
h		hoan	hân hoan , hoàn trả
l		loan	bé Loan, loạn lạc
kh		khoan	máy khoan, khoản đãi

Chọn từ dưới đây và điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ:

làm toán - soạn bài

 Cô giáo _____ .	 Bé Loan _____ .
---	--

Bài tập:

Đọc tiếng có vần **oan**, sau đó viết một từ ghép cũng có vần **oan**.

<i>Ví dụ:</i>	<i>đoan</i>	<i>đoàn xe, đoàn kết</i>	<i>đứt đoạn</i>
---------------	-------------	--------------------------	-----------------

hoan hân hoan, hoàn toàn _____
 loan loạn lạc, loan báo _____
 khoan máy khoan, khoan thai _____

- **Hân hoan:** Vui mừng, sung sướng. - **Loạn lạc:** Tình trạng không yên ổn, rối loạn. -
Khoản đãi: Tiếp đãi tử tế.

• Tập đọc 1.

Em Học Việt Ngữ

Hôm nay là ngày đầu khóa học ở trường Việt Ngữ. Em dậy sớm, mặc đồng phục để đi học.

Vừa vào lớp, cô giáo viết tên và số điện thoại của thầy cô lên bảng để chúng em liên lạc khi cần.

Sau đó, cô cho chúng em viết câu ca dao:

“**Khôn ngoan** đối đáp **người ngoài**,
Gà cùng một mẹ **chớ hoài** đá nhau”.

Cô bước đi **khoan thai** và lời giảng rất rõ ràng. Lên cấp bốn, em cảm thấy thoải mái, mau hiểu bài hơn năm ngoái nhiều.

Giải nghĩa:

- **Khôn ngoan**: *Hiểu biết nhiều.* - **Người ngoài**: *Người không cùng gia đình.*

- **Chớ hoài**: *Không nên.* - **Khoan thai**: *Có dáng vẻ thông thả.*

Đại ý:

Những việc xảy ra trong ngày đầu khóa học ở trường Việt Ngữ.

Bài tập:

- Tìm và gạch dưới từ đơn trong bài trên có vần **oai**, **oan**.

- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm đúng như trong bài:

Ví dụ: Điện thoại, khôn ngoan.

.....

.....

- Tập đọc các từ ghép đã viết ở trên.

- Đọc câu - Đặt câu:

Đọc câu có vần oai, oan	Đặt câu bằng miệng
Ông ngoại đọc báo. Loài chim biết bay. Đoàn kết gây sức mạnh. Cô giáo chăm soạn bài.	điện thoại trái xoài đoàn xe sửa soạn

- **Văn phạm.**

Câu có từ viết sai	Viết lại cho đúng
Ông ngoại gọi điện thoai .	
Cô giáo xoạn bài.	
Bé Loan làm tán .	
Loài trim biết bay.	
Em thít ăn khoai tây.	
Đoàn cét thì xống .	

- **Chính tả.**

Viết chính tả theo bài “Em Học Việt Ngữ”.

- **Tập đọc 2.**

Ngày Khai Trường

Sáng nay em đến trường,
 Gặp bạn từ bốn phương.
 Em **hân hoan** chào đón,
 Lòng **khoan khoái** lạ thường.
 Lốp thơm mùi sơn mới.
 Lời cô giáo thân thương:
 “Các em chăm, ngoan học,
 Yêu đồng bào, quê hương”.

Giải nghĩa:

- **Khai trường:** Bắt đầu khóa học. - **Hân hoan:** Vui mừng, sung sướng.

- **Khoan Khoái:** Nhẹ nhàng trong lòng.

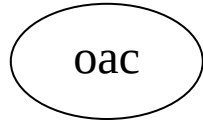
Đại ý:

Ngày khai trường, em sung sướng được gặp lại bạn bè và cô giáo.

BÀI MUỖI TÁM

Vần: oac oat

- **Ráp vần và đánh vần: oac**
Phát âm: (o-a-cờ-oac)

h + oac		hoác (hờ-oac-hoac-sắc-hoác)	hoạc (hờ-oac-hoac-nặng-hoạc)
kh		khoac	nói khoác, khoác áo
t		toac	rách toạc , cười toác
ng		ngoac	ngoác miệng , ngoác miệng

Chọn từ dưới đây và điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ:

khoác áo - toạc vai

 Áo anh đã _____.	 Ba _____ ấm đi làm.
--	--

Bài tập:

Đọc tiếng có vần **oac**, sau đó viết một từ ghép cũng có vần **oac**.

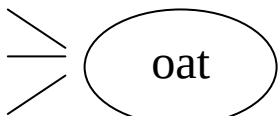
hoac
khoac
toac
ngoac

rộng hoác
khoác lác, khoác áo
toác miệng cười
ngoác miệng

toàng hoạc

- **Rách toạc:** Rách lớn. - **Ngoác miệng:** Há mồm thật to.
- **Ngoác miệng:** Há mồm to để la gào.

- **Ráp vần và đánh vần:** **oat**
 Phát âm: (o-a-tờ-oat)

l + oat		loát (lờ-oat-loat-sắc-loát)	loạt (lờ-oat-loat-nặng-loạt)
h		hoat	hoạt động, <i>hoạt bát</i>
th		thoat	thoát nạn, <i>thoạt tiên</i>
s		soat	kiểm soát, <i>sột soát</i>

Bài tập:

- Chọn từ dưới đây và điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ:

hoạt họa - soát lại

 Hoàn xem phim _____ .	 Loan _____ bài làm.
---	--

- Đọc tiếng có vần **oat**, sau đó viết một từ ghép cũng có vần **oat**.

loạt	lưu loạt	hàng loạt
hoạt	hoạt họa, hoạt động	_____
thoat	thoát nước, thoát nạn	_____
soat	kiểm soát, suýt soát (xuýt xoát)	_____

- **Hoạt bát:** Nói năng lưu loạt. - **Thoạt tiên:** Ngay lúc đầu. - **Sột soát:** Tiếng động khi bị cọ sát. - **Suýt soát (xuýt xoát):** Gần bằng, hơn kém không bao nhiêu.

• Tập đọc.

Chị Mai Và Em

Chị Mai lớn hơn em hai tuổi. Thế mà em cao suýt soát bằng chị. Mỗi sáng Chủ Nhật, chúng em cùng nhau đi học tiếng Việt. Chị Mai nói năng hoạt bát và học giỏi. Năm ngoái chị đoạt giải nhất về môn toán. Khi làm việc gì, chị có tính **dứt khoát**, không do dự. Chị không **khoác lác** với ai bao giờ.

Giải nghĩa:

- **Dứt khoát**: Làm đâu ra đấy. - **Khoác lác**: Khoe khoang, nói quá sự thật.

Đại ý:

Em và chị Mai cùng đi học ở trường Việt Ngữ. Chị là học sinh giỏi và có nhiều tính tốt.

Bài tập:

- Tìm và gạch dưới từ đơn trong bài trên có vần **oac**, **oat**.
- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm đúng như trong bài:

.....

.....

- Tập đọc các từ ghép đã viết ở trên.

- Đọc câu - Đặt câu:

Đọc câu có vần oac, oat	Đặt câu bằng miệng
Hoàn và Toàn khoác tay nhau ca hát. Không ai ưa kẻ nói khoác. Bà khoác áo choàng đi lễ. Loan soát lại bài làm. Hoàn xem phim hoạt họa. Em thích hoạt động xã hội.	khoác áo nói khoác một loạt kiểm soát hoạt họa hoạt động

- **Khoác tay**: Quàng tay vào với nhau.

- **Văn phạm.**

Câu có từ viết sai	Viết lại cho đúng
Loan soát lai bài lam .	
Khong ai ưa kẻ nói khoac .	
Em thit hoạt động sã hội.	
Em sem phim hoat họa.	
Ông khoac áo choàng đi lẻ .	
Chúng em khoac tay nhau ka hát.	
	
	

- **Chính tả.**

Viết chính tả theo bài “Chị Mai Và Em”.

- **Học thuộc lòng.**

Phải Thật Thà

Người xưa đã dạy chúng ta:
 “**Nói khoác** thì **toác mồm** ra,
 Sao bằng nói thật ai mà chẳng yêu”.
 Vậy nên em phải thật thà,
 Có là nói có, không là nói không.
 Việc làm, lời nói sáng trong,
 Thầy cô, cha mẹ vui lòng, mến yêu.

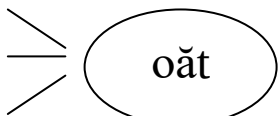
Giải nghĩa:

- **Nói khoác:** Nói láo, nói quá sự thật. - **Toác mồm:** Há rộng miệng ra.

Đại ý:

Người thật thà thì ai cũng yêu mến.

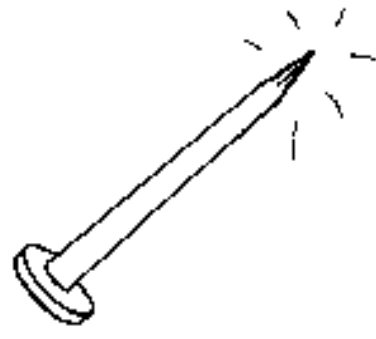
- **Ráp vần và đánh vần:** **oắt**
 Phát âm: (o-á-tờ-oắt)

h + oắt		hoắt (hờ-oắt-hoắt-sắc-hoắt)	
ch		choắt	loắt choắt
th		thoắt	thoăn thoắt, thắm thoắt
ng		ngoắt	ngoắt đuôi, ngoắt ngoéo

Bài tập:

- Chọn từ dưới đây và điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ:

nhọn hoắt - loắt choắt

	
Mũi đinh _____ .	Chú hề _____ .

Đọc tiếng có vần **oắt**, sau đó viết một từ ghép cũng có vần **oắt**.

hoắt	kim nhọn hoắt	_____
loắt	bé loắt choắt	_____
thoắt	đi thoăn thoắt	_____
ngoắt	đường ngoắt ngoéo	_____

- **Loắt choắt:** Rất bé nhỏ. - **Thoăn thoắt:** Đi một cách mau lẹ. - **Thắm thoắt, Thắm thoắt:** Qua nhanh (nói về thời gian). - **Ngoắt ngoéo:** Cong queo, quanh co.

• Tập đọc.

Anh Khoát

Anh Khoát là học sinh lớn tuổi nhất trong lớp em. Anh có thân hình loắt choắt nhưng lại thích **hoạt động thể thao**. Bước đi thoăn thoắt của anh đã giúp anh đoạt giải nhất về môn đi bộ đường dài.

Anh Khoát rất vui tính và hay **đùa cợt** với bạn bè. Họa hoằn lắm anh mới nghỉ học vì bị bệnh (bệnh).

Bạn học cả lớp em đều cảm mến anh.

Giải nghĩa:

- **Hoạt động thể thao:** Chơi các môn vận động. - **Đùa cợt:** Đùa giỡn, bỡn cợt.

Đại ý:

Anh Khoát giỏi thể thao và vui tính nên được bạn học mến yêu.

Bài tập:

- Tìm và gạch dưới từ đơn trong bài trên có vần **oăn, oắt**.

- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm đúng như trong bài:

.....

.....

- Tập đọc các từ ghép đã viết ở trên.

- Đọc câu - Đặt câu:

Đọc câu có vần oăn, oắt	Đặt câu bằng miệng
Đàn cháu xoắn xít quanh bà. Chị Loan bắn khoăn nhớ nhà. Ở đây họa hoằn lắm mới có mưa. Mũi đình nhọn hoắt. Thời gian trôi qua thoăn thoắt. Con chó ngoắt đuôi mừng rỡ.	xoắn xít bắn khoăn họa hoằn nhọn hoắt thoăn thoắt ngoắt đuôi

- **Việt sử.**

Sự Tích Nổ Thần

Vào năm 255 trước **Dương Lịch**, An Dương Vương xây Loa Thành ở làng Cổ Loa (nay là tỉnh Phúc Yên), Việt Nam.

Theo sách sử, thoát tiên An Dương Vương xây thành có nhiều yêu quái **quấy phá**, phải **lập đàn cầu khẩn**. Thần Kim Quy hiện lên bày phép cho vua trừ được yêu quái, bấy giờ mới xây được thành một cách hoàn toàn.

Ngoài ra, Thần Kim Quy còn cho vua một cái móng chân để làm cái **lẫy nổ**. Lúc nào có giặc thì đem cái nổ ấy ra bắn một phát, giặc chết hàng loạt.

Ngày nay, người ta còn đào thấy nhiều tên đồng ở Cổ Loa.

Giải nghĩa:

- **Dương Lịch:** Lịch đang dùng hiện nay tính theo sự chuyển động của trái đất với mặt trời. - **Quấy phá:** Gây rối loạn, không để cho yên. - **Lập đàn cầu khẩn:** Xây nền hay đài cao để cầu trời xin việc gì một cách tha thiết, gấu gao. - **Lẫy nổ:** Bộ phận bật dây của nổ.

Trả lời câu hỏi:

1- Tại sao An Dương Vương xây thành không được ?

.....

2- Thần Kim Quy đã giúp An Dương Vương như thế nào?

.....

- **Bài hát:**

Em Bé Quê

Em mới lên năm, lên mười, nhưng em không yếu đuối.

Thầy mẹ yêu - cũng vì trẻ thơ - làm việc rất say sưa.

Em biết yêu thương đời trai - đời hùng anh chiến sĩ.

Ước mong sao - em lớn lên mau - vươn sức mạnh cần lao.....

Phạm Duy

BÀI HAI MƯƠI

Ôn vần:	oai	oan
	oac	oat
	oăn	oăt

• Tập đọc.

Ngày Tựu Trường

Hôm nay là ngày **tựu trường**,
Học sinh **tập nập** bốn phương tìm về.
Sân trường Việt Ngữ vui ghê,
Chúng em **tú tú** mải mê chuyện trò.
Kìa! Hoàn, Thoại, Khoát nhỏ to.
Bé Loan nín mẹ, **thập thò** bên chân.
Thầy, cô thoăn thoắt ra sân,
Chúng em vội vã theo chân sắp hàng.

Giải nghĩa:

- **Tựu trường:** (Khai trường) Ngày đầu tiên của khóa học. - **Tập nập:** Nhiều người qua lại.
- **Tú tú:** Cười nói, hỏi han liên tiếp. - **Thập thò:** Rụt rè, e lệ.

Đại ý:

Ngày tựu trường, các em vui vẻ gặp lại nhau rồi sắp hàng vào lớp.

Trả lời câu hỏi:

1- Ngày tựu trường còn gọi là ngày gì ?

.....

2- Kể tên ba học sinh nói chuyện nhỏ to ?

.....

3- Ai nín áo mẹ ?

.....

4- Thầy cô đi như thế nào ?

.....

• Từ ngữ - Đặt Câu - Tục Ngữ.

Tìm từ:

- Ghép phụ âm với vần để thành từ đơn
- Viết từ ghép có từ đơn ấy
- Có thể dùng tự điển Việt Nam để làm bài.

Phụ âm	Vần	Từ đơn	Viết hai (2) từ ghép	
l, x	oai			
ng, kh	oai			
đ, t	oan			
h, ng	oan			
h, t	oac			
l, s	oat			
x, kh	oăn			
l, th	oăt			

Đặt câu:

Chọn năm (5) từ ghép ở trên và đặt thành năm (5) câu.

.....

.....

.....

.....

.....

• Học ôn tục ngữ.

“Ngày nay học tập, ngày mai giúp đời. ”

Giải nghĩa: Lúc còn nhỏ tuổi, các em phải chăm chỉ học hành, trau dồi tài đức để mai sau lớn lên giúp mình và gia đình, có ích cho xã hội.

• Tìm từ - Đặt câu - Câu đố.

Tìm từ phản nghĩa.

ngày $\neq$

vui $\neq$

ra $\neq$

dễ $\neq$

Đặt câu.

- Ngày:

- Vui:

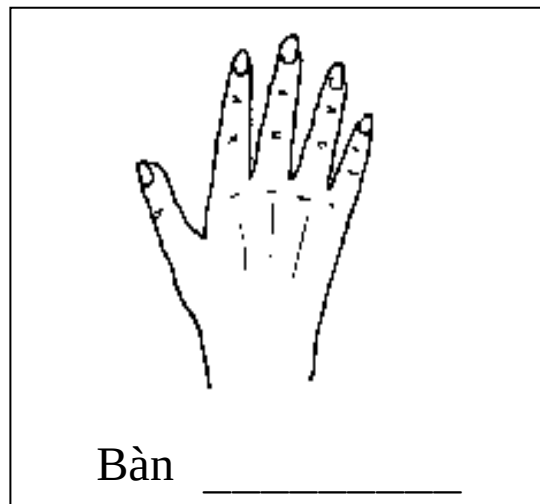
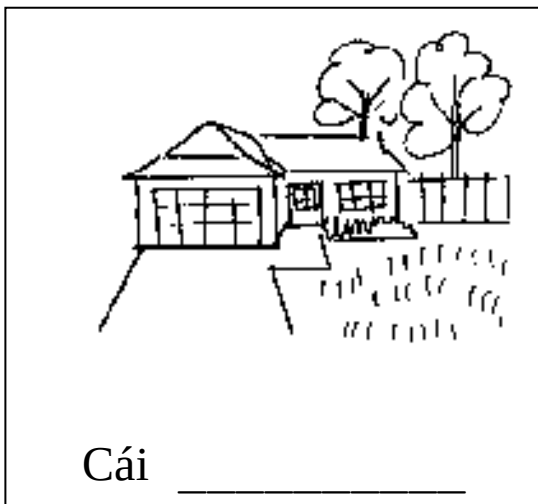
- Ra:

- Dễ:

Câu đố.

Cái gì che nắng che mưa,
Để ta nướng nấu sớm trưa yên lành.
Đó là cái gì?

Năm ông cùng ở một nhà,
Tình huynh nghĩa đệ vào ra thuận hòa.
Bốn ông tuổi đã lên ba,
Một ông đã già lại mới lên hai.
Đó là cái gì?



- **Chính tả.**

Viết chính tả theo bài “Ngày Tụ Trường”.

- **Địa lí.**

Khí Hậu Việt Nam

Nước Việt Nam ở vùng ***nhiệt đới*** lại sát biển nên khí hậu nóng và ẩm ướt. Miền Nam có khí hậu ẩm áp hơn miền Bắc vì gần ***đường Xích Đạo***. ***Thời tiết*** trên ***cao nguyên*** thường dịu mát hơn ***đồng bằng***.

Đặc tính của khí hậu Việt Nam là gió mùa. Gió Đông Bắc thổi về từ tháng 10 đến tháng 3. ***Gió Nồm*** Đông Nam kể từ tháng 5 đến tháng 9. Ngoài ra, Việt Nam thường có mưa bão vào mùa hè từ tháng 7 đến tháng 9.

Giải nghĩa:

- ***Nhiệt đới***: Vùng có khí hậu nóng. - ***Đường Xích Đạo***: Đường phỏng định vòng quanh trái đất, chia trái đất thành hai phần: Nam và Bắc. - ***Thời tiết***: Sự thay đổi nhiệt độ từng vùng. - ***Cao nguyên***: Vùng đất cao, bằng, rộng lớn ở miền núi. - ***Đồng bằng***: Vùng đất thấp. - ***Đặc tính***: Tính chất riêng. - ***Gió nồm***: Gió mát và ẩm ướt thổi đến Việt Nam từ hướng Đông Nam.

Trả lời câu hỏi:

1- Tại sao khí hậu Việt Nam nóng và ẩm ?

.....

2- Thời tiết ở đâu thường dịu mát ? Tại sao ?

.....

3- Mùa nào trong năm thì gió Đông Bắc thổi vào ?

.....

4- Mùa nào trong năm thì gió Đông Nam thổi vào ?

.....

BÀI HAI MƯƠI MỐT

Vần: oanh oach

• **Ráp vần và đánh vần: oanh**

Phát âm: (o-a-nhờ-oanh)

ng + oanh		ngoảnh (ngờ-oanh-ngoanh-hỏi-ngoảnh)	
d		doanh	kinh doanh, doanh nghiệp
h		hoanh	hoạnh tài, hoành phi
kh		khoanh	khoanh tay, khoảnh khắc

Bài tập:

- Chọn từ dưới đây và điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ:

Chim oanh - khoanh tay

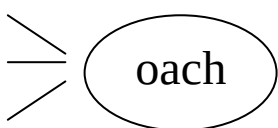
 Bé _____ dạ bà.	 _____ hót líu lo.
---	--

- Đọc tiếng có vần **oanh**, sau đó viết một từ ghép cũng có vần **oanh**.

doanh	doanh trại, doanh nghiệp	_____
khoanh	khoảnh khắc, khoanh tròn	_____
hoanh	hoành phi, hoành độ	_____

- **Doanh nghiệp:** Làm các việc kinh doanh, sản xuất hay mua bán. - **Hoạnh tài:** Tiền bạc được một cách không chính đáng. - **Hoành phi:** Bức gỗ có khắc chữ Hán thường treo ngang ở giữa nhà. - **Khoảnh khắc:** Trong chốc lát.

- **Ráp vần và đánh vần:** **oach**
 Phát âm: (o-a-chờ-oach)

h + oach		hoạch (hờ-oach-hoach-nặng-hoạch)
x h		oach
		<i>oách, oành oạch</i>
		<i>xoành xoạch</i>
		hoạch
		kế hoạch, hoạch định

Bài tập:

- Chọn từ dưới đây và điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ:

ngã đánh oạch - xoành xoạch

 Oanh đi phố _____.	 Bé Loan _____.
--	---

Đọc tiếng có vần **oach**, sau đó viết một từ ghép cũng có vần **oach**.

oach	oách, ngã đánh oạch	_____
xoach	xoành xoạch	_____
hoach	hoạch định, thu hoạch	_____

- **Oách:** Trông oai vệ và sang trọng. - **Oành oạch:** Tiếng người ngã mạnh liên tiếp.
 - **Xoành xoạch:** Liền liền, luôn luôn. - **Ngã đánh oạch:** Ngã mạnh gây tiếng kêu.

• Tập đọc.

Căn Nhà Mới

Nhà em ở sát chân đồi. Từ xa lộ 101 rẽ vào con đường nhỏ, ba lái xe chạy **loanh quanh** độ năm phút thì đến nơi.

Đây là căn nhà **mới toanh**, trông xinh xinh. Trong nhà rộng rãi và có **ngăn nắp**. Trước kia, gia đình em phải thay đổi chỗ ở xoành xoạch. Nay cha mẹ em vui mừng làm chủ được một căn nhà. Gần trường, em sung sướng có thêm thời giờ để chăm lo học bài.

Giải nghĩa:

- **Loanh quanh**: Chạy vòng vòng, chạy quanh quẩn. - **Mới toanh**: Rất mới.

- **Ngăn nắp**: Có gọn gàng, thứ tự.

Đại ý:

Gia đình em vui sướng vì mua được căn nhà mới.

Bài tập:

- Tìm và gạch dưới từ đơn trong bài trên có vần **oanh, oach**.
- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm đúng như trong bài:

.....
.....

- Tập đọc các từ ghép đã viết ở trên.

- Đọc câu - Đặt câu:

Đọc câu có vần oanh, oach	Đặt câu bằng miệng
Căn nhà này mới toanh. Bà đi loanh quanh trong nhà. Súng nổ đoành đoành. Bé Hoàng ngã hoạch. Trí đi chơi xoành xoạch. Làm việc phải có kế hoạch.	mới toanh loanh quanh đoành đoành ngã hoạch xoành xoạch kế hoạch

• **Văn phạm.**

Câu có từ viết sai	Viết lại cho đúng
Bé Loan ngã <i>hạch</i> .	
Căn nhà mới <i>tanh</i> .	
Hoành đi phố <i>xoanh xạch</i> .	
<i>Chiêm</i> oanh học <i>noi</i> .	
Học tập phải có kế <i>hạch</i> .	
Súng nổ <i>đanh đanh</i> .	

• **Chính tả.**

Viết chính tả theo bài “Căn Nhà Mới ”.

• **Học thuộc lòng.**

Bé Oanh

Bé Oanh mới lên ba,
Được ngoại *cung* nhất nhà.
Mỗi lần sắp đi xa,
Bé khoanh tay ọ bà.
Bé đi không vội vã.
Sợ ngã hoạch mà đau.

Giải nghĩa:

- *Cung*: Nuông chiều.

Đại ý:

Bé Oanh có lễ phép và đi cẩn thận được bà ngoại cưng.

BÀI HAI MƯƠI HAI

Vần: oang oăng

- Ráp vần và đánh vần: oang**
Phát âm: (o-a-ngờ-oang)

l + oang		loang (lờ-oang-loang)	loăng (lờ-oang-loang-ngã-loăng)
h	oang	hoang	hoang phí, hoàng oanh
th		thoang	thoang thoảng, thỉnh thoảng
nh		nhoang	chóp nhoảng, hào nhoảng

Bài tập:

- Chọn từ dưới đây và điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ:

hoàng oanh - oang oang

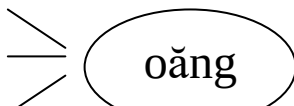
	
Chó sủa _____.	Chim _____ hát.

- Đọc tiếng có vần **oang**, sau đó viết một từ ghép cũng có vần **oang**.

loang	loang loảng, loảng xoảng	loang lỏ
hoang	hoàng hôn, hoang đảo	_____
thoang	thoang thoảng, loảng thoảng	_____
nhoang	chóp nhoảng	_____

- **Hào nhoảng:** Rực rỡ bóng nhoảng. - **Loang loảng:** Lóng lánh.
- **Loảng xoảng:** Tầm thường, không có gì đáng kể.

- **Ráp vần và đánh vần: oăng**
Phát âm: (o-á-ngờ-oăng)

h + oăng		hoăng (hờ-oăng-hoăng)	hoăng (hờ-oăng-hoăng-ngã-hoăng)
l		loăng	loăng quăng, loăng ngoăng
th		thoăng	liền thoăng
ng		ngoăng	ngoăng dây

Bài tập:

- Chọn từ dưới đây và điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ:

Con hoăng - loăng ngoăng

 Đường đi _____ .	 _____ chạy nhanh.
--	--

- Đọc tiếng có vần **oăng**, sau đó viết một từ ghép cũng có vần **oăng**.

hoăng	hoăng hoặc	_____
loăng	loăng ngoăng	_____
thoăng	viết thoăng	_____
ngoăng	ngoăng vào	_____

- **Hoăng**: Loại thú rừng giống như nai và hươu nhỏ. - **Loăng quăng**: Chạy chỗ này chỗ kia làm bộ bận rộn. - **Loăng ngoăng**: Cong queo. - **Liền thoăng**: (Nói) Nhiều và nhanh. - **Ngoăng dây**: Tròng (quàng) dây.

• Tập đọc.

Bé Hoàng

Ngày ngày ba em đi làm. Em và chị Loan đi học trường gần nhà. Bé Hoàng ở nhà với ông bà ngoại.

Năm nay Hoàng mới lên hai và nói **liền thoắng** cả ngày. Mỗi lần ngoại đi ra vườn sau, bé **quấn quýt** quanh bà. **Thỉnh thoảng**, Hoàng chơi với con chó Nhật lông xù. Có khi, bé nắm đuôi khiến chó kêu oăng oăng. Bà ngoại vội gỡ tay cháu ra và âu yếm bồng cháu lên.

Giải nghĩa:

- **Liền thoắng**: Nói liền liền.
- **Quấn quýt**: Đeo sát một bên.
- **Thỉnh thoảng**: Một đôi khi.

Đại ý:

Bé Hoàng được ông bà ngoại thương yêu, chăm sóc.

Bài tập:

- Tìm và gạch dưới từ đơn trong bài trên có vần **oang, oăng**.
- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm đúng như trong bài:

.....

.....

- Tập đọc các từ ghép đã viết ở trên.
- Đọc câu - Đặt câu:

Đọc câu có vần oang, oăng	Đặt câu bằng miệng
Vách tường bị loang lổ. Cảnh mặt trời lên thật huy hoàng. Thỉnh thoảng ba em đi câu cá. Chó con kêu oăng oăng. Con kéc nói liền thoắng. Sợi dây câu loăng ngoăng.	loang lổ huy hoàng thỉnh thoảng oăng oăng liền thoắng loăng ngoăng

• **Văn phạm.**

Câu có từ viết sai	Viết lại cho đúng
Chim hoàng oang hót hay.	
Hoàng nói liến thắng .	
Đường đi ngoằng ngèo .	
Thỉnh thắng ba đi câu ca .	
Tờ đấy bị loang lỗ vết mực.	
Chó con kiêu oăng oăng .	
	
	

Chính tả:

Viết chính tả theo bài “Bé Hoàng”.

Học thuộc lòng:

Chó, Gà và Chim Kéc

Ba em nuôi con kéc,
 Nói liến thoắng cả ngày.
 Vỗ cánh trông thật **oai** ,
 Là con gà cồ đá.
Gâu gâu , con **chó vá** .
 Thấy lạ sữa oang oang.

Giải nghĩa:

- **Oai:** Có vẻ nghiêm trang. - **Gâu gâu:** Tiếng chó sủa. - **Chó vá:** Con chó có vài mảng lông khác màu, có khoang, có đốm.

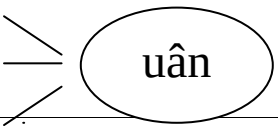
Đại ý:

Loài vật ba em nuôi là chim kéc, gà và chó.

BÀI HAI MƯƠI BA

Vần: uân uât

- **Ráp vần và đánh vần: uân**
Phát âm: (u-ớ-nờ-uân)

x + uân		xuân (xờ-uân-xuân)	xuân (xờ-uân-xuân-hỏi-xuân)
h		huân	huân chương , huấn luyện
t		tuân	tuân lệnh, tuân lễ
th		thuân	mâu thuẫn , thuận hòa

Bài tập:

- Chọn từ dưới đây và điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ:

Mùa xuân - Ba khuôn

 _____ tảng đá.	 _____ hoa nở.
--	--

- Đọc tiếng có vần **uân**, sau đó viết một từ ghép cũng có vần **uân**.

xuân	ngày xuân, hoa xuân	_____
huân	huân chương, huấn thị	_____
tuân	tuân lời, tuần tú	_____
thuân	mâu thuẫn, thuận tiện	_____

- **Huân chương:** Huy chương ban cho người có công với tổ quốc. – **Mâu thuẫn:** xung đột, chống chọi nhau. - **Tuần tú:** Có dáng vẻ đẹp đẽ hơn người.

- **Ráp vần và đánh vần:** **uât**
 Phát âm: (u-ớ-tờ-uât)

l + uât		luât (lờ-uât-luât-nặng-luât)	
x		xuât	xuất sắc, xuất xứ
kh		khuât	che khuất, khuất bóng
th		thuât	kĩ thuật , ảo thuật

Bài tập:

- Chọn từ dưới đây và điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ:

luât sư - ảo thuật

	
Tuấn làm trò _____.	Chú Tuất là _____.

- Đọc tiếng có vần **uât**, sau đó viết một từ ghép cũng có vần **uât**.

luât	kĩ luật , luật lệ	_____
xuât	xuất xứ, xuất cảng	_____
khuât	bắt khuất, khuất bóng	_____
thuât	ảo thuật, mĩ thuật	_____

- **Xuất xứ:** Từ chỗ nào mà có, nguồn gốc từ đâu mà ra. - **Kĩ thuật:** Tài năng chuyên môn.
 - **Kĩ luật:** Quy luật, phép tắc. - **Mĩ thuật:** Nghệ thuật phát biểu cái đẹp.

- **Tập đọc.**

Buổi Tối Trong Gia Đình

Gia đình em dùng bữa cơm tối xong thì mặt trời vừa khuất sau **đồi**.
Cả nhà **quây quần** nơi phòng khách. Ông ngoại và ba chăm chú đọc báo. Má giúp em làm toán và luận văn. Má luôn dặn em giữ gìn kỉ luật nhà trường và là một học sinh tốt. Bé Tuấn thì **quấn quýt** bên bà ngoại để nghe bà kể chuyện cổ tích.

Giải nghĩa:

- **Đồi:** Gò đất lớn và cao.
- **Quây quần:** Tụ họp lại với nhau.
- **Quấn quýt:** Đeo sát một bên.

Đại ý:

Cảnh gia đình sinh hoạt sau bữa cơm tối.

Bài tập:

- Tìm và gạch dưới từ đơn trong bài trên có vần **uân, uât**.
- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm đúng như trong bài:

.....
.....

- Tập đọc các từ ghép đã viết ở trên.
- Đọc câu - Đặt câu:

Đọc câu có vần uân, uât	Đặt câu bằng miệng
Một tuần lễ có bảy ngày. Mùa xuân hoa nở đẹp. Hợp quần gây sức mạnh. Phải giữ gìn kỉ luật. Mặt trời đã khuất sau núi. Khoa học kĩ thuật tiến bộ nhanh	tuần lễ mùa xuân quây quần kỉ luật khuất kĩ thuật

- **Việt sử.**

My Châu Và Trọng Thủy

Vì chiếc nỏ thần quá lợi hại nên Triệu Đà sang đánh *nước Âu Lạc* mấy lần đều bị thua.

Sau đó Triệu Đà liền lập mưu cho con trai là Trọng Thủy sang xin cưới My Châu là con gái An Dương Vương. Vì tin chồng, My Châu đem nỏ thần cho Trọng Thủy xem. Trọng Thủy liền đánh tráo lấy nỏ giả rồi trốn về nước.

Lần này, Triệu Đà đem quân sang đánh, An Dương Vương mang nỏ ra cự địch. Nhưng tiếc thay, nỏ không còn *hiệu nghiệm* nữa, nên nhà vua thua trận và đem My Châu chạy trốn...

Giải nghĩa:

- *Nước Âu Lạc*: Tên nước Việt Nam ngày xưa.

- *Hiệu nghiệm*: Công hiệu, hiệu lực thấy rõ, kết quả nghiệm thấy.

Trả lời câu hỏi:

1- Tại sao Triệu Đà muốn Trọng Thủy cưới My Châu ?

.....

2- Tại sao An Dương Vương thua trận ?

.....

- **Bài hát.**

Reo Vang Bình Minh

Reo vang reo, ca vang ca, cất tiếng hát vang đồng xanh vang rừng,

La bao la, tươi xinh tươi, ánh sáng tung bừng hoa lá.

Cây rung cây, hoa đưa hoa,

Khắp nơi bình minh giáng reo hương nồng,

Gió đón gió, sáng chiếu sáng, bình minh sáng ngập hồn ta.....

Hùng Lô

BÀI HAI MƯƠI BỐN

Ôn vần:	oanh	oach
	oang	oăng
	uân	uât

• Tập đọc.

Sửa Soạn Đi Xa

Thỉnh thoảng ba em đưa gia đình đi chơi xa. Cả nhà bận rộn làm theo **kế hoạch**. Ông bà ngoại trông coi bé Hoàng để bé không té ngã **xoành xoạch**. Em giữ con chó nhỏ hay kêu oăng oăng. Má sắp đồ ăn và xếp áo quần. Còn ba **khuân vác** lều vải lên xe.

Ai nấy vui vẻ vào chỗ ngồi. Ba cho xe lăn bánh. Em ngoảnh đầu nhìn lại, ngôi nhà vừa **khuất** sau hàng cây.

Giải nghĩa:

- **Kế hoạch:** Điều dự định làm có thứ tự. - **Xoành xoạch:** Xảy ra nhiều lần.

- **Khuân vác:** Mang vật nặng bằng hai tay, lưng hay vai. - **Khuất:** Bị che, ẩn sau vật gì.

Đại ý:

Mỗi người trong gia đình lo làm tròn phận sự trước khi đi chơi xa.

Trả lời câu hỏi:

1- Gia đình em có đi chơi xa luôn luôn không ?

.....

2- Ông bà ngoại trông nom ai ?

.....

3- Tiếng con chó nhỏ kêu như thế nào ?

.....

4- Kể những việc ba em làm ?

.....

• Từ ngữ - Đặt câu - Tục ngữ.

Tìm từ:

- Ghép phụ âm với vần để thành từ đơn
- Viết từ ghép có từ đơn ấy
- Có thể dùng từ điển Việt Nam để làm bài.

Phụ âm	Vần	Từ đơn	Viết hai (2) từ ghép	
kh, t	oanh			
h, x	oach			
h, th	oang			
h, l	oăng			
t, kh	uân			
l, th	uât			

Đặt câu:

Chọn năm (5) từ ghép ở trên và đặt thành năm (5) câu.

.....

.....

.....

.....

.....

• Học ôn tục ngữ.

“Anh em như thể tay chân. ”

Giải nghĩa: Tay chân bị đau thì cả thân thể cũng đau nhức theo. Vậy anh em một nhà ví như tay chân phải thuận hòa, giúp đỡ, thương yêu nhau thì cả gia đình mới yên vui, hạnh phúc.

• Tìm từ - Đặt câu - Câu đối.

Tìm từ phản nghĩa.

mới $\neq$

tốt $\neq$

nhỏ $\neq$

rộng $\neq$

Đặt câu.

- Mới:

- Tốt:

- Nhỏ:

- Rộng:

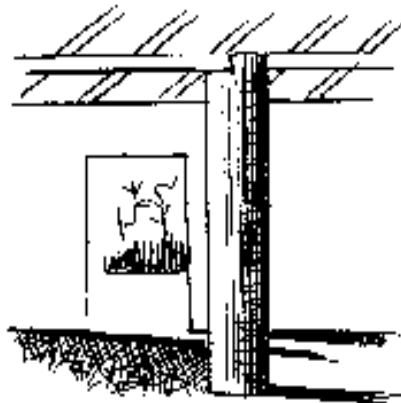
Câu đối.

Trái gì lơ lửng trên không,
Nuôi cây xanh tốt, nuôi người ấm no.
Đó là trái gì?

Sừng sừng mà đứng giữa nhà,
Ai vào không hỏi, ai ra không chào
Đó là cái gì?



Trái _____



Cái _____

- **Chính tả.**

Viết chính tả theo bài “Sửa Soạn Đi Xa”.

- **Địa lí.**

Dân Cư Việt Nam

Theo **thống kê** năm 1998, dân số Việt Nam khoảng chừng 77 triệu. Họ sống **chen chúc** ở miền đồng bằng, **đô thị**, và trung tâm kĩ nghệ. Dân chúng miền đồi núi thì **thưa thớt**.

Người Việt thông minh và chịu khó. Đa số theo đạo thờ cúng ông bà và đạo Phật. Số còn lại theo đạo Thiên Chúa, đạo Tin Lành, đạo Cao Đài, đạo Hòa Hảo

...

Dân tộc **thiểu số** có chừng 3 triệu và sinh sống ở miền rừng núi. Đó là các sắc tộc: Mường, Mán, Mèo, Thạng . . .

Giải nghĩa:

- **Thống kê:** Kê khai tổng quát bằng những con số rõ ràng. - **Chen chúc:** Dân cư đông đúc sinh sống trên một vùng đất chật hẹp. - **Đô thị:** Thành phố hay thị trấn có dân cư đông đúc. - **Thưa thớt:** Ít, rời rạc, phân bố không đều. - **Thiểu số:** Số ít, phần nhỏ.

Câu hỏi:

1- Em cho biết dân số Việt Nam vào năm 1998 là khoảng bao nhiêu ?

.....

2- Người dân Việt Nam sống chen chúc ở đâu ?

.....

3- Kể các đạo hiện có ở Việt Nam mà em biết ?

.....

4- Ở Việt Nam có các dân tộc thiểu số nào ?

.....

Kì thi cuối khóa Bài thi mẫu cấp 4

Thầy cô dùng bài thi mẫu này để soạn đề thi mà các em đã học trong những tuần lễ vừa qua.

I- Chính tả (40 điểm).

Viết một trong hai bài "Tập đọc" hoặc "Tập đọc - Chính tả" do thầy cô chỉ định trước cho các em ôn thi.

- Câu hỏi:

- Tìm và gạch dưới từ có vần trong bài chính tả.
(Chọn bài có từ 5 đến 6 vần như: iêu, yêu, iệt, yệt, oai, oăc, uân, uât, . . .)

- Chép lại những từ vừa tìm có vần đúng như trong bài:

.....
.....

II- Viết lại cho đúng chính tả (12 điểm).

Viết lại cho đúng chính tả 12 câu có từ viết sai.
(Tìm những câu có từ viết sai từ bài 13 đến bài 24)

Thí dụ:

Cô giáo đang xoan bài trong lớp.

1. Cô giáo đang soạn bài trong lớp.
2.
3.
4.
-
13.

III- Tìm từ - Đặt câu (10 điểm).

Cho 4 từ để các em tìm từ phản nghĩa và đặt câu với những từ ấy.

Thí dụ:

Tìm từ phản nghĩa với những từ sau đây:

mói	≠	cũ		≠	
.....	≠			≠	

- Đặt câu:

1. cũ: Em có một chiếc xe đạp **cũ**.
 2. :
 :
 5. :

IV- Học thuộc lòng (20 điểm).

Chép lại một trong hai bài Học Thuộc Lòng đã được thầy cô chỉ định trước.

Đề bài 1:

Đề bài 2:

V- Tìm từ ghép và đặt câu (20 điểm).

- Ráp phụ âm với vần thành từ đơn, rồi tìm từ ghép có từ đơn ấy.

Thí dụ:

Phụ âm x, th	Vần oai	Từ đơn xoài, thoại	Tìm hai từ ghép trái xoài, điện thoại
1.,			 ,
2.,			 ,
3.,			 ,
4.,			 ,

- Hãy đặt 4 câu với 4 từ ghép vừa tìm ở trên.

Thí dụ:

1. điện thoại.
Ông ngoại đang nói *điện thoại*.
2.
.....
3.
.....

4.
.....

5.
.....

VI- Địa lí (4 điểm).

Chọn một bài hay một đoạn địa lí để các em tìm hiểu, sau đó sẽ trả lời từ 2 đến 4 câu hỏi.

Thí dụ:

Khí Hậu Việt Nam

Nước Việt Nam ở vùng nhiệt đới
..... và thường có mưa bão vào mùa hè từ Tháng Tư đến Tháng Chín.

- Câu hỏi:

1. Nước Việt Nam ở vào vùng khí hậu nào ?
2. ?
3. ?

VII- Việt sử (4 điểm).

Chọn một bài hay một đoạn Việt sử để các em tìm hiểu, sau đó sẽ trả lời từ 2 đến 4 câu hỏi.

Thí dụ:

My Châu và Trọng Thủy

Vì chiếc nỏ thần quá lợi hại
..... nhà vua thua trận và đem My Châu chạy trốn.

- Câu hỏi:

1. Vua An Dương Vương có vũ khí gì rất lợi hại ?
2. ?
3. ?

Họ và tên học sinh _____ Phụ huynh kiểm nhận _____

Bài Làm ở Nhà # 1

I. Tập đọc - Bài tập.

- Đọc kĩ bài **“Lời Mẹ Dặn”** và **“Em Học Tiếng Việt”**. Sau đó thâu vào băng cassette mỗi bài 2 lần để nạp thầy cô.

- Trả lời câu hỏi theo bài **“Lời Mẹ Dặn”**:

1- Năm nay Thạch lên mấy tuổi ?

.....

2- Mẹ dặn Thạch làm gì để cho kịp bạn ?

.....

3- Thạch làm sao để bạn bè khỏi lánh xa ?

.....

- **Đặt câu:**

Chạy nhanh:

Trái chanh:

Xách giỏ:

Tiệt sách:

Phách lối:

- Đánh dấu **X** vào ô vuông cho đúng theo bài tập” **Đọc câu đặt sẵn**” và bài học thuộc lòng” **Em Học Tiếng Việt**”.

Gà có cánh như gì ?

- ☐ Gà có cánh như máy bay.
- ☐ Gà có cánh như dơi.
- ☐ Gà có cánh như chim.

Ở sạch thì sao ?

- ☐ Ở sạch thì mạnh khỏe.
- ☐ Ở sạch thì ốm yếu.
- ☐ Ở sạch thì trắng phau.

Bé đi học Việt Ngữ vào

- ☐ sáng thứ Bảy.
- ☐ sáng chủ nhật.
- ☐ chiều chủ nhật.

- Điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ:



Bé trông lớn và nhện.



Thạch đọc bài vách.

II. Từ ngữ - Chọn câu.

- **Tìm từ:**

- Ghép phụ âm với vần để thành từ đơn
- Viết từ ghép có từ đơn ấy
- Có thể dùng tự điển Việt Nam để làm bài.

Phụ âm	Vần	Từ đơn	Viết từ ghép
m	anh	mạnh	mạnh khỏe
nh	anh		
tr	anh		
b	anh		
s	ach		
r	ach		

- Đánh dấu X vào ô vuông câu đúng nhất:

Sạch sẽ là

☐ không dơ bẩn.

☐ bị dính bùn.

☐ không bị ướt.

Mạnh khỏe là

☐ không bị rầy la.

☐ không đau yếu.

☐ không vui vẻ.

Nhanh nhẹn là

☐ chậm như rùa.

☐ mau lẹ.

☐ dễ dàng.

III. Văn phạm - Chính tả.

- Đọc lại bài” **Em Học Tiếng Việt**”.

- Chép một câu có từ mang dấu hỏi (?)

.....

- Chép một câu có từ mang dấu ngã (~)

.....

- Viết lại cho đúng chính tả:

Câu có từ viết sai

Viết lại cả câu cho đúng

Bàn **châng** bé dơ bẩn

Quả **tranh** chín vàng.

Nhà em sạch **xế**.

Lá lành đùm lá **rác**.

Ba em **gặc** đầu cười.

- Viết chính tả: Chép lại bài “**Em Học Tiếng Việt**”.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Họ và tên học sinh _____ Phụ huynh kiểm nhận _____

Bài Làm ở Nhà # 2

I. Tập đọc - Bài tập.

- Đọc kĩ bài **“Buổi Sáng Trên Bể”** và **“Sông Nước Mênh Mông”**. Sau đó thâu vào băng cassette mỗi bài 2 lần nạp thầy cô.

- Trả lời câu hỏi theo bài **“Buổi Sáng Trên Bể”**:

1- Mặt trời buổi sáng có màu gì ?

.....

2- Đám mây về phía mặt trời lên có màu gì ?

.....

3- Trên bầu trời các em còn thấy gì nữa ?

.....

4- Về phía tây, em thấy gì ?

.....

- **Đặt câu:**

Chênh chênh:

Gập ghềnh:

Xóc xếch:

Lênh khênh:

• **Xếp lại thành câu cho hợp nghĩa.**

chênh chênh

thu

Ánh trăng

bạc phếch

đã

Cái áo

Anh Ba

lênh khênh

cao

lênh đênh

trên mặt bể

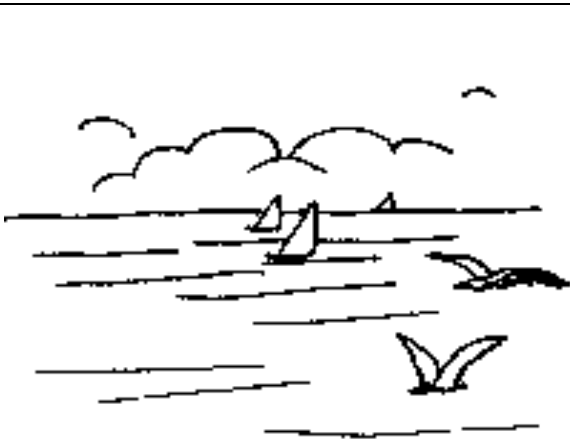
Con đò

sức khỏe

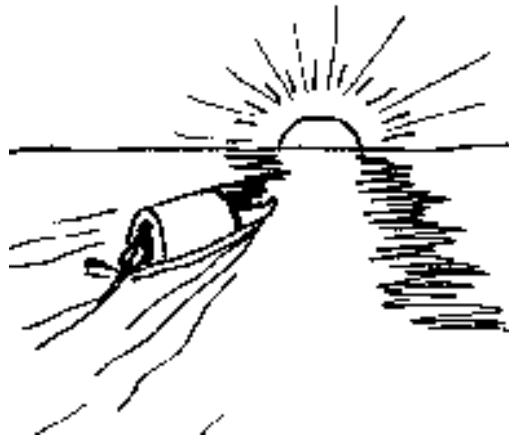
là mẹ

Sạch sẽ

• **Điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ :**



Mặt bể mông



Con đò về đông.

II. Từ ngữ - Chọn câu.

• Tìm từ:

- Ghép phụ âm với vần để thành từ đơn
- Viết từ ghép có từ đơn ấy
- Có thể dùng tự điển Việt Nam để làm bài.

Phụ âm	Vần	Từ đơn	Viết từ ghép
b	ênh	bênh	bênh vực
ch	ênh		
m	ênh		
l	ênh		
ch	êch		
x	êch		

• Đánh dấu X vào ô vuông câu đúng nhất:

- | | |
|----------------|--|
| Chênh chéch là | ☐ nghiêng nghiêng.
☐ thẳng đứng.
☐ cong cong. |
| Gập ghềnh là | ☐ bằng phẳng.
☐ quanh co.
☐ lồi lõm, lởm chởm. |
| Xóc xếch là | ☐ thẳng nếp, chỉnh tề.
☐ đẹp mắt.
☐ lồi thối, không ngay thẳng. |

III. Văn phạm - Chính tả.

- Đọc lại bài “**Buổi Sáng Trên Bể**”.

- Chép một câu có từ mang dấu hỏi (?)

.....
- Chép một câu có từ mang dấu nặng (.)

.....

- **Viết lại cho đúng chính tả.**

Câu có từ viết sai

Viết lại cả câu cho đúng

Bà đi **lênh** nhà trên.

.....

Ngày **Tếc** rất vui.

.....

Chim **kênh kênh** bay cao.

.....

Chú Ba cao **lên** kênh.

.....

Áo của Ba bị xóc **xết**.

.....

- Viết chính tả: Chép lại bài “**Sông Nước Mênh Mông**”.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Họ và tên học sinh _____ Phụ huynh kiểm nhận _____

Bài Làm ở Nhà # 3

I. Tập đọc - Bài tập.

- Đọc kĩ bài “**Nhà Máy Làm Đỉnh**” và bài hát “**Ơn Nghĩa Sinh Thành**”. Sau đó thâu vào băng cassette mỗi bài 2 lần để nạp thầy cô.

- Trả lời câu hỏi theo bài “**Nhà Máy Làm Đỉnh**”:

1- Lốp của Vinh đi đâu ngày hôm qua ?

.....

2- Vinh nghe tiếng máy chạy thế nào ?

.....

3- Vinh nghe tiếng búa đập ra sao ?

.....

4- Vì sao Vinh cảm thấy vui ?

.....

- **Đặt câu:**

Bình minh:

Cuốn lịch:

Thích thú:

Cửa kính:

Xinh đẹp:

- Đánh dấu X vào ô vuông câu đúng nhất theo bài tập “**Đọc câu đặt sẵn**”.

Bà dậy vào

- ☐ ngày chủ nhật.
- ☐ mỗi buổi bình minh.
- ☐ mỗi buổi tối.

Bé đi học với ai ?

- ☐ Bé đi học với chị và anh.
- ☐ Bé đi học một mình.
- ☐ Bé đi học với bạn.

Bé mặc áo gì ?

- ☐ Bé mặc áo trắng tinh.
- ☐ Bé mặc áo đầm đẹp.
- ☐ Bé mặc áo màu đỏ.

Bé có hay tinh
nghịch không ?

- ☐ Bé thích tinh nghịch.
- ☐ Bé ghét tinh nghịch.
- ☐ Bé ít khi tinh nghịch.

- Điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ :

 Bé đi học một	 Nhà máy
--	--

II. Từ ngữ - Chọn câu.

• Tìm từ:

- Ghép phụ âm với vần để thành từ đơn
- Viết từ ghép có từ đơn ấy
- Có thể dùng tự điển Việt Nam để làm bài.

Phụ âm	Vần	Từ đơn	Viết từ ghép
đ	inh		
x	inh		
ch	inh		
th	ich		
ng	ich		

• Đánh dấu X vào ô vuông câu đúng nhất:

- | | |
|----------------|---|
| Bình minh là | ☐ buổi sáng sớm.
☐ buổi chiều tối.
☐ buổi trưa. |
| Trắng tinh là | ☐ trắng và sạch sẽ.
☐ trắng trong vất.
☐ trắng trắng. |
| Tinh nghịch là | ☐ rất vui vẻ.
☐ chơi đùa quá lố.
☐ ngoan ngoãn, dễ thương. |

III. Văn phạm - Chính tả.

- Đọc lại bài “**Nhà Máy Làm Đinh**” và bài Việt sử “**Phù Đồng Thiên Vương**”.

- Chép một câu có từ mang dấu hỏi (?)

.....

- Chép một câu có từ mang dấu ngã (~)

.....

- Viết lại cho đúng chính tả.

Câu có từ viết sai

Viết lại cả câu cho đúng

Bé nằm im thìn **thích**.

.....

Ba em **thít** làm việc.

.....

Con **kíng** thăm ông bà.

.....

Cửa đóng kín **míc**.

.....

Em thích chơi **xít** đu.

.....

- Viết chính tả: Chép lại những câu trong bài tập “**Đọc câu đặt sẵn**”.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Họ và tên học sinh _____ Phụ huynh kiểm nhận _____

Bài Làm ở Nhà # 4

I. Tập đọc - Bài tập.

- Đọc kĩ bài “**Ngày Vui Mới**” và “**Núi ở Việt Nam**”. Sau đó thâu vào băng cassette mỗi bài 2 lần để nạp thầy cô.

- Trả lời câu hỏi theo bài “**Ngày Vui Mới**”:

1- Còn nhỏ, em vui chơi thỏa thích với ai ?

.....

2- Em bắt đầu những ngày vui mới từ khi nào ?

.....

3- Em tập tô màu con gì ?

.....

4- Cảnh đồi núi và ánh bình minh như thế nào ?

.....

- Đặt câu:

Anh chị:

Đùa nghịch:

Xinh xinh:

Sách vở:

Con ếch:

- Theo bài “**Ngày Vui Mới**”:

- Chép một câu có vần anh:

.....

- Chép một câu có vần ach:

.....

- Chép một câu có vần êch:

.....

- Chép một câu có vần ênh:

.....

- Chép một câu có vần inh:

.....

- **Điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ:**



Em đi học.



Chú hề đội mũ

II. Từ ngữ - Câu đố.

• Tìm từ:

- Ghép mỗi phụ âm với vần để thành từ đơn
- Viết từ ghép có từ đơn ấy trong đó
- Có thể dùng tự điển Việt Nam để làm bài.

Phụ âm	Vần	Từ đơn	Viết hai (2) từ ghép	
th, l	ich	thích	thỏa thích	cuốn lịch
b, c	anh			
g, s	ach			
l, ch	ênh			
l, x	êch			
b, x	inh			
th, ngh	ich			

• Câu đố :

Bò nuôi để lấy sữa gọi là bò gì ?

.....

Bò con (còn nhỏ) gọi là con gì ?

.....

Bò sống trong rừng gọi là bò gì ?

.....

Gà ở trong rừng gọi là gà gì ?

.....

III. Văn phạm - Chính tả.

- Đọc lại bài “Ngày Vui Mới” và bài địa lí” Núi ở Việt Nam”.

- Chép một câu có từ mang dấu hỏi (?)

.....

- Chép một câu có từ mang dấu ngã (~)

.....

- Viết lại cho đúng chính tả.

Câu có từ viết sai

Viết lại cả câu cho đúng

Em **trăm** chỉ học hành.

.....

Hình vẽ coi đẹp **mắc**.

.....

Cảnh đồi núi **sinh sinh**.

.....

Các em vui chơi thỏa **thít**.

.....

Ánh **xáng** bình minh rực **rơ**.

.....

- Viết chính tả: Chép lại bài “Ngày Vui Mới”.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Họ và tên học sinh _____ Phụ huynh kiểm nhận _____

Bài Làm ở Nhà # 5

I. Tập đọc - Bài tập.

- Đọc kĩ bài **“Đi Cắm Trại”** và **“Giờ Ra Chơi”**. Sau đó thâu vào băng cassette mỗi bài 2 lần để nạp thầy cô.

- Trả lời câu hỏi theo **“Đi Cắm Trại”**:

1- Tiếng đồng hồ báo thức kêu như thế nào ?

.....

2- Em làm gì sau khi thức dậy ?

.....

3- Đến trường em đã thấy gì ?

.....

4- Em hãy kể các đồ dùng để cắm trại ?

.....

- **Đặt câu:**

Sắp hàng:

Cái xẻng:

Thên thanh:

Màu vàng:

Leng keng:

- Đánh dấu X vào ô vuông câu đúng nhất theo bài “**Đi Cắm Trại**”.

Nghe đồng hồ báo thức, em vội vàng

- ☐ đi đến trường học.
- ☐ mang lều, gậy... đi cắm trại.
- ☐ ngồi dậy, rửa mặt ăn sáng.

Cô giáo bảo các em

- ☐ cắm trại rất thích thú.
- ☐ sắp hàng và điểm danh.
- ☐ lần lượt lên xe buýt.

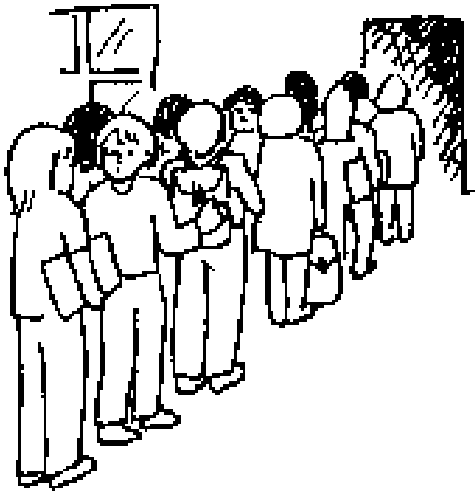
Chúng em đi cắm trại bằng

- ☐ xe đạp.
- ☐ xe ô tô.
- ☐ xe bus.

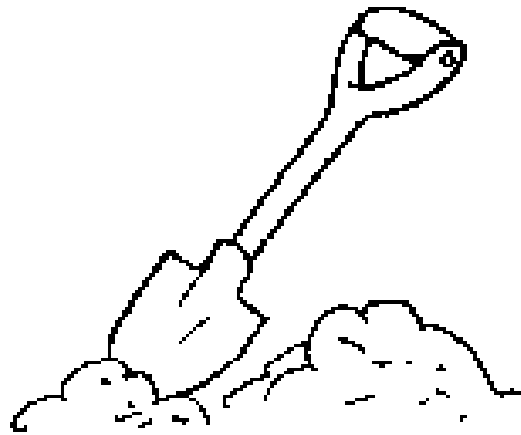
Các em mang lều, gậy, rìu, xẻng ... đi

- ☐ đến trường.
- ☐ cắm trại.
- ☐ trồng cây.

- Điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ:



Học sinh sắp vào lớp.



Cái để xúc đất.

II. Từ ngữ - Đặt câu.

- Tìm từ:
 - Ghép mỗi phụ âm với vần để thành từ đơn
 - Viết từ ghép có từ đơn ấy trong đó
 - Có thể dùng tự điển Việt Nam để làm bài.

Phụ âm	Vần	Từ đơn	Viết hai (2) từ ghép	
b, h	ang	bang	bảng đen	sắp hàng
tr, th	ang			
m, s	ang			
đ, l	ang			
x, l	eng			
k, ph	eng			

- Đặt câu: Chọn năm (5) từ ghép ở trên để đặt thành năm (5) câu đủ nghĩa:

.....

.....

.....

.....

.....

III. Văn phạm - Chính tả.

- Đọc lại bài “Đi Cắm Trại”.

- Chép một câu có từ mang dấu hỏi (?)

.....

- Chép một câu có từ mang dấu ngã (~)

.....

- Viết lại cho đúng chính tả.

Câu có từ viết sai

Viết lại cả câu cho đúng

Cô **dáo** dịu dàng.

.....

Ngủ dậy, em rửa **mặc**.

.....

Man đồ đi cắm trại.

.....

Các em xếp **hàn**.

.....

Cửa **hàn** bán **thịch**.

.....

Viếc chữ trên **bản** đen.

.....

- Viết chính tả: Chép lại bài học thuộc lòng “Giờ Ra Chơi”.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Họ và tên học sinh _____ Phụ huynh kiểm nhận _____

Bài Làm ở Nhà # 6

I. Tập đọc - Bài tập.

- Đọc kĩ bài “**Trăng Trung Thu**” và “**Tết Trung Thu**”. Sau đó thâu vào băng cassette mỗi bài 2 lần để nạp thây cô.

- Trả lời câu hỏi theo bài” **Trăng Trung Thu**”:

1- Đêm rằm là đêm thứ mấy trong tháng ?

.....

2- Trong một năm, trăng sáng nhất vào đêm nào ?

.....

3- Tết Trung Thu còn gọi là tết gì ?

.....

4- Kể các trò chơi vào đêm Trung Thu ?

.....

- Theo bài “**Trăng Trung Thu**”:

- Chép một câu có vần **ăng**:

.....

- Chép một câu có vần **âng**:

.....

- Chép một câu có vần **anh**:

.....

• **Xếp lại thành câu cho hợp nghĩa:**

bé Mẹ năng tắm cho sạch sẽ

.....

mẹ cha vâng lời Em

.....

Đường về bằng phẳng nhà em

.....

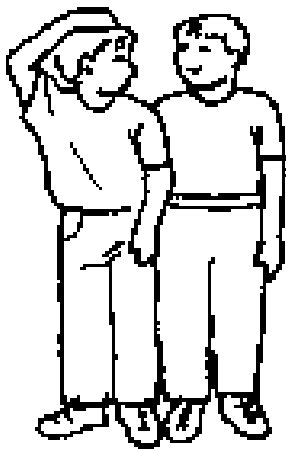
có nóc như nhà Con có cha

.....

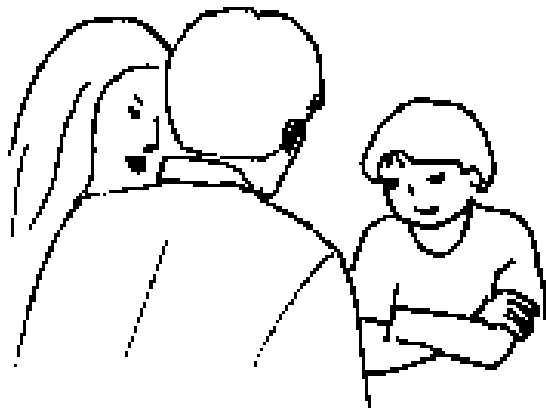
Đói cho sạch cho thơm rách

.....

• **Điền vào chỗ trống dưới mỗi hình vẽ:**



Tâm cao Tú.



Con lời cha mẹ.

II. Đặt câu - Câu đối.

• Đặt câu:

Vàng:

Tầng lầu:

Bằng nhau:

Màu trắng:

Vàng trắng:

• Câu đối :

Tết Trung Thu được tổ chức vào tháng âm lịch nào trong năm ?

.....

Theo âm lịch, ngày 15 mỗi tháng còn gọi là ngày gì ?

.....

Trăng sáng nhất trong năm vào mùa nào ?

.....

Hãy kể tên các loại bánh Trung Thu mà em biết ?

.....

Vì sao em thích Tết Trung Thu ?

.....

III. Văn phạm - Chính tả.

- Đọc lại bài “Trăng Trung Thu” và “Tết Trung Thu”.

- Chép một câu có từ mang dấu hỏi (?)

.....

- Chép một câu có từ mang dấu ngã (~)

.....

- Viết lại cho đúng chính tả.

Câu có từ viết sai

Viết lại cả câu cho đúng

Căng dây cho *thăng*.

Tuyệt *trắng* như *bong*.

Lối đi *bằng phẳng*.

Bé *dâng* lời cha mẹ.

Em có *xạch* vở *mời*.

- Viết chính tả: Chép lại bài “Trăng Trung Thu”.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Họ và tên học sinh _____ Phụ huynh kiểm nhận _____

Bài Làm ở Nhà # 7

I. Tập đọc - Bài tập:

- Đọc kĩ bài **“Trẻ Thơ”** và bài hát **“Tết Trung Thu”**. Sau đó thâu vào băng cassette mỗi bài 2 lần để nạp thầy cô.

- Trả lời câu hỏi theo bài **“Trẻ Thơ”**:

1- Sương sớm long lanh được so sánh với gì ?

.....

2- Nụ hồng chớm nở ra sao trong gió ?

.....

3- Tâm hồn trẻ thơ ví như những gì ?

.....

4- Em phải làm gì khi còn nhỏ tuổi ?

.....

5- Ngoài việc chăm học, em nên làm gì nữa ?

.....

- **Đặt câu:**

Mong nhớ:

Bông hồng:

Mừng sinh nhật:

Bánh chưng:

- Theo bài “**Trẻ Thơ**”:

- Chép một câu có vần **ong**:

.....

- Chép một câu có vần **ông**:

.....

- Chép một câu có vần **ung**:

.....

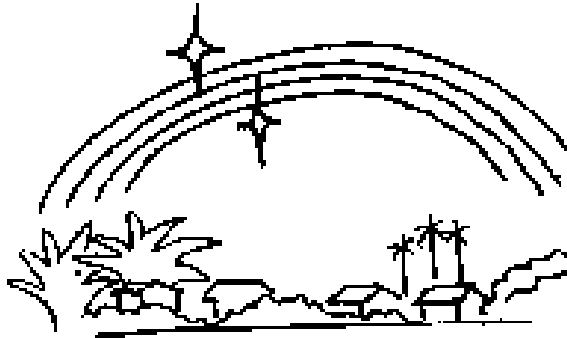
- Chép một câu có vần **anh**:

.....

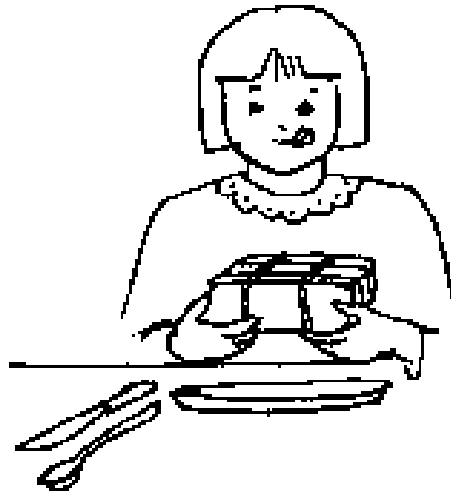
- Tự đặt một câu có vần **ông**:

.....

- **Điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ:**



Cầu trông rất đẹp.



Em thích ăn bánh

II. Từ ngữ: - Đặt câu.

• Tìm từ:

- Ghép phụ âm với vần để thành từ đơn
- Viết từ ghép có từ đơn ấy
- Có thể dùng tự điển Việt Nam để làm bài.

Phụ âm	Vần	Từ đơn	Viết hai (2) từ ghép	
đ, l	ong			
m, tr	ong			
b, c	ông			
s, h	ông			
ch, c	ung			
đ, h	ung			
m, ch	ung			

• Đặt câu:

Bông cúc:

Sang sông:

Chúng em:

Rung rinh:

Mừng rỡ:

Bong bóng:

III. Văn phạm - Chính tả.

- Đọc lại bài “**Trẻ Thơ**” và bài Việt sử “**Sự Tích Quả Dưa Hấu**”.

- Chép một câu có từ mang dấu hỏi (?)

.....

- Chép một câu có từ mang dấu ngã (~)

.....

- **Viết lại cho đúng chính tả.**

Câu có từ viết sai

Viết lại cả câu cho đúng

Bà **thít** ăn bánh chưng.

Em **chồong** khóm cúc **vang**.

Qua **xông** thì phải dùng **đọ**.

Trúng em đi chơi **sa**.

Càn lá rung rinh trong **dó**.

- **Viết chính tả:** Chép lại bài “**Trẻ Thơ**”.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Họ và tên học sinh _____ Phụ huynh kiểm nhận _____

Bài Làm ở Nhà # 8

I. Tập đọc - Bài tập.

- Đọc kĩ bài **“Trong Lớp Học”** và **“Đồng Bằng Việt Nam”**. Sau đó thâu vào băng cassette mỗi bài 2 lần để nạp thầy cô.

- Trả lời câu hỏi theo bài **“Trong Lớp Học”**:

1- Ai thông thả giảng bài ?

.....

2- Ai lắng tai nghe ?

.....

3- Thầy cô giáo giúp các em làm gì ?

.....

4- Thấy thầy cô giảng dạy khó nhọc, các em hứa sẽ làm gì ?

.....

- Theo bài **“Trong Lớp Học”** :

- Chép một câu có vần **ang**:

.....

- Chép một câu có vần **ong**:

.....

- Chép một câu có vần **ung**:

.....

- Đánh dấu X vào ô vuông câu đúng nhất theo bài “**Trong Lớp Học**”.

Vào lớp, học sinh
ngồi yên lặng để:

- ☐ nghe chuông kêu reng reng.
- ☐ nhìn cô viết từ mới lên bảng.
- ☐ lắng tai nghe thầy cô giảng dạy.

Chúng em phải cố
chăm học vì:

- ☐ lắng tai nghe lời của cô.
- ☐ thầy cô giảng dạy khó nhọc.
- ☐ thầy chỉ bảo các em làm bài.

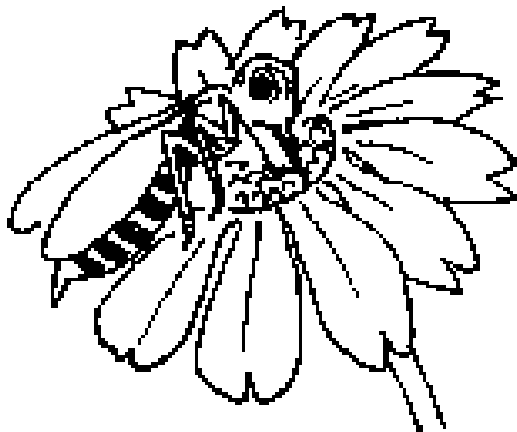
Ai chỉ bảo các em
làm bài?

- ☐ Cô chỉ bảo các em làm bài.
- ☐ Thầy chỉ bảo các em làm bài.
- ☐ Thầy Cô chỉ bảo các em làm bài.

Cô giáo giảng bài
như thế nào ?

- ☐ Cô giáo giảng bài dịu dàng.
- ☐ Cô giáo giảng bài thông thả.
- ☐ Cô giáo giảng bài vui vẻ.

- Điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ:



Con hút mật.



Chúng em ca hát.

II. Đặt câu - Câu đối.

- Đặt câu với các từ đơn và từ ghép:

Reng reng:

.....

Dịu dàng:

.....

Thầy:

.....

Cô:

.....

Chăm chú:

.....

Yên lặng:

.....

- Câu đối:

Ai đi chậm như rùa, người ta gọi là đi như rùa ?

.....

Người ta không gọi con kiến đi mà gọi là con kiến ?

.....

Tiếng sắt chạm vào nhau kêu như thế nào ?

.....

III. Văn phạm - Chính tả.

- Đọc lại bài “**Trong Lớp Học**” và bài địa lí “**Đồng Bằng Việt Nam**”.

Chép một câu có từ mang dấu hỏi (?)

.....

Chép một câu có từ mang dấu ngã (~)

.....

- Viết lại cho đúng chính tả.

Câu có từ viết sai

Viết lại cả câu cho đúng

Học *xinh* ngồi yên *lặn*.

.....

Cô *dãng* bài học mới.

.....

Cả lớp *lấn* tai *nge*.

.....

Trúng em chăm *trỉ* học.

.....

Cô *viếc* từ mới *len* bảng.

.....

- Viết chính tả: Chép lại bài “**Trong Lớp Học**”.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Họ và tên học sinh _____ Phụ huynh kiểm nhận _____

Bài Làm ở Nhà # 9

I. Tập đọc - Bài tập.

- Đọc kĩ bài “**Bé Đi Xem Xiếc**” và “**Đi Câu**” . Sau đó thâu vào băng cassette mỗi bài 2 lần để nạp thầy cô.

- Trả lời câu hỏi theo bài” **Bé Đi Xem Xiếc**”:

1- Ba em có đi làm vào ngày thứ bảy không?

.....

2- Ba đưa em và ai đi xem xiếc ?

.....

3- Con khỉ mặc áo xanh biếc đang làm gì ?

.....

4- Vì sao bé khiếp sợ ?

.....

5- Chú hề giả bộ làm người gì ?

.....

- **Đặt câu:**

Xanh biếc:

Cá diếc:

Chiếc lá:

Rau diếp:

- Xếp lại thành câu cho hợp nghĩa:

xanh biếc

Nước ao

thu

cá diếc

đang bơi

Vài con

xum xuê

rau diếp

Bụi

ngồi

Ba đang

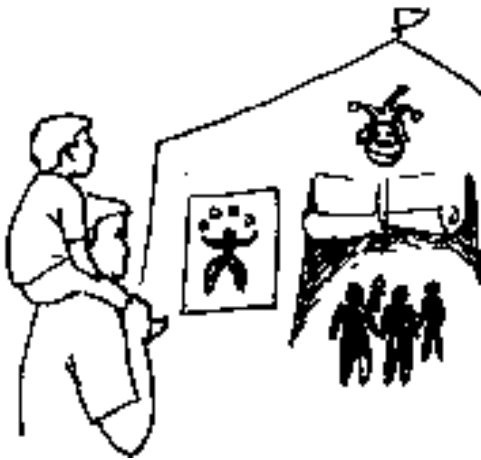
tiếp khách

xanh biếc

có màu

Chiếc xe hơi

- Điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ:



Ba và em đi xem



Má gửi chúc Tết.

II. Từ ngữ - Chọn câu.

• Tìm từ:

- Ghép phụ âm với vần để thành từ đơn
- Viết từ ghép có từ đơn ấy
- Có thể dùng từ điển Việt Nam để làm bài.

Phụ âm	Vần	Từ đơn	Viết hai (2) từ ghép	
b, t	iêc			
v, ch	iêc			
t, th	iêp			
d, kh	iêp			

• Đánh dấu X vào ô vuông câu đúng nhất:

- | | |
|---------------|--|
| Tiếp khách là | ☐ ngồi nói chuyện với người khách.
☐ đón tiếp người thân.
☐ đi ra ngoài với bạn. |
| Xanh biếc là | ☐ màu xanh lam đậm.
☐ màu xanh lá cây nhạt.
☐ màu xanh lơ. |
| Xem xiếc là | ☐ xem các ca sĩ hát.
☐ xem các trò đu dây, thú vật biểu diễn.
☐ xem thi bơi lội, chạy đua ... |
| Khiếp sợ là | ☐ rất sợ, quá sợ.
☐ không sợ gì cả.
☐ rất vui vẻ. |

III. Văn phạm - Chính tả.

- Đọc lại bài “**Bé Đi Xem Xiếc**” và “**Đi Câu**”.

- Chép một câu có từ mang dấu hỏi (?)

.....

- Chép một câu có từ mang dấu ngã (~)

.....

- Viết lại cho đúng chính tả.

Câu có từ viết sai

Viết lại cả câu cho đúng

Ba đi làm *việt*.

.....

Em *la* người *Việc* Nam.

.....

Bà em đang *típ* khách.

.....

Người đi lại nhận *nhiệp*.

.....

Thời *tiếc thai* đổi.

.....

- Viết chính tả: Chép lại bài học thuộc lòng “**Đi Câu**”.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Họ và tên học sinh _____ Phụ huynh kiểm nhận _____

Bài Làm ở Nhà # 10

I. Tập đọc - Bài tập.

- Đọc kĩ bài “**Phải Kiên Nhẫn**” và “**Giấc Mơ Bình Yên**” . Sau đó thâu vào băng cassette mỗi bài 2 lần để nạp thầy cô.

- Trả lời câu hỏi theo bài “**Phải Kiên Nhẫn**” :

1- Con kiến có kiên nhẫn tha mồi không ?

.....

2- Lúc mới vào học, em đã biết đọc, biết viết chưa ?

.....

3- Em có kiên nhẫn học tập không ?

.....

4- Muốn làm nên việc, ta phải làm gì ?

.....

- **Đặt câu:**

Hiền lành:

Chiến tranh:

Yên lặng:

Kiên nhẫn:

Liên miên:

• Đánh dấu X vào ô vuông câu đúng nhất theo bài “**Giấc Mơ Bình Yên**”

Người dân ưu phiền vì

- ☐ không được đi du lịch.
- ☐ không đủ ăn, đủ mặc.
- ☐ chiến tranh nhiều năm.

Ba không có ngày nghỉ vì ba

- ☐ đi đánh giặc.
- ☐ bận làm việc.
- ☐ phải đi xa nhà.

Mẹ luôn cầu nguyện cho

- ☐ ba mau trở về.
- ☐ non nước bình yên.
- ☐ con học giỏi.

Người dân mong được

- ☐ sống bình yên.
- ☐ giúp đỡ.
- ☐ đi đây đi đó.

• Điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ:



..... tha lâu cũng đầy tổ.



Ba em đi chiến.

II. Từ ngữ - Chọn câu.

• Tìm từ:

- Ghép phụ âm với vần để thành từ đơn
- Viết từ ghép có từ đơn ấy
- Có thể dùng tự điển Việt Nam để làm bài.

Phụ âm	Vần	Từ đơn	Viết hai (2) từ ghép	
h, ch	iên			
l, t	iên			
k, ph	iên			
X	yên			

• Đánh dấu **X** vào ô vuông câu đúng nhất:

- | | |
|--------------|--|
| Hiền lành là | ☐ tốt bụng, hay nhường nhịn.
☐ hay gây sự.
☐ hay tranh giành. |
| Liên miên là | ☐ lâu lâu mới có.
☐ chỉ một lần mà thôi.
☐ liên liên không dứt. |
| Kiên nhẫn là | ☐ chăm chỉ.
☐ bền chí và nhẫn nại.
☐ hay nản lòng. |
| Bình yên là | ☐ yên ổn.
☐ lo lắng sợ hãi.
☐ bình tĩnh không sợ sệt. |

III. Văn phạm - Chính tả.

- Đọc lại bài “**Phải Kiên Nhẫn**” và “**Giấc Mơ Bình Yên**”.

- Chép một câu có từ mang dấu hỏi (?)

.....

- Chép một câu có từ mang dấu ngã (~)

.....

- Viết lại cho đúng chính tả.

Câu có từ viết sai

Viết lại cả câu cho đúng

Bé *ngē tiến* mẹ nói.

Em thích *chiêm yếng*.

Gia đình em *yêng* vui.

Em cho bạn *miến bán* ngọt.....

Hãy tiếng lên phía trước.

- Viết chính tả: Chép lại bài học thuộc lòng “**Giấc Mơ Bình Yên**”.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Họ và tên học sinh _____ Phụ huynh kiểm nhận _____

Bài Làm ở Nhà # 11

I. Tập đọc - Bài tập.

- Đọc kĩ bài “**Thím Ba**” và bài hát “**Xuân Đã Về**” . Sau đó thâu vào băng cassette mỗi bài 2 lần để nạp thầy cô.

- Trả lời câu hỏi theo bài “**Thím Ba**”:

1- Hôm qua, thím Ba dắt bé Diễm đi đâu ?

.....

2- Thím Ba tiết kiệm tiền để làm gì ?

.....

3- Thím Ba hết lòng yểm trợ các hội nào ?

.....

4- Có nhiều người biết việc thím Ba làm không ?

.....

5- Thím Ba còn hay dắt bé Diễm đi đâu ?

.....

- Đặt câu:

Điểm danh:

Nghiêm nghị:

Hiếm có:

Yếm thế:

- Xếp lại thành câu cho hợp nghĩa:

ng nghiêm trang

Anh Ba

rất

dắt bé

Thím Ba

Diễm

đi tiệm

Là người

xa lánh việc chung

Người yếm thế

chăm chỉ

chúng em

Cô dặn

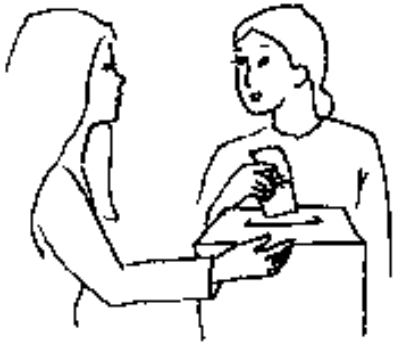
học hành

hội từ thiện

là một

United Way

- Điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ:



Thím Ba trợ hội từ



Tự Do là tên bán sách.

II. Từ ngữ: - Chọn câu.

• Tìm từ:

- Ghép phụ âm với vần để thành từ đơn
- Viết từ ghép có từ đơn ấy
- Có thể dùng tự điển Việt Nam để làm bài.

Phụ âm	Vần	Từ đơn	Viết hai (2) từ ghép	
d, h	iêm			
t, ch	iêm			
l, ngh	iêm			

• Đánh dấu X vào ô vuông câu đúng nhất:

Điểm danh là ☐ ghi danh từng em.
☐ cho vào lớp học.
☐ kêu tên từng em.

Nghiêm trang là ☐ giữ đúng lễ lối.
☐ ăn mặc đẹp mắt.
☐ trang hoàng nhà cửa.

Hiếm có là ☐ rất ít có.
☐ có rất nhiều.
☐ rất dễ tìm.

Yểm trợ là ☐ phản đối.
☐ giúp đỡ.
☐ chống lại.

III. Văn phạm - Chính tả.

- Đọc lại bài “**Thím Ba**” và bài Việt sử “**Sơn Tinh - Thủy Tinh**”.

- Chép một câu có từ mang dấu hỏi (?)

.....

- Chép một câu có từ mang dấu ngã (~)

.....

- Viết lại cho đúng chính tả.

Câu có từ viết sai

Viết lại cả câu cho đúng

Con **chiêm** non **tiềm** tổ.

.....

Y tá **tim** thuốc cho bà.

.....

Ba đưa bé đi **sem phiêm**.

.....

Vào lớp cô giáo **đim** danh.

.....

Tố qua, bà em nằm **chim** bao.

- Viết chính tả: Chép lại bài “**Thím Ba**”.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Họ và tên học sinh _____ Phụ huynh kiểm nhận _____

Bài Làm ở Nhà # 12

I. Tập đọc - Bài tập.

- Đọc kĩ bài “**Ông Nguyễn Bình Khiêm**” và “**Sông Ở Việt Nam**”. Sau đó thâu vào băng cassette mỗi bài 2 lần để nạp thầy cô.

- Trả lời câu hỏi theo bài “**Ông Nguyễn Bình Khiêm**”:

1- Tên ông quan hiền từ và ăn ở có đức độ là gì ?

.....

2- Tại sao ông được mọi người kính trọng ?

.....

.....

3- Ông Nguyễn Bình Khiêm nổi tiếng là người thế nào ?

.....

4- Vua chúa hay tìm đến ông để hỏi ý kiến để làm gì ?

.....

- Tìm từ trong bài “**Ông Nguyễn Bình Khiêm**” và điền vào chỗ trống:

Ông là một ông quan hiền từ. Ông rất thanh, không tham lam của ai bao giờ. Ai nấy đều tỏ lòng quý mến ông. Ông học biết nhiều. Bởi vậy, vua chúa nước ta thời bấy giờ hay tìm đến ông để xin ý, lo việc cho dân chúng.

- Theo bài “**Ông Nguyễn Bình Khiêm**” :

- Chép một câu có vần **anh**:

.....

- Chép một câu có vần **inh**:

.....

- Chép một câu có vần **yên**:

.....

- Chép một câu có vần **iên**:

.....

- Chép một câu có vần **iêm**:

.....

- Điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ:



Con tha mồi.



Tâm dự ở nhà hàng.

II. Đặt câu - Câu đối.

• Đặt câu:

Hiền từ:.....

Yên vui:

Ý kiến:

Làm việc:

Tiếp khách:

• Câu đối:

Người không lấy của công làm của riêng, gọi là người... ?

.....

.....

Con gì bé nhỏ kiên nhẫn làm việc ?

.....

Chim gì hay làm tổ ở hốc núi ngoài biển ?

.....

Cha mẹ nói chuyện với khách, gọi là cha mẹ đang tiếp ?

.....

III. Văn phạm - Chính tả.

- Đọc lại bài “Ông Nguyễn Bình Khiêm” và bài địa lí “Sông Ở Việt Nam”.

- Chép một câu có từ mang dấu hỏi (?)

.....

- Chép một câu có từ mang dấu ngã (~)

.....

- Viết lại cho đúng chính tả.

Câu có từ viết sai

Viết lại cả câu cho đúng

Bố mẹ nhận *thiệt* cưới.

Ai cũng phải làm *việt*.

Bà *thiên* hiện ra.

Chim yến sống nơi bình *iên*.

Bé Bình đeo *iếm* dãi.

- Viết chính tả: Chép lại bài “Ông Nguyễn Bình Khiêm”.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Họ và tên học sinh _____ Phụ huynh kiểm nhận _____

Bài Làm ở Nhà # 13

I. Tập đọc - Bài tập.

- Đọc kĩ bài “**Yêu Mến Mẹ Cha**” và “**Người Con Có Hiếu**” . Sau đó thâu vào băng cassette mỗi bài 2 lần để nạp thầy cô.

- Trả lời câu hỏi theo bài “**Người Con Có Hiếu**”:

1- Cháu biết kính yêu ông bà gọi là cháu?

.....

2- Con thương mến cha mẹ là con có ?

.....

3- Con chăm học cho giỏi mới là con?

.....

4- Hãy kể việc em đã làm cho cha mẹ vui lòng?

.....

- **Đặt câu:**

Hạt tiêu:

Yêu mến:

Biếu quà:

Ôm yếu:

Con có hiếu:

- Đánh dấu X vào ô vuông câu đúng nhất theo bài “Yêu Mến Mẹ Cha”.

Khi tan học về nhà, em

- ☐ tiêu tiền cẩn thận.
- ☐ chăm chỉ làm bài xong để giúp mẹ.
- ☐ phụ mẹ rửa chén, lau chùi nồi niêu.

Cha mẹ đi làm vất vả để

- ☐ các con có tiền mua quần áo.
- ☐ dạy con điều khó hiểu trong bài học.
- ☐ có đủ tiền nuôi chúng em ăn học.

Sau khi ăn tối xong, em

- ☐ coi ti vi.
- ☐ chơi với anh chị em trong nhà.
- ☐ được ba dạy những điều khó hiểu.

Em tiêu tiền cẩn thận vì

- ☐ quần áo quá mắc.
- ☐ đồ chơi mắc tiền.
- ☐ ba mẹ đi làm vất vả.

- Điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ:



Em lau chùi nồi



Cháu kính ông bà.

II. Từ ngữ - Đặt câu.

• Tìm từ:

- Ghép phụ âm với vần để thành từ đơn
- Viết từ ghép có từ đơn ấy
- Có thể dùng tự điển Việt Nam để làm bài.

Phụ âm	Vần	Từ đơn	Viết hai (2) từ ghép	
d, th	iêu			
t, nh	iêu			
 	yêu			
t, v	iêc			
 	yên			

- Đặt câu: Chọn năm (5) từ ghép ở trên để đặt thành năm (5) câu đủ nghĩa:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

III. Văn phạm - Chính tả.

- Đọc lại bài “Yêu mến Mẹ Cha” và “Người Con Có Hiếu”.

- Chép một câu có từ mang dấu hỏi (?)

.....

- Chép một câu có từ mang dấu ngã (~)

.....

- Viết lại cho đúng chính tả.

Câu có từ viết sai

Viết lại cả câu cho đúng

Mặt áo nhiều thì *ấm*.

Iểu điệu là duyên dáng.

Lau *trùi* nồi *niu*.

Em *iêu* mến mẹ cha.

Buổi chiều *dó* thổi *mạn*.

- Viết chính tả: Chép lại bài “Yêu mến Mẹ Cha”.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Họ và tên học sinh _____ Phụ huynh kiểm nhận _____

Bài Làm ở Nhà # 14

I. Tập đọc - Bài tập.

- Đọc kĩ bài “**Em Học Tiếng Việt**” và “**Quê Hương**” . Sau đó thâu vào băng cassette mỗi bài 2 lần để nạp thầy cô.

- Trả lời câu hỏi theo bài “**Em Học Tiếng Việt**”:

1- Tha thiết (học tiếng Việt) nghĩa là gì ?

.....

2- Mỗi sáng chủ nhật đến trường, em học những gì ?

.....

3- Nhờ ai mà em biết đọc và viết tiếng Việt ?

.....

4- Em kể tên một vị anh hùng Việt Nam?

.....

- Theo bài “**Em Học Tiếng Việt**” :

- Chép hai câu có vần **iêt**:

.....

.....

- Chép một câu có vần **yêt**:

.....

• Xếp lại thành câu cho hợp nghĩa:

tiếng Việt

em học

Thầy cô dạy

.....

Việt Nam

Học sinh

phải biết tiếng Việt

.....

anh hùng liệt nữ

nhớ ơn

Các em

.....

là

Hai bà Trưng

liệt nữ

.....

cố gắng

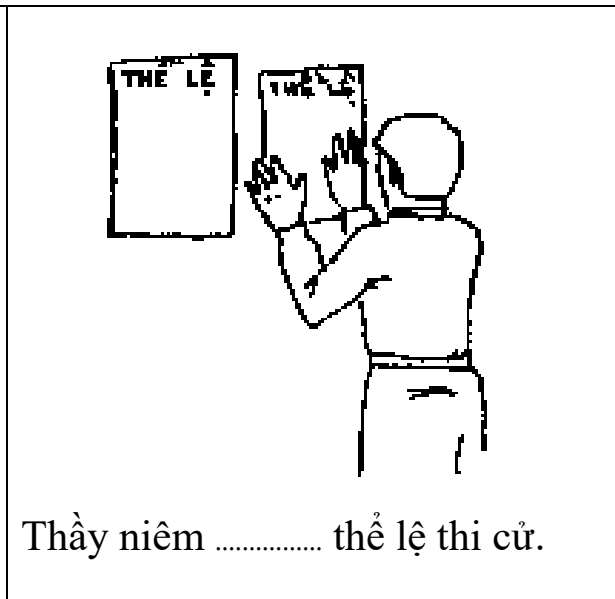
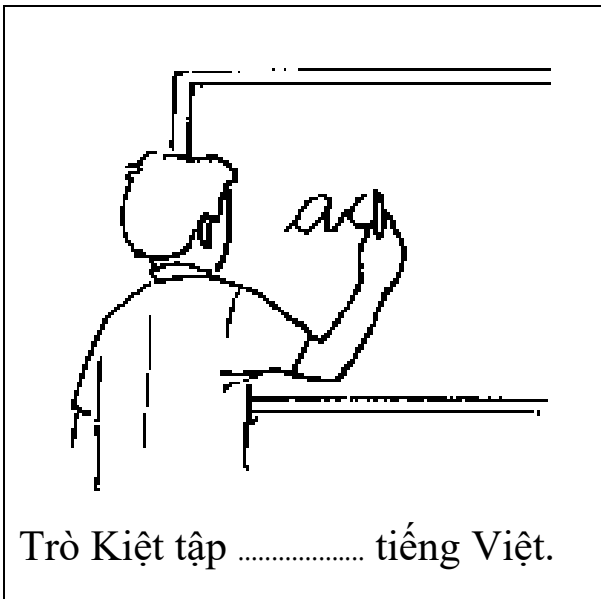
Em

tiếng Việt

học giỏi

.....

• Điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ:



II. Từ ngữ - Đặt câu - Câu đố.

• Tìm từ:

- Ghép phụ âm với vần để thành từ đơn
- Viết từ ghép có từ đơn ấy
- Có thể dùng tự điển Việt Nam để làm bài.

Phụ âm	Vần	Từ đơn	Viết hai (2) từ ghép	
b, th	iêt			
t, v	iêt			
h, l	iên			
qu	yêt			

• Đặt câu:

Biết:

Cần thiết:

Việt:

Quyết tâm:

• Câu đố: (Dùng tự điển Việt Nam để trả lời các câu hỏi)

Tha thiết nghĩa là gì ?

.....

Yết hầu nghĩa là gì ?

.....

Yết kiến nghĩa là gì ?

.....

III. Văn phạm - Chính tả.

- Đọc lại bài “Em Học Tiếng Việt” và “Quê Hương”.

- Chép một câu có từ mang dấu hỏi (?)

.....

- Chép một câu có từ mang dấu ngã (~)

.....

- Viết lại cho đúng chính tả.

Câu có từ viết sai

Viết lại cả câu cho đúng

Kiệt học lịch *xử* Việt Nam.

Việt Nam có nhiều anh *hùn*.

Kiệt nghe dự báo thời *tiếc*.

Kiệt vẫy tay chào tạm *biệt*.

Trúng em rất cảm động.

- Viết chính tả: Chép lại bài “Quê hương”.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Họ và tên học sinh _____ Phụ huynh kiểm nhận _____

Bài Làm ở Nhà # 15

I. Tập đọc - Bài tập.

- Đọc kĩ bài “**Bà Em**” và bài hát “**Thiếu Nhi Việt Nam**” . Sau đó thâu vào băng cassette mỗi bài 2 lần để nạp thầy cô.

- Trả lời câu hỏi theo bài “**Bà Em**”:

1- Lễ Vu Lan nhằm tháng nào trong năm ?

.....

2- Vào ngày rằm Tháng Bảy, bà và em đi đâu ?

.....

3- Tới chùa, em nghe thấy những tiếng gì ?

.....

4- Bà em cần đeo gì để đọc kinh ?

.....

- **Đặt câu:**

Miệng cười:

Làm biếng:

Kiêng nề:.....

Chim yêng:

Đeo kiếng:

- Theo bài “**Bà Em**” :

- Chép ba câu có vần **iêng**:

.....

.....

.....

.....

- Tự đặt câu có vần **yêng**:

.....

- Tự đặt câu có vần **iêt**:

.....

- Điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ :

 Chim hót líu lo.	 Bà đeo đọc sách.
---	--

II. Từ ngữ: - Đặt câu.

- **Tìm từ:**

- Ghép phụ âm với vần để thành từ đơn
- Viết từ ghép có từ đơn ấy
- Có thể dùng tự điển Việt Nam để làm bài.

Phụ âm	Vần	Từ đơn	Viết hai (2) từ ghép	
b, m	iêng			
t, ch	iêng			
s, g	iêng			
b, m	iêt			
k, v	iêt			

- **Đặt câu:** Chọn năm (5) từ ghép ở trên để đặt thành năm (5) câu đủ nghĩa:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

III. Văn phạm - Chính tả.

- Đọc lại bài “**Bà Em**” và bài Việt sử” **Lý Ông Trọng**”.

- Chép một câu có từ mang dấu hỏi (?)

.....

- Chép một câu có từ mang dấu ngã (~)

.....

- Viết lại cho đúng chính tả.

Câu có từ viết sai

Viết lại cả câu cho đúng

Chim *iểng* biết *noi*.

.....

Ông đeo *kiến* đọc *xách*.

.....

Hương bay *ngao ngạc*.

.....

Em gắng học *siên năn*.

.....

Tiếng mõ *tiến chiên*.

.....

- Viết chính tả: Chép lại bài “**Bà Em**”.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Họ và tên học sinh _____ Phụ huynh kiểm nhận _____

Bài Làm ở Nhà # 16

I. Tập đọc - Bài tập.

- Đọc kĩ bài **“Bản Đồ Nước Việt Nam”**. Sau đó thâu vào băng cassette 2 lần để nạp thây cô.

- Trả lời câu hỏi.

1- Nước Việt Nam có hình dáng như thế nào?

.....

2- Kể tên ba miền của nước Việt Nam?

.....

3- Dân số Việt Nam độ chừng bao nhiêu?

.....

4- Người dân Việt siêng năng hay lười biếng?

.....

5- Chị em Mai là người nước nào?

.....

- Tìm từ trong bài **“Bản Đồ Nước Việt Nam”** và điền vào chỗ trống:

Mai chỉ Tâm bản đồ

Nước Việt Nam như chữ S, chia ra làm

..... Miền Bắc và miền Nam phình lớn là

..... Miền Trung đất, Ngày nay dân số Việt Nam độ chừng trên

Người dân Việt, siêng năng.

Chị em Mai là, đang theo học tiếng Việt ở trường Văn Lang.

• Theo bài “**Bản Đồ Nước Việt Nam**” :

- Chép một câu có vần **iê**:

.....

- Chép một câu có vần **iêng**:

.....

- Chép một câu có vần **iên**:

.....

- Chép một câu có vần **iêu**:

.....

• Điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ:

iêng ười  _____ cười tươi.	iết iệt  Em _____ chữ Việt .
---	---

II. Đặt câu - Câu đố.

• Đặt câu:

Yêu mến:.....

Kiêu căng:.....

Yết kiên:

Tiết kiệm:

Khiêng vác:

• Câu đố:

Bánh gì trong trắng ngoài xanh, nhân heo ở giữa, đồ, hành để ăn... ?

.....

Bánh gì bụng chứa toàn hơi, bên ngoài thì cứng, suốt đời chỉ lẫn... ?

.....

Tháng đầu của một năm là tháng gì... ?

.....

Tháng cuối cùng của một năm là tháng gì... ?

.....

IV. Văn phạm - Chính tả.

- Đọc lại bài “**Bản Đồ Nước Việt Nam**”.

- Chép một câu có từ mang dấu hỏi (?)

.....

- Chép một câu có từ mang dấu ngã (~)

.....

- Viết lại cho đúng chính tả.

Câu có từ viết sai

Viết lại cả câu cho đúng

Tiếng *Việc* còn, nước *Việc* còn

Đói cho *xạch*, *rác* cho thơm.

Em *chanh* đưa đọc *xách*.

Mừng *xinh* nhật *dui dễ*.

Học *chò dăng* lời thầy cô.

Chái tranh rất chua.

- Viết chính tả: Chép lại bài “**Bản Đồ Nước Việt Nam**”.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Họ và tên học sinh _____ Phụ huynh kiểm nhận _____

Bài Làm ở Nhà # 17

I. Tập đọc - Câu hỏi - Điền chỗ trống.

- Đọc bài “**Em Học Việt Ngữ**” và “**Ngày Khai Trường**”. Sau đó thâu vào băng cassette mỗi bài 2 lần để nạp thầy cô chấm điểm tập đọc.

- Trả lời câu hỏi theo bài “**Em Học Việt Ngữ**”:

1- Hôm nay, em dậy sớm để làm gì ?

.....

2- Học sinh cần biết tên và số điện thoại của thầy cô để làm gì ?

.....

3- Em viết lại câu ca dao trong bài.

.....

.....

- Tìm từ trong bài “**Ngày Khai Trường**” , điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa:

Sau những ngày nghỉ hè, em cắp sách trở lại trường. Em _____

_____ gặp lại bạn học từ bốn phương. Em thấy _____

_____ trong lòng. Trong lớp học có mùi thơm của sơn mới.

Gặp lại các em, cô giáo nhắn nhủ:

"Các em nên chăm chỉ và _____ ngoan học hành. Phải tỏ lòng kính mến cha mẹ, yêu _____ và quê hương."

Từ ngữ - Đặt câu.

- **Tìm từ:**
 - Ghép phụ âm với vần để thành từ đơn
 - Viết từ ghép có từ đơn ấy
 - Có thể dùng tự điển Việt Nam để làm bài.

Phụ âm	Vần	Từ đơn	Viết hai từ ghép	
th	oai	thoại	điện thoại	thoải mái
ng	oai			
l , x	oai			
đ , h	oan			
ng , t	oan			
l , x	oan			

- Chọn năm từ ghép ở trên và đặt thành năm câu.

.....

.....

.....

.....

.....



III. Văn phạm - Tìm từ - Đặt câu.

- Viết lại cho đúng chính tả các câu sau:

Chó, **meo**, chim là **loai** vật.

.....

Bà **ngoài** đi chợ mua **xoai**.

.....

Chị Loan **lam** toán **giỏi**.

.....

Be Hoàn rất ngoan **ngoan**.

.....

- Tìm từ phản nghĩa:

tôi $\neq$

ngoài $\neq$

xa $\neq$

trắng $\neq$

- Đặt câu:

- Tôi:

- Xa:

- Ngoài:

- Ngoan:

IV. Chính tả.

- Chép lại bài “**Em Học Việt Ngữ**” .

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

- Chép lại bài “**Ngày Khai Trường**” .

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Họ và tên học sinh _____ Phụ huynh kiểm nhận _____

Bài Làm ở Nhà # 18

I. Tập đọc - Câu hỏi - Điền chỗ trống.

- Đọc bài “**Chị Mai và Em**” và “**Phải Thật Thà**” . Sau đó thâu vào băng cassette mỗi bài 2 lần để nạp thầy cô chấm điểm tập đọc.

- Trả lời câu hỏi theo bài “**Phải Thật Thà**”:

1- Người xưa đã dạy chúng ta khi nói phải như thế nào ?

.....

2- Muốn thật thà em phải nói ra sao ?

.....

3- Việc làm và lời nói thật thà sẽ được gì ?

.....

.....

- Tìm từ trong bài “**Chị Mai và Em**”, điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa:

Em cao suýt _____ bằng chị Mai. Em thích cùng nhau đi học tiếng Việt.

Chị Mai học rất giỏi, nói năng _____ . Chị _____

giải nhất về môn toán vào năm ngoái. Nhiều người mến chị vì tính tình dứt

khoát và nhất là không _____ với ai bao giờ.

II. Từ ngữ - Đặt câu.

• Tìm từ:

- Ghép phụ âm với vần để thành từ đơn
- Viết từ ghép có từ đơn ấy
- Có thể dùng tự điển Việt Nam để làm bài.

Phụ âm	Vần	Từ đơn	Viết hai từ ghép	
t	oac	toạc	rách toạc	
h, ng	oac			
kh	oac			
t, h	oat			
th, s	oat			

- Chọn năm từ ghép ở trên và đặt thành năm câu:

.....

.....

.....

.....

.....



III. Văn phạm - Tìm từ - Đặt câu.

- Viết lại cho đúng chính tả các câu sau:

Ba *khoac* áo mưa đi *lam*.

.....

Chị Mai *noi* thật *hoat* bát.

.....

Em *độc* bài lưu *loat*.

.....

Trưa hè nóng *toat* mồ *hoi*.

.....

- Tìm từ phản nghĩa:

nghèo $\neq$

trẻ $\neq$

nóng $\neq$

sống $\neq$

- Đặt câu:

Nghèo:

Nóng:

Trẻ:

Sống:

IV. Chính tả.

- Chép lại bài “**Chị Mai và Em**”.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

- Chép lại bài “**Phải Thật Thà**”.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Họ và tên học sinh _____ Phụ huynh kiểm nhận _____

Bài Làm ở Nhà # 19

I. Tập đọc - Câu hỏi - Điền chỗ trống.

- Đọc bài "**Anh Khoát**" và "**Độc câu có vần ă, ơ, ơ**". Sau đó thâu vào băng cassette mỗi bài 2 lần để nạp thầy cô chấm điểm tập đọc.

- Trả lời câu hỏi theo bài "**Anh Khoát**":

1- Anh Khoát có thân hình ra sao ?

.....

2- Anh thích hoạt động gì ?

.....

3- Nhờ đâu anh đoạt giải nhất về đi bộ ?

.....

4- Vì sao bạn học quý mến anh ?

.....

- Tìm từ trong phần "**Độc câu có vần ă, ơ, ơ**", điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa:

Các cháu _____ bên bà để nghe bà kể chuyện.

Có khi em bắn _____ chưa biết nên học bài gì trước.

Mũi đinh nhọn hoắt, mũi kim cũng _____.

Anh Khoát đi thoăn _____.

Con chó _____ đuôi mừng em về nhà.

II. Từ ngữ - Đặt câu.

- **Tìm từ:**

- Ghép phụ âm với vần để thành từ đơn
- Viết từ ghép có từ đơn ấy
- Có thể dùng tự điển Việt Nam để làm bài.

Phụ âm	Vần	Từ đơn	Viết một từ ghép
h	oăn		
kh	oăn		
ng , x	oăn		
h	oăt		
l , ch	oăt		
ng	oăt		

- Chọn năm từ ghép đã viết ở trên và đặt thành năm câu:

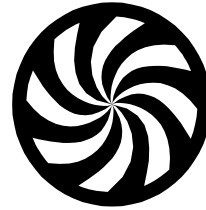
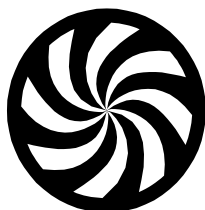
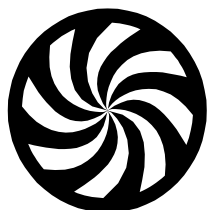
.....

.....

.....

.....

.....



III. Văn phạm - Tìm từ - Đặt câu.

- Viết lại cho đúng chính tả các câu sau:

Khoát **la** học **xinh** giỏi.

Thân **hình** anh loắt **choắt**.

Khoát **bước** đi thoăn **thoat**.

Anh không lo **lang** bắn **khoan**.

- Tìm từ phản nghĩa:

lớn $\neq$

ngắn $\neq$

cao $\neq$

vui $\neq$

- Đặt câu:

Lớn:

Cao:

Ngắn:

Vui:

IV. Chính tả.

- Chép lại bài “**Anh Khoát**”.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

- Chép lại các câu trong “**Độc câu có vần ă, ẫ, ẫ**” .

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Họ và tên học sinh _____ Phụ huynh kiểm nhận _____

Bài Làm Ở Nhà # 20

I. Tập đọc - Điền chỗ trống - Chọn câu.

- Đọc kĩ bài “Ngày Tụ Trường” và “Khí Hậu Việt Nam” . Sau đó thâu vào băng cassette 2 lần để nạp thầy cô chấm điểm tập đọc.

- Tìm từ trong bài “Ngày Tụ Trường”, điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa:

Ngày đầu tiên của khóa học, học sinh khắp nơi tập đến trường Việt Ngữ Văn Lang. Hoàn,, gặp lại nhau hỏi han tíu tít, cười nói liên tiếp không dứt. Bé là học sinh mới nên còn rụt rè, e lệ, nín lấy mẹ.

Tối giờ học, thầy cô ra sân để dẫn các em vào lớp.

- Đánh dấu X vào ô vuông câu đúng nhất:

Tóc loăn xoăn là	☐ tóc quăn thành nhiều vòng.
	☐ tóc quăn thành bím.
	☐ tóc rối vào nhau.

Áo rách toạc là	☐ áo rách nát.
	☐ áo rách nhỏ.
	☐ áo rách lớn.

Đi thoăn thoắt là	☐ đi chậm chạp.
	☐ đi nhanh nhẹn.
	☐ đi từ từ.

II. Giải nghĩa - Đặt câu.

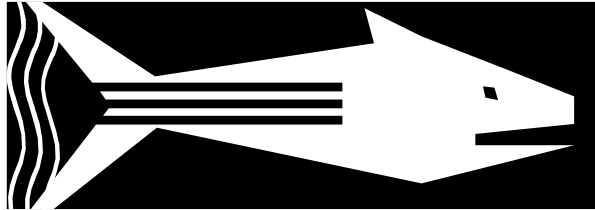
- Giải nghĩa những từ đã học sau đây:

Ông bà ngoại:.....

Người nói khoác:.....

Bé ngoan ngoãn.....

Phim hoạt họa:



- Đặt câu:

Bà ngoại:

Chó nên nói khoác.....

Ngoan ngoãn:

Loắt choắt:

Thoăn thoắt:.....

III. Văn phạm - Đặt câu.

- Viết lại cho đúng chính tả:

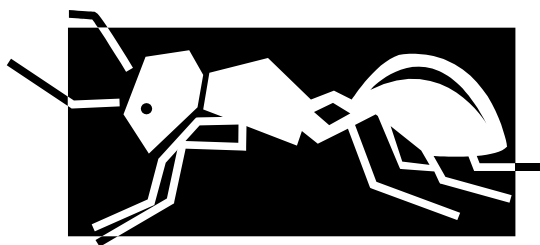
Ông *ngoài* ngồi đọc *bao*.

Chờ *nen* nói *khoac* với ai.

Anh Hoàn *sem* phim *hoat* họa.

Tóc bé Loan *loan xoan*.

Mũi kim khâu *nhon hoat*.



- **Đặt câu:**

Ngồi đọc báo:

Khoác áo ấm:

Gai nhọn hoắt:

Phim hoạt họa:

Áo quần rách toạc:

IV Chính tả.

- Chép lại bài “Ngày Tụ Trường” .

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....



- Chép lại bài “Khí Hậu Việt Nam ”.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Họ và tên học sinh _____ Phụ huynh kiểm nhận _____

Bài Làm ở Nhà # 21

I. Tập đọc - Câu hỏi - Điền chỗ trống.

- Đọc bài “**Căn Nhà Mới**” và “**Bé Oanh**” . Sau đó thâu vào băng cassette mỗi bài 2 lần để nạp thầy cô chấm điểm tập đọc.

- Trả lời câu hỏi theo bài “ **Căn Nhà Mới**” :

1- Nhà mới chưa hề ở còn gọi là nhà mới ?

.....

2- Thay đổi luôn luôn còn gọi là thay đổi ?

.....

3- Vì sao cha mẹ em vui mừng ?

.....

4- Kể lí do làm em sung sướng ?

.....



- Tìm từ trong bài “ **Bé Oanh**” , điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa:

Em là bé _____ mới lên ba tuổi. Bà _____ yêu quý và cưng bé nhất nhà. Mỗi lần sắp đi xa, bé _____ tay dạ bà.

II. Từ ngữ - Đặt câu.

- **Tìm từ:**
 - Ghép phụ âm với vần để thành từ đơn
 - Viết từ ghép có từ đơn ấy
 - Có thể dùng từ điển Việt Nam để làm bài.

Phụ âm	Vần	Từ đơn	Viết một từ ghép
kh	oanh		
t	oanh		
ng, l	oanh		
h	oach		

- Chọn năm từ ghép ở trên và đặt thành năm câu.

.....

.....

.....

.....

.....



III. Văn phạm - Tìm từ - Đặt câu.

- Viết lại cho đúng chính tả các câu sau:

Nhà em ở *xát* chân *đôi*.

.....

Ba lái xe *loang* quanh độ 5 phút thì *đen* nơi.

.....

Thay đổi xoành *xoach* nghĩa là thay đổi *nhieu* lần.

.....

Bé Oanh *khoang tai* dạ bà.

.....

- Tìm từ phản nghĩa:

mới $\neq$

nhỏ $\neq$

đen $\neq$

đẹp $\neq$

- Đặt câu:

Mới:

Đen:

Nhỏ:

Đẹp:

IV. Chính tả - Giải nghĩa - Đặt câu.

- Chép lại bài “Căn Nhà Mới”.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

- Giải nghĩa những từ đã học sau đây:

Bé khoanh tay:

Xe đạp mới toanh:

Kế hoạch học tập:

- Đặt câu:

Khoanh tay:

Mới toanh:

Kế hoạch:

Họ và tên học sinh _____ Phụ huynh kiểm nhận _____

Bài Làm ở Nhà # 22

I. Tập đọc - Câu hỏi - Điền chỗ trống.

- Đọc kĩ bài “**Bé Hoàng**” và “**Chó, Gà, và Chim Kéc**” . Sau đó thâu vào băng cassette mỗi bài 2 lần để nạp thầy cô chấm điểm tập đọc.

- Trả lời câu hỏi theo bài “**Bé Hoàng**”:

1- Bé Hoàng ở với ai ?

.....

2- Hoàng nói liên liên còn gọi là nói..... ?

.....

3- Thỉnh thoảng Hoàng chơi với con gì ?

.....

4- Khi bị nắm đuôi con chó làm gì ?

.....

- Tìm từ trong bài “**Chó, Gà và Chim Kéc**”, điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa:

Ba em nuôi ba con vật là _____, _____, _____.

Con kéc nói liến _____ cả ngày. Con gà cồ trông thật _____ vệ. Ba nuôi con chó có đốm, có khoang còn gọi là chó vá. Tiếng nó sủa _____.

II. Từ ngữ - Đặt câu.

- **Tìm từ:**
 - Ghép phụ âm với vần để thành từ đơn
 - Viết từ ghép có từ đơn ấy
 - Có thể dùng tự điển Việt Nam để làm bài.

Phụ âm	Vần	Từ đơn	Viết một từ ghép
h	oang		
th	oang		
l	oang		
th	oăng		
l, ng	oăng		

- Chọn năm từ ghép ở trên và đặt thành năm câu.

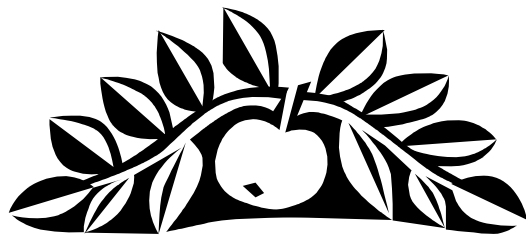
.....

.....

.....

.....

.....



III. Văn phạm - Tìm từ - Đặt câu.

- Viết lại cho đúng chính tả các câu sau:

Bé Hoàng ở ***nha*** với ông bà ***ngoai***.

.....

Cảnh mặt ***trời*** lên thật huy ***hoang***.

.....

Thỉnh ***thoang*** ba em đi câu ***ca***.

.....

Con kéc ***noi*** liền ***thoang***.

.....

- Tìm từ phản nghĩa:

mua $\neq$

tối $\neq$

chậm $\neq$

trong $\neq$

- Đặt câu:

Mua:

Chậm:

Tối:

Trong:

IV. Chính tả - Giải nghĩa - Đặt câu.

- Chép lại bài “ Bé Hoàng”.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

- Giải nghĩa những từ đã học sau đây:

Nói liến thoắng:

Thỉnh thoảng:

Mở toang cửa:

- Đặt câu:

Liến thoắng:

Thỉnh thoảng:

Mở toang cửa:

Họ và tên học sinh _____ Phụ huynh kiểm nhận _____

Bài Làm ở Nhà # 23

I. Tập đọc - Câu hỏi - Điền chỗ trống.

- Đọc bài “**Buổi Tối Trong Gia Đình**” và “**Độc câu có vần uân, uât**”. Sau đó thâu vào băng cassette mỗi bài 2 lần để nạp thầy cô chấm điểm tập đọc.

- Trả lời câu hỏi theo bài “**Buổi Tối Trong Gia Đình**”:

1- Gia đình em quây quần ở đâu ?

.....

2- Ông ngoại đang đọc gì ?

.....

3- Má giúp em làm bài gì ?

.....

4- Muốn là học sinh tốt em phải làm sao ?

.....

- Tìm từ trong bài “**Buổi Tối Trong Gia Đình**”, điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa:

Mặt trời vừa _____ sau đồi thì gia đình em dùng xong bữa cơm tối. Cả nhà _____ nơi phòng khách. Ông ngoại đọc báo. Má giúp em làm _____ văn và _____. Má còn nhắc nhở em phải cố giữ gìn _____ nhà trường và cố là một học sinh tốt. Bé Tuấn nghe bà kể chuyện cổ tích.

II. Từ ngữ - Đặt câu.

• Tìm từ:

- Ghép phụ âm với vần để thành từ đơn
- Viết từ ghép có từ đơn ấy
- Có thể dùng tự điển Việt Nam để làm bài.

Phụ âm	Vần	Từ đơn	Viết một từ ghép
kh	uân		
t	uân		
x,q	uân		
l	uât		
x	uât		
th	uât		

- Chọn năm từ ghép ở trên và đặt thành năm câu.

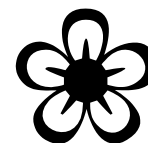
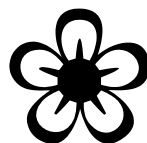
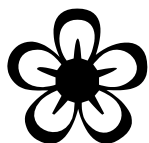
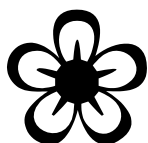
.....

.....

.....

.....

.....



III. Văn phạm - Tìm từ - Đặt câu.

- Viết lại cho đúng chính tả các câu sau:

Mặt *chời* vừa khuất *xau* đời.

.....

Cả gia đình quây *quăng* nơi *phồng* khách.

.....

Ông bà chăm *trú* đọc báo tiếng *Việc*.

.....

Má *dúp* em làm bài *luân* văn và toán.

.....

- Tìm từ phản nghĩa:

đúng $\neq$

xấu $\neq$

mau $\neq$

trước $\neq$

- Đặt câu:

Đúng:.....

Mau:

Xấu:

Trước:

IV. Chính tả - Giải nghĩa - Đặt câu.

- Chép lại bài “Buổi Tối Trong Gia Đình”.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

- Giải nghĩa những từ đã học sau đây:

Quây quần:

Kỉ luật:

Khuôn vác:

- Đặt câu:

Quây quần:

Kỉ luật:

Khuôn vác:

Họ và tên học sinh _____ Phụ huynh kiểm nhận _____

Bài Làm Ở Nhà # 24

I. Tập đọc - Điền chỗ trống - Chọn câu.

- Đọc bài “Sửa Soạn Đi Xa” và “Dân Cư Việt Nam”. Sau đó thâu vào băng cassette 2 lần để nạp thầy cô chấm điểm tập đọc.

- Tìm từ trong bài “Sửa Soạn Đi Xa”, điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa:

Theo đúng kế hoạch ba em thỉnh _____ đưa gia đình đi chơi xa.

Ông bà ngoại săn sóc bé _____. Em giữ con chó nhỏ hay kêu _____

_____. Má em sắp xếp áo quần và đồ ăn. Còn ba _____ vác lều vải lên xe để dựng trại.

Ai nấy _____ ngồi vào trong xe để ba lái cho kịp giờ đã định.

- Đánh dấu X vào ô vuông câu đúng nhất:

Thỉnh thoảng là

- ☐ luôn luôn xảy ra.
- ☐ lâu lâu có một lần.
- ☐ thường xuyên xảy ra.

Kế hoạch là

- ☐ việc không dự định làm.
- ☐ việc dự định làm có thứ tự.
- ☐ việc định làm rồi bỏ dở.

Khuân vác là

- ☐ chở vật nặng.
- ☐ kéo vật nặng.
- ☐ mang vật nặng bằng hai tay, lưng hoặc vai

II. Giải nghĩa - Đặt câu.

- Giải nghĩa những từ đã học sau đây:

Xe ô tô mới toanh:

Nói liền thoắng:

Ngã xoành xoạch:

Thỉnh thoảng:

Khuôn vác:



- Đặt câu:

Mới toanh:

Liền thoắng:

Xoành xoạch:

Thỉnh thoảng:

Khuôn vác:

III. Văn phạm - Đặt câu.

- Viết lại cho đúng chính tả các câu sau:

Gia đình *sữa xoạn* đi chơi xa.

.....

Kế *hoach* là việc làm có thứ *tư* theo dự định.

.....

Khuân *vac* là mang vật nặng bằng hai tay, *lung* hay vai.

.....

Em *ngoanh* đầu nhìn lại nhà em.

.....

Ngôi *nha khuat* sau hàng cây.

.....



Đặt câu:

Sửa soạn:

Té ngã:

Kế hoạch:

Ngoảnh đầu:

Nhà khuất:

IV Chính tả - Tìm từ - Đặt câu.

- Chép lại bài “Sửa Soạn Đi Xa”.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

- Tìm từ phản nghĩa:

khó $\neq$

sau $\neq$

xa $\neq$

nặng $\neq$

- Đặt câu:

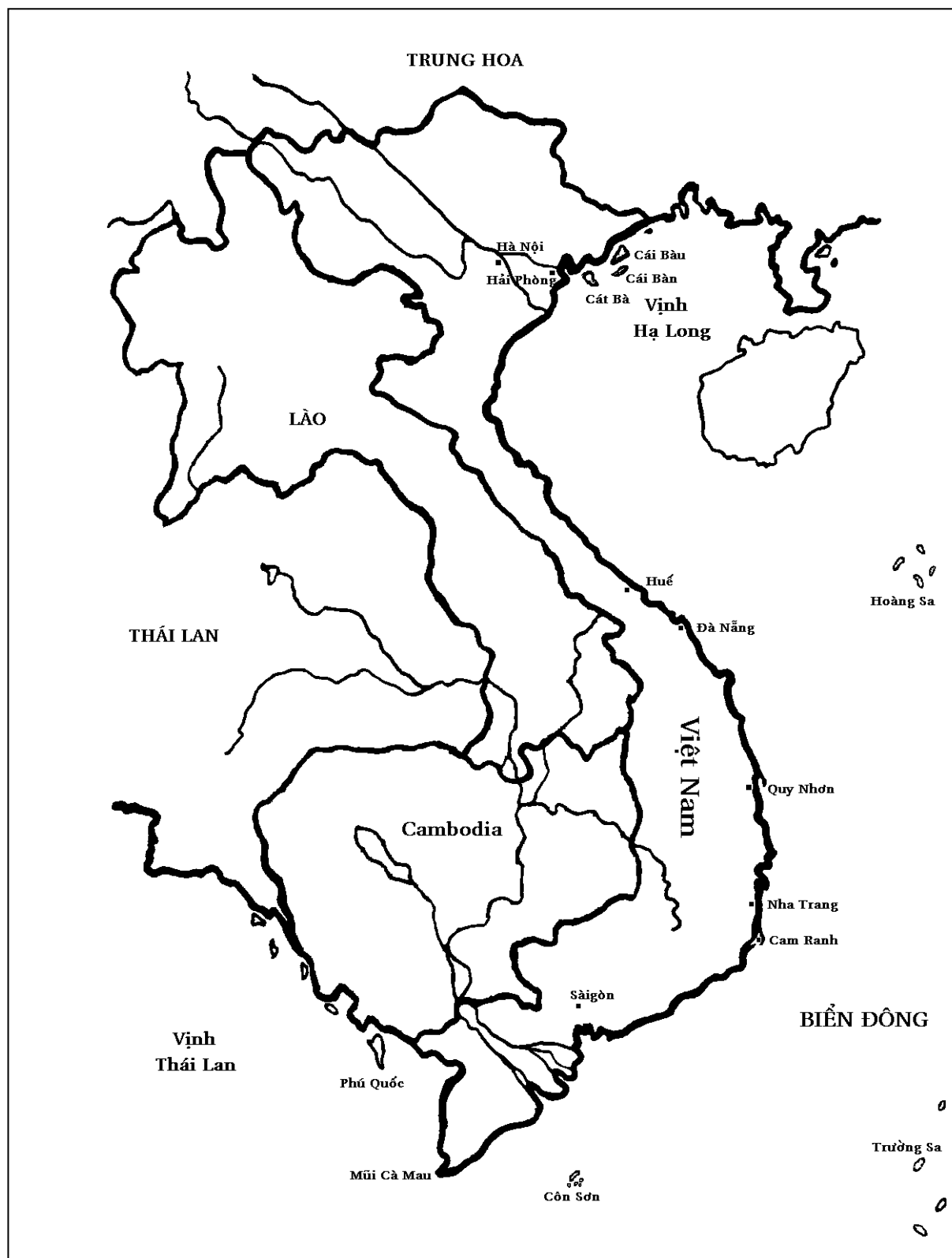
Khó:

Xa:

Sau:

Nặng:

- Tô màu bản đồ Việt Nam.



NGŨ VÙNG ĐÃ HỌC

A

Anh hùng: Người có tài đặc biệt.

B

Bập bênh: Trôi nổi nhấp nhô.

Bềnh bồng: Nổi trôi nhẹ nhàng trên mặt nước.

Bình lửa: Nói về chiến tranh.

Bình minh: Buổi sáng, lúc mặt trời mới mọc.

C

Cao nguyên: Vùng đất cao, bằng, rộng lớn ở miền núi.

Cầu hôn: Đến xin cưới.

Cưng: Nuông chiều.

CH

Chen chúc: Dân cư đông đúc sinh sống trên một vùng đất chật hẹp.

Chênh lệch: Hơi xiên, lệch.

Chênh vênh: Cao và không có chỗ tựa vững chắc.

Chinh chiến: Chiến tranh.

Chớ hoài: Không nên.

Chó vá: Con chó có vài mảng lông khác màu, có khoang, có đốm.

D

Diệc: Chim có chân cao, cổ và mỏ dài.

Doanh nghiệp: Làm các việc kinh doanh, sản xuất hay mua bán.

Dương Lịch: Lịch đang dùng hiện nay tính theo sự chuyển động của trái đất với mặt trời.

Dứt khoát: Làm đâu ra đấy.

D

Đày: *Đem giam ở nơi xa.*

Đặc tính: *Tính chất riêng.*

Điểm danh: *Gọi tên để kiểm soát.*

Đô thị: *Thành phố hay thị trấn có dân cư đông đúc.*

Đồi: *Gò đất lớn và cao.*

Đồng bằng: *Vùng đất thấp, bằng phẳng, tiện cho việc trồng trọt, cày cấy.*

Đua cọt: *Đua giỡn, bốn cọt.*

Đức độ: *Có tính tốt và lòng thương người.*

Đường Xích Đạo: *Đường phỏng định vòng quanh trái đất, chia trái đất thành hai phần: Nam và Bắc.*

G

Gập ghềnh: *Gồ ghề, lồi lõm, không bằng phẳng.*

Gâu gâu: *Tiếng chó sủa.*

GI

Gió nồm: *Gió mát và ẩm ướt thổi đến Việt Nam từ hướng Đông Nam.*

H

Hân hoan: *Vui mừng, sung sướng.*

Hào nhoáng: *Rực rỡ bóng nhoáng.*

Hiệu nghiệm: *Công hiệu, hiệu lực thấy rõ, kết quả nghiệm thấy.*

Hiệu: *Tên gọi riêng của một người.*

Hoang đảo: *Hòn đảo không có người ở.*

Hoẵng: *Loại thú rừng giống như nai và hươu nhỏ.*

Hoành phi: *Bức gỗ có khắc chữ Hán thường treo ngang ở giữa nhà.*

Hoạnh tài: *Tiền bạc được một cách không chính đáng.*

Hoạt bát: *Nói năng lưu loát.*

Hoạt động thể thao: Chơi các môn vận động.

Huân chương: Huy chương ban cho người có công với tổ quốc.

Hữu dụng: Có ích lợi cho mình và mọi người.

I

Ình ịch: Tiếng ồn do máy chạy.

K

Kế hoạch: Điều dự định làm có thứ tự.

Kỉ luật: Quy luật, phép tắc.

Kĩ thuật: Tài năng chuyên môn.

Kiên nhẫn: Bền bỉ theo đuổi công việc.

KH

Khai trường: Bắt đầu khóa học.

Khí hậu: Tình hình chung về thời tiết của một vùng.

Khoác lác: Khoe khoang, nói quá sự thật.

Khoác tay: Quàng tay vào với nhau.

Khoái chí: Thích thú khi ta đạt được như ý muốn.

Khoản đãi: Tiếp đãi tử tế.

Khoan Khoái: Nhẹ nhàng trong lòng.

Khoan thai: Có dáng vẻ thông thả.

Khoảnh khắc: Trong chốc lát.

Khôn ngoan: Hiểu biết nhiều.

Khuân vác: Mang vật nặng bằng hai tay, lưng hay vai.

Khuất: Bị che, án sau vật gì.

L

Lác đác: Thưa thớt, ít ỏi.

Lênh đênh: Trôi bập bênh trên mặt nước.

Lập đàn cầu khẩn: Xây nền hay đài cao để cầu trời xin việc gì một cách tha thiết, gất gao.

Lấy nỏ: Bộ phận bật dây của nỏ.

Liên thoǎng: (Nói) Nhiều và nhanh, nói liên liên.

Liệt nữ: Người con gái có chí khí mạnh mẽ.

Lú lo: Âm thanh cao, liên tiếp và xen lẫn nhau.

Loạn lạc: Tình trạng không yên ổn, rối loạn.

Loang loáng: Lóng lánh.

Loàng ngoàng: Cong queo.

Loǎng quǎng: Chạy chỗ này chỗ kia làm bộ bận rộn.

Loàng xoàng : Tầm thường, không có gì đáng kể.

Loanh quanh: Chạy vòng vòng, chạy quanh quẩn.

Loắt choắt: Rất bé nhỏ.

Long lanh: Trong suốt, phản chiếu ánh sáng tạo nên vẻ linh động.

M

Mênh mông: Rộng lớn không có giới hạn.

Mĩ thuật: Nghệ thuật phát biểu cái đẹp.

Mới toanh: Rất mới.

Mưa lâm râm: Mưa nhỏ nhỏ.

N

Nanh: Răng sắc và nhọn nằm ở giữa răng cửa và răng hàm.

Nói khoác: Nói láo, nói quá sự thật.

Nước Âu Lạc: Tên nước Việt Nam ngày xưa.

NG

Ngã đánh oạch: Ngã mạnh gây tiếng kêu.

Ngắn nấp: Có gọn gàng, thứ tự.

Ngào ngạt: Mùi thơm bốc lên và lan tỏa rộng ra xa.

Ngoác miệng: Há mồm thật to.

Ngoạc miệng: Há mồm to để la gào.

Ngoằng dây: Tròng (quàng) dây.

Ngoắt ngoéo: Cong queo, quanh co.

Người ngoài: Người không cùng gia đình.

NH

Nhiệt đới: Vùng có khí hậu nóng.

Nhộn nhịp: Ôn ào và vui vẻ.

O

Oách: Trông oai vệ và sang trọng.

Oai: Có vẻ nghiêm trang.

Oành oạch: Tiếng người ngã mạnh liên tiếp.

PH

Phách lối: Ra oai, lên mặt với người khác.

Phích: Bình thủy tinh có hai lớp vỏ để giữ nhiệt, phiếu ghi tên sách ở thư viện, đầu cắm điện.

QU

Quấn quýt: Đeo sát một bên.

Quấy phá: Gây rối loạn, không để cho yên.

Quây quần: Tụ họp lại với nhau.

R

Rách toạc: Rách lớn.

Rằm: Ngày 15 của tháng Âm Lịch.

Rộn ràng: Tràn đầy cảm xúc.

S

Sột soạt: Tiếng động khi bị cọ sát.

Suýt soát (xuyt soát): Gần bằng, hơn kém không bao nhiêu.

T

Tấp nập: Nhiều người qua lại.

Téch: Đi về một nơi nào.

Tiết kiệm: Giảm bớt sự chi tiêu không cần thiết.

Tíu tít: Cười nói, hỏi han liên tiếp.

Toác mồm: Há rộng miệng ra.

Từ thiện: Có lòng thương và giúp đỡ người nghèo khó.

Tuấn tú: Có dáng vẻ đẹp đẽ hơn người.

Tự trường: (Khai trường) Ngày đầu tiên của khóa học.

Tuyệt trần: Nhất trên đời, không ai sánh bằng.

TH

Tha thiết: Có tình cảm gắn bó, luôn luôn nghĩ đến.

Thấm thoát, Thăm thoát: Qua nhanh (nói về thời gian).

Thanh liêm: Trong sạch, không tham lam.

Thành thật: Không gian trá, dối gạt.

Thập thò: Rụt rè, e lệ.

Thênh thang: Rộng rãi, thoáng.

Thiên nhiên: Cảnh vật chung quanh không phải do con người làm ra.

Thiết tha: Tình cảm gắn bó sâu sắc, luôn luôn nghĩ đến.

Thiểu số: Số ít, phần nhỏ.

Thỉnh thoảng: Một đôi khi.

Thoải mái: Dễ chịu, khoan khoái.

Thoai thoải: Hơi dốc xuống.

Thoăn thoắt: Đi một cách mau lẹ.

Thoạt tiên: Ngay lúc đầu.

Thời tiết: Sự thay đổi nhiệt độ từng vùng.

Thống kê: Kê khai tổng quát bằng những con số rõ ràng.

Thưa thớt: Ít, rời rạc, phân bố không đều.

Thuần thực: Rành rẽ, thành thạo.

TR

Trạch tả = Loài cây nhỏ, lá hình trứng, hoa vàng, mọc ở đầm ao, là một vị thuốc Đông Y.

Tranh đua: Trố tài độ sức với nhau.

Trời thanh: Trời trong và xanh.

U

Ưu phiền: Lo âu và buồn rầu.

V

Vàng vặc: Rất sáng và trong trẻo.

Vanh vách: Tiếng đọc to, trôi chảy, rõ ràng.

X

Xà beng: Đồ dùng để đào, cạy.

Xâm lấn: Đem quân đi đánh chiếm.

Xâm lăng: Đem quân đi đánh để chiếm lấy đất đai.

Xình xịch: Tiếng động do xe chạy gây ra.

Xoải cánh: Dạng rộng hai cánh ra.

Xoành xoạch: Liên liên, luôn luôn, xảy ra nhiều lần.

Xốc xếch: Lôi thôi, không gọn gàng.

Xuất xứ: Từ chỗ nào mà có, nguồn gốc từ đâu mà ra.

Y

Ý kiến: Sự suy nghĩ, nhận xét.

Yếm thế: Có ý tưởng chán đời.

Yểm trợ: Bảo vệ và giúp đỡ

Yết thị: Thông tin, nêu lên cho mọi người cùng biết.



Phần giải-nghĩa các câu tục-ngữ

Bà **Cây có cội, nước có nguồn.**

Con người ai cũng có cha mẹ, ông bà và tổ tiên như cây có gốc, nước có nguồn (nơi khởi đầu).

Bài 1 **Lá lành đùm lá rách.**

Khi gói bánh, người ta thường để lá rách bên trong và bọc lá lành ra ngoài cho đẹp.

Ý nói người giàu có, khá giả hãy nên giúp đỡ kẻ nghèo khó.

Bài 2 **Uống nước sông, nhớ ngọn nguồn.**

Khi uống nước của một dòng sông, hãy nhớ tới nơi xuất phát của nó.

Ý nói con cháu phải nhớ đến công ơn của ông bà, tổ tiên.

Bài 3 **Thà chết vinh hơn sống nhục.**

Nếu phải hi sinh mà chết được vẻ vang, mọi người mến phục, thì còn hơn là được sống mà chịu sự tủi hổ, xấu xa.

Bài 4 **Học thầy chẳng tày học bạn.**

Học bài vở ở trường với thầy cô chưa đủ, cần phải học hỏi và thực hành thêm với bạn bè nữa.

Bài 5 **Nhập gia tùy tục, đáo giang tùy khúc.**

Khi đến nhà ai, ta phải theo thói quen của nhà ấy, khi đi thuyền trên sông phải nương theo dòng nước của con sông ấy.

Ý nói sống sao cho vừa lòng và hợp thời với mọi người chung quanh là tốt nhất.

Bài 6 **Một nụ cười bằng mười thang thuốc bổ.**

Một nụ cười vui làm cho người ta thoải mái tinh thần giống như đã uống tới mười gói thuốc bổ.

Ý nói sự vui vẻ làm cho ta trẻ trung hơn.

Bài 7 **Nói có sách, mách có chứng.**

Khi nói tới một chuyện gì cần phải biết rõ chuyện ấy đã được ghi chép ở một nơi nào hoặc khi buộc tội ai phải có bằng chứng rõ ràng.

Bài 8 **Con nhà tông, không giống lông cũng giống cánh.**

Con cái không giống cha mẹ, không ít thì nhiều cũng giống họ hàng.

Bài 9 Chung nhau thì giàu, chia nhau thì khó.

Biết đoàn kết hợp lại với nhau thì làm việc được thành công, giàu sang; còn nếu chia rẽ không chịu hợp tác làm việc chung thì dễ bị thất bại, khốn khó.

Bài 10 Đồng tiền liền khúc ruột.

Ngày xưa tiền làm bằng đồng xu, người ta hay bỏ vào cái ruột tượng và buộc ngang bụng cho chắc chắn. Ý nói phải giữ gìn và tiêu xài tiền bạc cẩn thận.

Bài 11 Buôn có bạn, bán có phường

Khi đi buôn cần phải biết kết đoàn để tránh việc lừa đảo, khi bán ra cũng cần phải tìm nơi thuận tiện để hàng bán được mau chóng.

Ý nói làm việc gì cũng cần phải có sự đoàn kết đồng lòng.

Bài 12 Chơi dao có ngày đứt tay.

Hay liều lĩnh mà làm việc nguy hiểm cũng có lúc sẽ bị họa cho mình.

Bài 13 Chọn đá thử vàng.

Làm việc gì cũng phải suy tính hơn thiệt, tìm người cũng phải dò xét thử thách.

Bài 14 Chùa rách, Phật vàng.

Cảnh chùa tiêu điều hư nát nhưng vẫn có pho tượng quý.

Ý nói nhà nghèo mà tốt bụng hoặc là ở nơi quê mùa mà có người tài giỏi.

Bài 15 Chó khôn chó cắn càn.

Người khôn ngoan, biết điều không nên hay gây gỗ xằng bậy mà phải biết phân biệt điều ngay lẽ phải, kẻ xấu người tốt.



Bài đọc thêm

Phù Đồng Thiên Vương

Vào đời vua Hùng Vương thứ sáu, giặc Ân bên Tàu sang đánh phá nước ta. Chúng đi đến đâu cũng đốt phá, giết người, cướp của.

Nhà vua sai sứ đi rao khắp nơi tìm người tài giỏi ra dẹp giặc, cứu nước. Lúc bấy giờ, ở làng Phù Đồng, tỉnh Bắc Ninh có vợ chồng một phú gia đã sáu mươi tuổi mới sinh được một đứa con trai. Cậu bé này đến ba tuổi vẫn chưa biết ngồi và biết nói, cả ngày chỉ nằm ngửa. Khi thấy sứ giả tới, cậu bé chột ngồi thẳng dậy và nói với mẹ đi mời sứ giả vào. Cả làng thấy làm lạ. Lúc sứ giả đến, cậu bảo về tâu với vua ban cho cậu một con ngựa sắt và một cái roi sắt để đi đánh giặc. Sứ giả sợ quá về tâu lại với vua. Vua Hùng Vương mừng lắm, sai đúc các thứ ấy và sai sứ giả mang đến. Cậu bé nói với mẹ nấu cơm cho thật nhiều, cả làng cũng phụ vào nấu giúp. Cơm nấu đến đâu, cậu ăn hết đến đấy. Khi quân giặc tiến đến Châu Sơn, cậu bé vươn vai thành một người cao hơn mười trượng, cầm roi sắt và nhảy lên ngựa sắt. Con ngựa bỗng phun lửa và phóng thẳng ra trận. Tới chỗ quân giặc, cậu bé vung roi đánh tan giặc Ân chỉ trong một trận. Phá giặc xong, cậu bé phi ngựa lên núi Sóc Sơn rồi biến mất.

Vua nhớ ơn, cho lập đền thờ tại làng Phù Đồng và phong làm Phù Đồng Thiên Vương. Dân chúng còn gọi là Đức Thánh Gióng.

Sự Tích Quả Dưa Hấu

Vua Hùng Vương thứ mười có một người con nuôi tên là An Tiêm, rất thông minh và tài giỏi. Lớn lên vua cưới vợ và phong làm quan tại triều, giàu sang, sung sướng.

Một hôm An Tiêm phạm phải lỗi lầm bị vua phạt đày ra một hòn đảo hoang giữa biển. Ra đến nơi ấy, An Tiêm không ngã lòng, hàng ngày đi câu, đi săn để nuôi vợ con. Một hôm có một con chim từ phương xa bay đến, nhả ra một hạt xuống đất gần nơi túp lều chàng ở. Cách ít lâu sau, hạt ấy mọc thành dây có trái to, da xanh mướt. An Tiêm bẻ một quả ra ăn thử, thì thấy ruột có màu đỏ thẫm, mùi vị rất ngọt và mát. Chàng liền đem về cho vợ con cùng ăn, rồi lấy hạt đem gieo trồng khắp nơi.

Đến khi trên đảo mọc đầy dưa, chàng bèn khắc chữ vào vỏ và thả trôi ra biển. Thuyền buôn qua lại vớt được, đua nhau tìm đến mua. Chẳng bao lâu, hoang đảo trở thành một nơi chợ búa lớn và An Tiêm trở nên giàu có.

Về sau vua Hùng Vương tha tội, truyền lệnh cho An Tiêm trở về triều phục chức. An Tiêm trở về đem theo giống dưa hấu về cho nước Văn Lang.

Ngày nay, mỗi khi ăn dưa hấu, chúng ta lại nhớ đến An Tiêm, người đã có công mang về xứ sở loại trái cây quý.

Sơn Tinh và Thủy Tinh

Vua Hùng Vương thứ mười sáu có một công chúa rất xinh đẹp, tên là My Nương. Vì không có con trai nên nhà vua rất yêu quý nàng và định kén cho được một vị phò mã thật tài giỏi để truyền ngôi.

Một hôm, cùng một lúc có hai chàng trai đến xin cưới My Nương. Cả hai đều rất tuấn tú, tài giỏi và có phép tiên. Một người là Sơn Tinh ở núi Tản Viên, còn người kia là Thủy Tinh ở hồ Động Đình. Vua Hùng không biết quyết định thế nào, bèn bảo rằng:

- *Ngày mai, ai đem đầy đủ lễ vật đến trước thì ta sẽ gả My Nương Công Chúa cho người ấy.*

Hôm sau, khi trời vừa sáng, Sơn Tinh đã tới dâng lên vua ngọc ngà, châu báu, vàng bạc làm lễ cưới và rước công chúa My Nương về núi. Thủy Tinh đến sau, tức giận, hóa phép làm mưa to, gió lớn, dâng nước lên đánh, để mong cướp lại người đẹp. Nhưng Sơn Tinh biến hóa làm sấm sét đánh tan mưa gió và hễ nước càng dâng thì núi càng cao. Thủy Tinh đánh mãi vẫn không thắng được, đành phải rút lui.

Từ đó, ở nước ta, mỗi năm đều có mùa bão lụt. Trên trời sấm sét, gió mưa dữ dội, dưới sông nước dâng tràn bờ gây lụt lội. Mùa màng bị phá hủy, nhà cửa hư hao. Dân chúng cho rằng Sơn Tinh và Thủy Tinh chưa quên thù xưa, cứ đánh nhau mãi gây khổ sở cho thiên hạ.

Lý Ông Trọng

Cuối đời Hùng Vương, ở quận Giao Chỉ, có một người họ Lý tên Thân, hiệu là Ông Trọng, thân hình cao lớn, sức mạnh lạ thường. Ông lỡ tay đánh chết người bị tội tử hình. Nhưng vua Hùng tiếc người dũng mãnh không nỡ giết.

Đến thời nhà Thục, vua Tần Thủy Hoàng bên Tàu xua quân sang chiếm nước ta. An Dương Vương cử Lý Thân sang cầu hòa. Tần Thủy Hoàng quý lắm, sai ông đem binh ra đóng giữ biên thùy để phòng giặc. Quân Hung Nô trông thấy hình dáng to lớn, dị thường của ông, khiếp sợ không dám bén mảng đến cửa ải. Vua Tàu phong cho ông làm quan to và cho về thăm xứ sở. Ông trở về nước truyền dạy võ nghệ cho dân chúng.

Mấy năm sau, quân Hung Nô thấy vắng bóng ông lại sang phá quấy. Vua Tàu nhớ đến, cho người sang mời ông. Ông không muốn rời quê hương bèn tự sát. Thấy ông mất, vua Tàu rất thương tiếc, sai đúc tượng ông, đem dựng ở cửa thành. Tượng rất cao lớn, trong bụng để trống, có máy vận cho đầu, cổ, chân, tay cử động được. Quân lính thường chui vào trong pho tượng đồng, vận máy cho tượng cử động. Quân Hung Nô tưởng Lý Ông Trọng còn sống, sợ rút quân về, không dám sang quấy nhiễu nữa.

Nhờ có vóc dáng to lớn, sức mạnh và tài giỏi, Lý Ông Trọng đã giúp cho đất nước ta khỏi bị xâm lăng.

Tài liệu tham khảo:

- **Việt Nam Tự Điển.**
Hội Khai Trí Tiến Đức.
- **Việt Nam Tự Điển.**
Lê Văn Đức và Lê Ngọc Trụ.
- **Tự Điển Việt Nam.**
Thanh Nghị.
- **Việt Nam Sử Lược.**
Trần Trọng Kim
- **Việt Sử Toàn Thư.**
Phạm Văn Sơn
- **Địa lí Việt Nam.**
Nguyễn Khắc Ngữ.
- **Văn Việt Ngữ.**
Bùi Văn Bảo.
- **Chữ Việt Học Mau.**
Khuất Hữu Dũng - Thảo Bình.
- **Thơ Tuổi Thơ.**
Nguyễn Hữu Bào.
- **Cẩm Nang Sư Phạm.**
Các Trung Tâm Việt Ngữ Nam California.
- **Em Học Việt Ngữ.**
Trung Tâm Giáo Dục Hồng Bàng.
- **Chúng Em Cùng Học.**
Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang



QUỐC CA VIỆT NAM CỘNG HOÀ

Lưu Hữu Phước



Này Công Dân ơi Đứng lên đáp lời sông núi Đồng lòng cùng
đi hy sinh tiếc gì thân sống. Vì tương lai Quốc dân, cùng
xông pha khói tên, làm sao cho núi sông từ nay luôn vững bền. Dù
cho thầy phổi trên gươm giáo, thù nước lấy máu đào đem
báo Nòi giống lúc biến phải cần giải nguy, người Công Dân
luôn vững bền tâm trí, hùng tráng quyết chiến đấu làm cho khắp nơi vang
tiếng người nước Nam cho đến muôn đời Công Dân ơi! mau hiến thân dưới
cờ Công Dân ơi Mau làm cho cỏi bờ, thoát cơn tàn phá, về
vang nòi giống xứng danh nghìn năm giòng giống Lạc Hồng

VĂN LANG HÀNH KHÚC

Thượng Nhân

Về Văn Lang ta vui chúng ta cùng quay về nguồn
Lòng hằng say ta vui chúng ta cùng xây dựng đời

Về nơi đây hôm nay chúng ta cùng xây đời mới
Rồi mai đây quê hương sẽ vang lòng thế hệ mới

Hãy cùng sánh vai Vì non sông góp công vì quê hương đấu
Hướng về nước Nam Lòng ta luôn quyết tâm cùng nhau đi đắp

tranh Cho khắp nơi chan hoà mừng vui
xây Cho khắp nơi reo mừng đoàn viên

Anh chị em hồi mau về đây ta cùng tô thắm cho đời

sau Cho nước non mai này sẽ thanh bình nơi nơi
Cho cháu con Tiên Rồng sẽ sống đời yên vui

NGÔI TRƯỜNG VĂN LANG

Thượng Nhàn

Nơi Văn Lang em vui học vui Em siêng
Nơi Văn Lang em luôn học chăm Em hăng
năng trau dồi tiếng Việt Em sẽ là học sinh gương
say đến trường mỗi tuần Em sẽ là trò ngoan trong
mẫu Cho xứng là giống giống Ròng Tiên
lớp Cho xứng lòng thương mến thầy cô
Em luôn luôn nghe theo thầy cô Chăm viết
chăm đánh vần chữ Việt Em sẽ thành một người hữu
ích Cho xứng là giống giống Việt Nam
Văn Lang ơi thầy cô yêu mến dạy cho em lễ
Văn Lang ơi trường em yêu dấu là nơi em ra
phép làm người. Em không quên những lời khuyên bảo
sức học hành. Em mong sao đến ngày khôn lớn
Để mai sau xứng thành người dân
Sẽ mang cống hiến về quê hương

VIỆT NAM

Phạm Duy



Việt Nam Việt Nam nghe tự vào đời Việt Nam hai câu nói bên vành nôi Việt

Nam nước tôi Việt Nam Việt Nam tên gọi là người Việt Nam hai câu nói sau cùng đi lia

đời Việt Nam đây miền xinh tươi Việt Nam đem vào sông núi Tự do công bình báo ái muôn

đời Việt Nam không đòi xương máu. Việt Nam kêu gọi thương nhau Việt Nam đi xây đắp yên vui dài

lâu Việt Nam trên đường tương lai lửa thiêng soi toàn thế giới. Việt Nam ta nguyện tranh đấu cho

đời. Tình yêu đây là khí giới. Tình thương đem về muôn nơi. Việt Nam đây tiếng nói đi xây tình

người... Việt Nam Việt Nam Việt Nam quê hương đất nước sáng

ngời Việt Nam Việt Nam Việt Nam muôn đời

VIỆT NAM QUÊ HƯƠNG NGẠO NGHỀ

Nguyễn Đức Quang

1. Ta như nước dâng dâng tràn có bao giờ tàn. Đường dài ngút ngàn chỉ một trận cười vang
 2. Ta như giống dân di tràn trên lò lửa hồng. Mặt lạnh như đồng cùng phin về một xa
 vang. Lê sau bàn chân gông xiềng của thời xa xăm. Đôi mắt ta rực sáng theo nhịp xích kêu loang
 xam. Da chạn mồ hôi nhễ nhại cuộn vòng gân tười. Ôm vết thương rỉ máu ta cười dưới ánh mặt
 xoang. Ta khua xích kêu vang dậy trước mặt mọi người. Nụ cười muôn đời là một nụ cười không
 trời. Ta khuyên cháu con ta còn tiếp tục làm người. Làm người huy hoàng phải chọn làm người dân
 tười. Nụ cười xa vời nụ cười của lòng hồn sỏi. Bước tiến ta tràn tới tung xiềng vào mặt nhân
 Nam. Làm người ngang tàng điểm mặt mày của trần gian. Hồi những ai gục xuống ngời dậy hùng cường đi
 gian. ĐK. Máu ta từ thành Văn Lang dồn lại. Xương da thịt này cha ông
 lên.
 miệt mài Từng ngày qua, cười ngạo nghề đi trong đau nhức không người
 chúng ta thành một đoàn người hiên ngang trên bàn chông hát cười đùa
 vang vang. Còn Việt Nam triệu con tim này còn triệu khối kiêu hùng (2. Ta như giống.....)